



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐO**



## **BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành theo Quyết định số 64./QĐ-ĐHĐĐ ngày M. tháng Q. năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô)*

<b>Tên chương trình</b>	<b>: Dược học</b>
<b>Trình độ đào tạo</b>	<b>: Dược sỹ đại học</b>
<b>Ngành đào tạo</b>	<b>: Dược học</b>
<b>Mã ngành</b>	<b>: 7720201</b>
<b>Loại hình đào tạo</b>	<b>: Chính quy</b>

**Phiên bản điều chỉnh 2025, lần 3**

**Hà Nội, 2025**

Số: 64 /QĐ - ĐHĐĐ

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy,  
trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ năm 2025

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ

Căn cứ Quyết định số 534/TTg ngày 03/10/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Dân lập Đông Đô;

Căn cứ Quyết định số 235/QĐ-TTg ngày 17/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi Trường Đại học Dân lập Đông Đô sang loại hình trường đại học tư thục;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định 62/QĐ-ĐHĐĐ-HĐT ngày 02/10/2023 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Đông Đô;

Căn cứ Hướng dẫn về việc xây dựng và phát triển chương trình đào tạo số 498/HD-ĐHĐĐ ngày 06/12/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo số 17/BB-ĐHĐĐ ngày 24/01/2025 thông qua chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần, điều chỉnh năm 2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này 16 chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy; 05 chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ; 01 chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ và các đề cương chi tiết học phần tương ứng (có danh mục chương trình đào tạo kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2025 (K30) trở đi.

**Điều 3.** Các Ông/Bà Trưởng phòng: Hành chính - Tổng hợp, Kế hoạch - Tài chính, Đào tạo, Khảo thí và Quản lý chất lượng; Viện trưởng Viện Đào tạo sau đại học, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Đào Hải*

Nơi nhận:

- HDT, BGH;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG  
  
*Đào Hải*  
TS. Đào Hải



**DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 64/QĐ-ĐHĐĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô)

1. Danh mục 16 chương trình đào tạo trình độ đại học

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Ngôn ngữ Anh	7220201
2	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204
3	Ngôn ngữ Nhật	7220209
4	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210
5	Quản lý nhà nước	7310205
6	Quản trị kinh doanh	7340101
7	Thương mại điện tử	7340122
8	Tài chính ngân hàng	7340201
9	Kế toán	7340301
10	Luật Kinh tế	7380107
11	Công nghệ thông tin	7480201
12	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205
13	Thú Y	7640101
14	Dược học	7720201
15	Điều dưỡng	7720301
16	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601

2. Danh mục 05 chương trình đào tạo trình độ thạc sỹ

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Quản lý kinh tế	8310110
2	Quản trị kinh doanh	8340101
3	Tài chính – Ngân hàng	8340201
4	Quản lý công	8340403
5	Kiến trúc	8580101

3. Danh mục 01 chương trình đào tạo trình độ tiến sỹ

Stt	Tên ngành	Mã ngành
2	Quản trị kinh doanh	9340101

*Handwritten signature*



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÓ**

-----



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành theo Quyết định số 64./QĐ-ĐHĐĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô)*

<b>Tên chương trình</b>	<b>: Dược học</b>
<b>Trình độ đào tạo</b>	<b>: Dược sỹ đại học</b>
<b>Ngành đào tạo</b>	<b>: Dược học</b>
<b>Mã ngành</b>	<b>: 7720201</b>
<b>Loại hình đào tạo</b>	<b>: Chính quy</b>

**Phiên bản điều chỉnh 2025, lần 3**

**Hà Nội, 2025**

## MỤC LỤC

<b>GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....</b>	<b>2</b>
Giới thiệu về chương trình đào tạo .....	2
Thông tin chung .....	2
<b>MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....</b>	<b>3</b>
Triết lý giáo dục của trường Đại học Đông Đô .....	3
Tâm nhìn và sứ mạng của Khoa Dược – Xét nghiệm .....	8
Mục tiêu của chương trình đào tạo Mục tiêu chung .....	8
<b>CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....</b>	<b>9</b>
<b>VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN SAU KHI TỐT NGHIỆP .....</b>	<b>13</b>
<b>ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....</b>	<b>13</b>
<b>NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....</b>	<b>17</b>
Cấu trúc chương trình đào tạo .....	17
Danh sách học phần .....	21
Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT .....	24
Kế hoạch dạy học .....	35
Chiến lược giảng dạy – học tập .....	41
Chiến lược và phương pháp đánh giá .....	43
<b>MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN .....</b>	<b>45</b>

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số .64.../QĐ- ĐHĐĐ ngày 11. tháng 02. năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường đại học Đông Đô)

### 1. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo đại học ngành Dược học được điều chỉnh nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo đại học, thực hiện các chương trình đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam. Chương trình đào tạo đại học ngành Dược học được kế thừa từ chương trình đào tạo ban hành 2023 và được điều chỉnh bổ sung, phát triển nhiều nội dung mới như: Sửa mục tiêu, chuẩn đầu ra, tăng thời lượng cho khối kiến thức chuyên ngành... để đáp ứng với yêu cầu mới của giáo dục đại học và chuẩn đầu ra theo yêu cầu thị trường lao động có liên quan đến ngành dược trong nước và hội nhập quốc tế trong điều kiện mới.

#### 1.2. Thông tin chung

- + Tên tiếng Việt: Dược học
- + Tên tiếng Anh: Pharmacy
- Mã ngành: 7220201
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian: 5 năm
- Tên bằng tốt nghiệp:
  - + Tiếng Việt: Dược sỹ
  - + Tiếng Anh: The Degree of Pharmacist
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Dược – Xét nghiệm
- Đơn vị cấp bằng: Trường đại học Đông Đô
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt
- Thông tin tuyển sinh:

#### a. Đối tượng tuyển sinh (chuẩn đầu vào):

- Theo quy chế tuyển sinh hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Theo đề án tuyển sinh hàng năm của Trường đại học Đông Đô.

#### b. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

**Điều kiện tốt nghiệp:** Kết thúc khoá học, sinh viên có đủ các tiêu chí sau sẽ được xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp:

- Tích lũy đủ 150 tín chỉ theo quy định của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- Có tiếng Anh đạt trình độ theo quy định khung tham chiếu năng lực ngoại ngữ chung châu Âu, trình độ tin học theo chuẩn đầu ra của Trường Trường đại học Đông Đô;

- Có chứng chỉ Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh;
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Đã hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của Nhà trường.

## 2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 2.1. Triết lý giáo dục của Trường Trường đại học Đông Đô

Triết lý giáo dục của Trường Trường đại học Đông Đô là “Nhân văn - Sáng tạo - Thực nghiệp” được chuyển tải một cách cụ thể vào CTĐT và được thể hiện ở bảng dưới đây.

**Bảng 1. Triết lý giáo dục của Trường Trường đại học Đông Đô được chuyển tải vào CTĐT**

STT	Chương trình đào tạo ngành Dược học	Triết lý giáo dục của Trường Trường đại học Đông Đô		
		Nhân văn	Sáng tạo	Thực nghiệp
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>				
1	Triết học Mác-Lênin	x	x	x
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	x	x	x
3	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	x	x	x
4	Tư tưởng HCM	x	x	x
5	Lịch sử Đảng CSVN	x	x	x
6	Ngôn ngữ Anh 1	x	x	x
7	Ngôn ngữ Anh 2	x	x	x
8	Ngôn ngữ Anh chuyên ngành	x	x	x
9	Tin học đại cương	x	x	x
10	Xác suất - thống kê y học	x	x	x
11	Sinh học đại cương	x	x	x
12	Hóa đại cương vô cơ	x	x	x
13	Vật lý dược	x	x	x
14	Đạo đức hành nghề dược	x	x	x
15	Pháp luật đại cương	x	x	x
16	Phương pháp nghiên cứu khoa học	x	x	x
	Giáo dục thể chất	x	x	x
	Giáo dục QPAN	x	x	x
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>				
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>				
17	Hóa sinh	x	x	x

18	Hóa hữu cơ	x	x	x
19	Hóa Phân tích 1	x	x	x
20	Hóa lý dược	x	x	x
21	Hóa Phân tích 2	x	x	x
22	Giải phẫu	x	x	x
23	Sinh lý	x	x	x
24	Bệnh học	x	x	x
25	Vì sinh - Ký sinh trùng	x	x	x
26	Sinh lý bệnh và miễn dịch	x	x	x
27	Thực vật dược	x	x	x
<b>2.2. Kiến thức chuyên ngành</b>				
<i>Kiến thức ngành (bắt buộc)</i>				
28	Dược liệu 1	x	x	x
29	Hóa dược 1	x	x	x
30	Hóa dược 2	x	x	x
31	Dược liệu 2	x	x	x
32	Bào chế và sinh dược học 1	x	x	x
33	Dược lý 1	x	x	x
34	Thực hành dược khoa	x	x	x
35	Dược học cổ truyền	x	x	x
36	Bào chế và sinh dược học 2	x	x	x
37	Dược lý 2	x	x	x
38	Pháp chế dược	x	x	x
39	Quản lý và kinh tế dược	x	x	x
40	Dược động học	x	x	x
41	Dược lâm sàng 1	x	x	x
42	Độc chất học	x	x	x
43	Sức khỏe môi trường	x	x	x
44	Dược lâm sàng 2	x	x	x
45	Kiểm nghiệm dược phẩm	x	x	x
46	Sản xuất thuốc	x	x	x
47	Tin học dược	x	x	x
48	Sản xuất thuốc từ dược liệu	x	x	x
49	Marketing và thị trường dược phẩm	x	x	x
50	Thực hành sản xuất thuốc tại các xí nghiệp dược phẩm	x	x	x

<b>Kiến thức bổ trợ ngành (chọn 10 tín chỉ)</b>				
51	Mỹ phẩm và thực phẩm bảo vệ sức khỏe	x	x	x
52	Dược cộng đồng	x	x	x
53	Quản lý dược bệnh viện	x	x	x
54	Dược xã hội học	x	x	x
55	Cảnh giác dược	x	x	x
56	Thử thuốc trên lâm sàng và đánh giá tương đương sinh học thuốc	x	x	x
57	Bao bì dược phẩm	x	x	x
58	Phương pháp nghiên cứu dược liệu và thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu làm thuốc (GACP)	x	x	x
<b>3. Thực tập, khóa luận/đồ án tốt nghiệp</b>				
<b>3.1</b>	<b>Thực tập</b>	x	x	x
59	Thực tập tại bệnh viện, tại công đồng	x	x	x
<b>3.2</b>	<b>Bảo vệ khóa luận</b>			
60	Khóa luận tốt nghiệp	x	x	x
<b>3.3</b>	<b>Học phần thay thế tốt nghiệp</b>			
61	Hồ sơ đăng ký thuốc	x	x	x
62	Quản lý chất lượng thuốc trong phân phối, tồn trữ, bán lẻ.	x	x	x
63	Quản lý nhà thuốc và kỹ năng bán hàng	x	x	x
<b>Hoạt động ngoại khoá</b>				
	Thể dục thể thao	x	x	x
	Văn nghệ	x	x	x
	Phong trào xã hội	x	x	x
<b>Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)</b>		Nhân văn	Sáng tạo	Thực nghiệp
<b>CĐR về kiến thức</b>				
<b>Khối kiến thức đại cương</b>				
PLO1 K	Giải thích một cách đúng đắn khách quan các hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy bằng các quan điểm triết học Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh  Vận dụng triển khai quan điểm của triết học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các kiến	x	x	x

	thức cơ bản về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên (toán, lý, hóa, sinh), phương pháp nghiên cứu khoa học, pháp luật, an ninh quốc			
<b>Khối kiến thức cơ sở ngành</b>				
PLO.2 K	Tin học ứng dụng và đạt chuẩn ứng dụng CNTT cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT; vận dụng kiến thức của công nghệ thông tin vào quản lý, ngoại ngữ đạt (3/6); vận dụng các kiến thức toán, vật lý, hóa, sinh đại cương làm nền tảng cho các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành, đáp ứng yêu cầu làm chủ công nghệ được.	x	x	x
<b>Khối kiến thức chuyên ngành</b>				
PLO3 K	Phân tích được kiến thức cơ bản về hoá học, sinh học, y học cơ sở, hệ thống pháp luật Việt Nam, tin học, ngoại ngữ trong hành nghề dược	x	x	x
PLO4 K	Trình bày, phân tích được các kiến thức cơ bản về khoa học cơ bản, y dược học cơ sở để vận dụng cho việc học tập và nghiên cứu các môn học chuyên ngành dược.	x	x	x
PLO5 K	Trình bày được các kiến thức chuyên ngành dược trong các lĩnh vực: pháp chế hành nghề dược; bào chế và sinh dược học thuốc, nghiên cứu các hợp chất tự nhiên làm thuốc; dược lâm sàng; hạch toán kinh tế trong sản xuất, kinh doanh dược phẩm.	x	x	x
PLO6 K	Thực hiện được các nội dung của công tác quản lý chất lượng thuốc theo các nguyên tắc, tiêu chuẩn “Thực hành tốt (GPs)” trong sản xuất, kiểm tra chất lượng, bảo quản tồn trữ, phân phối, bán lẻ, cảnh giác thuốc tại Việt Nam.	x	x	x
<b>Kỹ năng</b>				
<b>Kỹ năng nghề nghiệp</b>				

PLO7 S	Sử dụng thành thạo mức độ cao các dụng cụ, thiết bị và các kỹ thuật cơ bản dùng trong chiết xuất, tổng hợp, bào chế, phân tích và kiểm nghiệm thuốc.  Phân tích được công thức và quy trình sản xuất các dạng thuốc quy ước và một số dạng bào chế mới.	X	X	X
PLO8 S	Tra cứu, phân tích được các tương tác thuốc xảy ra trong điều trị; tổ chức và thực hiện được hoạt động thông tin thuốc; tư vấn, hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, hiệu quả cho cán bộ y tế và bệnh nhân.  Triển khai thực hiện được các văn bản quản lý nhà nước về dược và kiểm tra việc thực hiện các văn bản đó trong hoạt động hành nghề dược	X	X	X
PLO9 S	Vận dụng thành thạo các kiến thức cơ bản về quản lý và đánh giá hiệu quả kinh tế trong hoạt động của doanh nghiệp dược; triển khai kế hoạch cung ứng thuốc và phân tích được số liệu tổng hợp về sử dụng thuốc tại cơ sở y tế; triển khai thực hiện có hiệu quả các nguyên tắc thực hành tốt trong sản xuất, bảo quản tồn trữ, kiểm nghiệm, xuất nhập khẩu, phân phối, bán lẻ thuốc và cảnh giác dược.	X	X	X
<b>Kỹ năng giao tiếp ứng xử</b>				
PLO10 S	Có kỹ năng triển khai làm việc độc lập, làm việc nhóm; phương pháp khoa học và chuyên nghiệp, tư duy hệ thống, phân biện và tư duy phân tích, có kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, dẫn dắt, khởi nghiệp và chủ động hội nhập.			
<b>Thái độ và mức tự chủ và chịu trách nhiệm</b>				
PLO11 A	Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu nghề, có ý thức tổ chức kỷ luật và trách nhiệm trong công việc. Hành nghề theo quy định của pháp luật, theo quy tắc nghề nghiệp, phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện kinh tế; xây dựng mối quan hệ thân thiện, hợp tác tin tưởng với người	X	X	X

	bệnh, người chăm sóc, khách hàng, đồng nghiệp và cộng đồng.			
PLO12 A	Định hướng nghề nghiệp rõ ràng và sẵn sàng học tập suốt đời để đáp ứng sự thay đổi nhanh chóng của ngành dược trong bối cảnh toàn cầu hoá	X	X	X

## 2.2. Sứ mạng và tầm nhìn của Khoa Dược - Xét nghiệm

### 2.2.1. Sứ mạng

Khoa Dược – Xét nghiệm, Trường Đại học Đông Đô, có sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực Dược sĩ đại học và Cử nhân KT Xét nghiệm Y học vững vàng, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt và tinh thần phục vụ cộng đồng, vững vàng về kiến thức chuyên môn, thành thạo kỹ năng thực hành, có tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng cao với sự phát triển của ngành y tế trong nước. Khoa cam tổ chức đào tạo gắn kết giữa Lý thuyết- thực hành- nghiên cứu- ứng dụng đáp ứng nhu cầu xã hội. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và hợp tác với các viện, bệnh viện, doanh nghiệp nhằm phát triển và ứng dụng các tiến bộ trong lĩnh vực Dược học và Xét nghiệm y học, Góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, đồng thời thúc đẩy sự phát triển bền vững của Trường Đại học Đông Đô và hệ thống giáo dục đại học Việt Nam.

### 2.2.2. Tầm nhìn

Là một trong những khoa chủ lực của Trường Đại học Đông Đô, Khoa Dược – Xét Nghiệm phấn đấu trở thành một trong những trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ hàng đầu trong khối ngành sức khỏe các Trường Đại học tư thục tại Việt Nam về lĩnh vực Dược học và Kỹ thuật Xét nghiệm Y học. Khoa hướng tới một môi trường học thuật hiện đại, năng động và sáng tạo, được công nhận về chất lượng đào tạo gắn liền với thực tiễn, được công nhận về chất lượng đào tạo gắn liền với thực tiễn, có uy tín trong cộng đồng khoa học, doanh nghiệp và xã hội, góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành Y – Dược nước nhà.

## 2.3. Mục tiêu của chương trình đào tạo

### 2.3.1. Mục tiêu chung (*Programme General Objectives - PGO*)

Đào tạo dược sỹ trình độ đại học, có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt, có kiến thức khoa học cơ bản và y dược học cơ sở vững vàng, có kiến thức và kỹ năng chuyên môn tốt, để có đủ khả năng hướng dẫn người bệnh hoặc nhân dân sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả; chủ trì hoặc tham gia vào quy trình sản xuất, quản lý và cung ứng thuốc đảm bảo chất lượng và thực hiện đúng các quy định về hành nghề dược trong nền kinh tế thị trường; có khả năng nghiên cứu khoa học và tự học nâng cao



	luật, an ninh quốc phòng, vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn.	
PLO2 (K)	Tin học ứng dụng và đạt chuẩn ứng dụng CNTT cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT. Vận dụng kiến thức của công nghệ thông tin vào quản lý, ngoại ngữ đạt (3/6). Vận dụng các kiến thức toán, vật lý đại cương làm nền tảng cho các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành, đáp ứng yêu cầu làm chủ công nghệ dược và hội nhập quốc tế	K3
<b>1.2.</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>	
PLO3 (K)	Phân tích được kiến thức cơ bản về hoá học, sinh học, giải phẫu, ký sinh trùng...	K3 K4
PLO4 (K)	Phân tích được các kiến thức cơ bản về khoa học cơ bản, y dược học cơ sở để vận dụng cho việc học tập và nghiên cứu các môn học chuyên ngành dược.	K3 K4
<b>1.3.</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành</b>	
PLO5 (K)	Trình bày, phân tích được các kiến thức chuyên ngành dược trong các lĩnh vực: pháp chế hành nghề dược; bào chế và sinh dược học thuốc, nghiên cứu các hợp chất tự nhiên làm thuốc; dược lâm sàng; hạch toán kinh tế trong sản xuất, kinh doanh dược phẩm.	K3 K4
PLO6 (K)	- Thực hiện được các nội dung của công tác quản lý chất lượng thuốc theo các nguyên tắc, tiêu chuẩn “Thực hành tốt (GPs)” trong sản xuất, kiểm tra chất lượng, bảo quản tồn trữ, phân phối, bán lẻ, cảnh giác thuốc tại Việt Nam.	K3
<b>2.Kỹ năng</b>		
<b>2.1.Kỹ năng nghề nghiệp</b>		
PLO7 (S)	- Sử dụng thành thạo mức độ cao các dụng cụ, thiết bị và các kỹ thuật cơ bản dùng trong chiết xuất, tổng hợp, bào chế, phân tích và kiểm nghiệm thuốc.  - Phân tích được công thức và quy trình sản xuất các dạng thuốc quy ước và một số dạng bào chế mới.	S3  S4
PLO8 (S)	- Tra cứu, phân tích được các tương tác thuốc xảy ra trong điều trị; tổ chức và thực hiện được hoạt động thông tin thuốc; tư vấn, hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, hiệu quả cho cán bộ y tế và bệnh nhân.	S3

	- Triển khai thực hiện được các văn bản quản lý nhà nước về dược và kiểm tra việc thực hiện các văn bản đó trong hoạt động hành nghề dược.	S4
PLO9 (S)	- Vận dụng thành thạo các kiến thức cơ bản về quản lý và đánh giá hiệu quả kinh tế trong hoạt động của doanh nghiệp dược; triển khai kế hoạch cung ứng thuốc và phân tích dược số liệu tổng hợp về sử dụng thuốc tại cơ sở y tế.  - Triển khai thực hiện có hiệu quả các nguyên tắc thực hành tốt trong sản xuất, bảo quản tồn trữ, kiểm nghiệm, xuất nhập khẩu, phân phối, bán lẻ thuốc và cảnh giác dược.	S2  S3
<b>2.2. Kỹ năng giao tiếp ứng xử</b>		
PLO10 (S)	-Có kỹ năng triển khai làm việc độc lập, làm việc nhóm; phương pháp khoa học và chuyên nghiệp, tư duy hệ thống, phản biện và tư duy phân tích, có kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, dẫn dắt, khởi nghiệp và chủ động hội nhập.	S3  S4
<b>2.3. Thái độ/ mức tự chủ và chịu trách nhiệm</b>		
PLO11 (A)	- Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu nghề, có ý thức tổ chức kỷ luật và trách nhiệm trong công việc. Hành nghề theo quy định của pháp luật, theo quy tắc nghề nghiệp, phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện kinh tế. Xây dựng mối quan hệ thân thiện, hợp tác tin tưởng với người bệnh, người chăm sóc, khách hàng, đồng nghiệp và cộng đồng.	A3  A4
PLO12 (A)	- Định hướng nghề nghiệp và đề xuất khởi nghiệp rõ ràng và sẵn sàng học tập suốt đời để đáp ứng sự thay đổi nhanh chóng của ngành dược trong bối cảnh toàn cầu hoá	A3  A4

**Bảng 2. Mối quan hệ giữa mục tiêu và CDR của CTĐT**

Mục tiêu đào tạo (POs)	CDR của CTĐT (PLOs)		
	K  (kiến thức)	S  (Kỹ năng)	A  Thái độ/mức tự chủ và trách nhiệm

	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
PO1	K2 K3	K3										
PO2			K3 K4	K3 K4	K3 K4	K3						
PO3							S3 S4	S3 S4				
PO4									S2 S3	S3 S4		
PO5											A3 A4	
PO6												A3 A4

**Bảng 3. Mối quan hệ giữa CDR của CTĐT với khung trình độ Quốc gia**

CDR của CTĐT	Kiến thức (K)						Kỹ năng (S)					Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm (A)					
	K1	K2	K3	K4	K5	K6	S1	S2	S3	S4	S5	A1	A2	A3	A4	A5	
PLO1		x	x														
PLO2			x														
PLO3			x	x													
PLO4			x	x													
PLO5			x	x													
PLO6			x														
PLO7									x	x							
PLO8									x	x							

PLO9								x	x						
PLO10									x	x					
PLO11													x	x	
PLO12													x	x	

#### 4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp dược sĩ đại học, sinh viên sẽ có cơ hội việc làm tại các vị trí sau:

- Làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực dược
- Làm việc tại bệnh viện, các trung tâm y tế, trạm y tế xã: Dược sĩ lâm sàng chịu trách nhiệm cung ứng đảm bảo chất lượng thuốc cả về số lượng lẫn chất lượng, tham vấn với bác sĩ trong việc kê toa, cảnh báo tương tác, hướng dẫn dùng thuốc cho những đối tượng đặc biệt.
- Làm việc tại cơ sở sản xuất: Dược sĩ sẽ nghiên cứu quy trình sản xuất, công thức, dạng bào chế, hoạt chất mới, theo dõi quy trình sản xuất, đảm bảo thuốc sản xuất ra đạt chất lượng, nuôi trồng, chiết xuất dược liệu,...
- Làm việc tại các trường y dược: công tác tại khoa dược của các trường y dược với vai trò là giảng viên, kỹ thuật viên,...
- Làm việc tại viện, trung tâm kiểm nghiệm: Dược sĩ có vai trò kiểm tra chất lượng thuốc, phát hiện thuốc giả, thuốc kém chất lượng,...
- Tại cơ sở kinh doanh: Dược sĩ làm việc tại các cơ sở bán lẻ (nhà thuốc), bán buôn (công ty phân phối) hay công ty nhập khẩu.
- Ngoài ra sinh viên sau khi ra trường còn có thể đảm nhận với nhiều vai trò như: Trình dược viên, nhân viên tư vấn dược, các đơn vị có nhu cầu sử dụng dược sĩ trình độ đại học,...
- Nghiên cứu khoa học.

#### 5. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

##### 5.1. Bảng đối sánh chương trình đào tạo (Bảng 4)

STT	Nội dung so sánh	ĐH ĐÔNG ĐÔ	CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO SO SÁNH	
			Trường ĐH Hòa Bình	Đại học Phenikaa (2021)
1	Thời gian đào tạo	5 năm	5 năm	5 năm
2	Khối lượng kiến thức toàn khóa	150	155	165
3	Cấu trúc kiến thức chương trình	138	143	153
4	Khối kiến thức			
4.1	Kiến thức giáo dục đại cương	37	31	39

4.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	113	124	126
	Trong đó:			
4.2.1	Kiến thức cơ sở ngành	29	31	30
4.2.2	Kiến thức chuyên ngành	64	73	76
4.2.4	Kiến thức bổ trợ (Tự chọn)	10	10	10
4.2.5	Thực tập tốt nghiệp	4	4	4
4.2.6	Khóa luận tốt nghiệp	6	6	6

### 5.2. Nhận xét

- Về số giờ đào tạo: Chương trình ngành Dược học của Trường Đại học Đông Đô khá tương đồng với các trường Đại học trong nước theo bảng thống kê trên.

- Về định hướng đào tạo: Đào tạo cử nhân dược xét nghiệm y học vững về kiến thức, thành thạo thực hành và thích ứng môi trường lao động trong nước và quốc tế.

## 6. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 6.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

**Bảng 4. Mối quan hệ giữa các khối học phần với CDR của CTĐT**

Các khối học phần	Số TC	Tỷ lệ %	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																
			K						S						A				
			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLOI 2					
Khối kiến thức giáo dục đại cương	37	24,60%	K2 K3	K3											S3	S4	A3 A4	A3 A4	
Khối kiến thức cơ sở ngành	29	19,33			K3 K4	K4 K4					S3 S4	S4 S3			S2 S3	S4	A3 A4	A3 A4	
Khối kiến thức chuyên ngành	74	46,60%					K3 K4	K3 K4			S3 S4	S2 S3	S4		S2 S3	S4	A3 A4	A3 A4	
Thực tập & Khóa luận tốt nghiệp	10	6,6%						K3 K4	K3 K4		S3 S4	S2 S3	S4		S2 S3	S4	A3 A4	A3 A4	
<b>Tổng</b>	<b>150</b>	<b>100%</b>																	

## 6.2. Danh sách học phần

TT	Mã HP	Tên học phần xếp theo khối kiến thức	Tổng số tín chỉ	Phân bố tín chỉ	
				Lý thuyết/ thảo luận	Thực hành/thí nghiệm
<b>6.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>			<b>37</b>	<b>38</b>	<b>1</b>
1	7GDC001	Triết học Mác-Lênin	3	3	0
2	7GDC002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0
3	7GDC003	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	2	0
4	7GDC004	Tư tưởng HCM	2	2	0
5	7GDC005	Lịch sử Đảng CSVN	2	2	0
6	7GDC007	Ngôn ngữ Anh 1	3	4	0
7	7GDC008	Ngôn ngữ Anh 2	3	4	0
8	7DUC050	Ngôn ngữ Anh chuyên ngành	3	4	0
9	7GDC019	Tin học đại cương	3	1	2
10	7GDC029	Xác suất thống kê y học	2	2	0
11	7DUC001	Đạo đức hành nghề dược	2	2	0
12	7DUC052	Vật lý dược	2	2	0
13	7GDC036	Hóa đại cương	2	2	0
14	7GDC006	Pháp luật đại cương	2	2	0
15	7DUC002	Sinh học đại cương	2	2	0
16	7GDC021	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
<b>Giáo dục Thể chất, Giáo dục QPAN</b>					
	7GAQ001	Giáo dục QPAN	8		
	7GTC002	Giáo dục thể chất	4		
<b>6.2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			<b>112</b>	<b>68</b>	<b>34</b>
<b>6.2.2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>			<b>29</b>	<b>21</b>	<b>2</b>
17	7DUC003	Hóa sinh	3	2	1
18	7DUC004	Hóa hữu cơ	3	2	1
19	7DUC005	Hóa phân tích 1	2	1	1
20	7DUC006	Hóa lý dược	3	2	1
21	7DUC007	Hóa phân tích 2	3	2	1
22	7DUC008	Giải phẫu	2	2	0
23	7DUC009	Sinh lý	2	2	0
24	7DUC010	Bệnh học	3	3	0
25	7DUC011	Vi sinh - Ký sinh trùng	3	2	1
26	7DUC012	Sinh lý bệnh và miễn dịch	2	2	0
27	7DUC013	Thực vật dược	3	2	1

TT	Mã HP	Tên học phần xếp theo khối kiến thức	Tổng số tín chỉ	Phân bố tín chỉ	
				Lý thuyết/ thảo luận	Thực hành/thí nghiệm
<b>6.2.3. Kiến thức chuyên ngành</b>			<b>74</b>	<b>46</b>	<b>26</b>
<b>6.2.3.1. Kiến thức chuyên ngành (bắt buộc)</b>			<b>62</b>	<b>36</b>	<b>26</b>
28	7DUC014	Dược liệu 1	3	2	1
29	7DUC015	Hóa dược 1	3	2	1
30	7DUC016	Hóa dược 2	3	2	1
31	7DUC017	Dược liệu 2	3	2	1
32	7DUC018	Bào chế và sinh dược học 1	3	2	1
33	7DUC019	Dược lý 1	2	2	0
34	7DUC020	Thực hành dược khoa	3	0	3
35	7DUC021	Dược học cổ truyền	3	2	1
36	7DUC022	Bào chế và sinh dược học 2	3	2	1
37	7DUC023	Dược lý 2	3	2	1
38	7DUC024	Pháp chế dược	3	2	1
39	7DUC025	Quản lý và kinh tế dược	3	2	1
40	7DUC026	Dược động học	2	2	0
41	7DUC027	Dược lâm sàng 1	3	2	1
42	7DUC028	Độc chất học	2	2	0
43	7DUC029	Sức khỏe môi trường	2	2	0
44	7DUC030	Dược lâm sàng 2	3	2	1
45	7DUC031	Kiểm nghiệm dược phẩm	3	2	1
46	7DUC032	Sản xuất thuốc	2	0	2
47	7DUC033	Tin học dược	2	0	2
48	7DUC034	Sản xuất thuốc từ dược liệu	2	0	2
49	7DUC035	Marketing và thị trường dược phẩm	3	2	1
50	7DUC036	Thực hành sản xuất thuốc tại các xí nghiệp dược phẩm	3	0	3
<b>6.2.3.2. Kiến thức bổ trợ ngành (chọn 12 tín chỉ)</b>			<b>12/16</b>	<b>7</b>	<b>3</b>
51	7DUC037	Mỹ phẩm và thực phẩm bảo vệ sức khỏe	2	2	0
52	7DUC038	Dược cộng đồng	2	2	0
53	7DUC039	Quản lý dược bệnh viện	2	2	0
54	7DUC042	Dược xã hội học	2	2	0
55	7DUC043	Cảnh giác dược	2	2	0
56	7DUC044	Thử thuốc trên lâm sàng và đánh giá tương đương sinh học thuốc	2	2	0

TT	Mã HP	Tên học phần xếp theo khối kiến thức	Tổng số tín chỉ	Phân bố tín chỉ	
				Lý thuyết/ thảo luận	Thực hành/thí nghiệm
57	7DUC045	Bao bì dược phẩm	2	2	0
58	7DUC047	Phương pháp nghiên cứu dược liệu và thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu làm thuốc (GACP)	2	2	0
<b>6.2.4. Thực tập, khóa luận/đồ án tốt nghiệp</b>			<b>10</b>	<b>0</b>	<b>10</b>
59	7DUC048	Thực tập tốt nghiệp	4	0	4
60	7DUC049	Khoá luận tốt nghiệp	6	0	6
<b>6.2.5. Học thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>			<b>6</b>		
61	7DUC040	Hồ sơ đăng ký thuốc	2	1	1
62	7DUC041	Quản lý chất lượng thuốc trong phân phối, tồn trữ, bán lẻ.	2	1	1
63	7DUC046	Quản lý nhà thuốc và kỹ năng bán hàng	2	1	1
		<b>Tổng</b>	<b>150</b>		

6.3. Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT

STT	Mã học phần	Tên học phần	K								S				A			
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12				
<b>6.3.1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>																		
<i>Các môn chung</i>																		
1	7GDC001	Triết học Mác-Lênin	K2 K3												S3	A2	A3	
2	7GDC002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	K2 K3												S3	A2	A3	
3	7GDC003	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	K2 K3												S3	A2	A3	
4	7GDC004	Tư tưởng HCM	K2 K3												S3	A2	A3	
5	7GDC005	Lịch sử Đảng CSVN	K2 K3												S3	A2	A3	

STT	Mã học phần	Tên học phần	K								S				A		
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12			
6	7GDC007	Ngôn ngữ Anh 1		K2 K3										S2		A2	
7	7GDC008	Ngôn ngữ Anh 2		K2 K3										S3		A2	
8	7DUC050	Ngôn ngữ Anh chuyên ngành		K3 K4										S3		A3	
9	7GDC019	Tin học đại cương		K3										S3			A3
10	7GDC029	Xác suất thống kê y học		K3													A3
11	7DUC001	Đạo đức hành nghề dược	K3											S3		A3	A3
12	7DUC052	Vật lý dược	K3														A3

STT	Mã học phần	Tên học phần	K												S			A					
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12									
13	7GDC036	Hóa đại cương	K3														S3					A3	
14	7GDC006	Pháp luật đại cương	K2 K3															S3					A3
15	7DUC002	Sinh học đại cương	K3																				A3
16	7GDC021	Phương pháp nghiên cứu khoa học	K3																				A3
	7GAQ001	Giáo dục QPAN																					
	7GTC002	Giáo dục thể chất																					
<b>6.3.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>																							
<b>6.3.2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>																							
17	7DUC003	Hóa sinh																S3					A3

STT	Mã học phần	Tên học phần	K								S				A		
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12			
18	7DUC004	Hóa hữu cơ			K3 K4						S3						A3
19	7DUC005	Hóa phân tích 1			K3 K4						S3						A3
20	7DUC006	Hóa lý dược			K3 K4						S3						A3
21	7DUC007	Hóa phân tích 2			K3 K4						S3						A3
22	7DUC008	Giải phẫu			K3 K4									S2			A3
23	7DUC009	Sinh lý			K3 K4									S2			A3
24	7DUC010	Bệnh học			K3 K4									S2			A3
25	7DUC011	Vi sinh - Ký sinh trùng			K3 K4						S4						A3

STT	Mã học phần	Tên học phần	K								S				A			
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12				
26	7DUC012	Sinh lý bệnh và miễn dịch			K3 K4						S3							A3
27	7DUC013	Thực vật dược			K3 K4						S4			S3				A3
<b>6.3.2.2. Kiến thức chuyên ngành</b>																		
<b>Kiến thức chuyên ngành (bắt buộc)</b>																		
28	7DUC014	Dược liệu 1						K3 K4					S4	S3	S4	A3		A3
29	7DUC015	Hóa dược 1						K3 K4					S4	S3	S4	A3		A3
30	7DUC016	Hóa dược 2						K3 K4					S4	S3	S4	A3		A3
31	7DUC017	Dược liệu 2						K3 K4					S4	S3	S4	A3		A3

STT	Mã học phần	Tên học phần	K								S				A		
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12			
32	7DUC018	Bào chế và sinh dược học 1						K3 K4				S4	S3	S4		A3	A3
33	7DUC019	Dược lý 1						K3 K4				S4	S3	S4		A3	A3
34	7DUC020	Thực hành dược khoa						K3 K4				S4	S3	S4		A3	A3
35	7DUC021	Dược học cổ truyền						K3 K4				S4	S3	S4		A3	A3
36	7DUC022	Bào chế và sinh dược học 2						K3 K4				S4	S3	S4		A3	A3
37	7DUC023	Dược lý 2						K3 K4				S4	S3	S4		A3	A3
38	7DUC024	Pháp chế dược						K3 K4				S4	S3	S4		A3	A3

STT	Mã học phần	Tên học phần	K								S				A	
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12		
39	7DUC025	Quản lý và kinh tế dược						K3 K4				S4	S3	S4	A3	A3
40	7DUC026	Dược động học						K3 K4				S4	S3	S4	A3	A3
41	7DUC027	Dược lâm sàng 1						K3 K4				S4	S3	S4	A3	A3
42	7DUC028	Độc chất học						K3 K4				S4	S3	S4	A3	A3
43	7DUC029	Sức khỏe môi trường						K3 K4				S4	S3	S4	A3	A3
44	7DUC030	Dược lâm sàng 2						K3 K4				S4	S3	S4	A3	A3
45	7DUC031	Kiểm nghiệm dược phẩm						K3 K4				S4	S3	S4	A3	A3
46	7DUC032	Sản xuất thuốc								K3		S4	S3	S4	A3	A3

STT	Mã học phần	Tên học phần	K								S				A				
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12					
47	7DUC033	Tin học dược								K4									
48	7DUC034	Sản xuất thuốc từ dược liệu								K3 K4				S4	S3	S4	A3	A3	
49	7DUC035	Marketing và thị trường dược phẩm								K3 K4				S4	S3	S4	A3	A3	
50	7DUC036	Thực hành sản xuất thuốc tại các xí nghiệp dược phẩm								K3 K4				S4	S3	S4	A3	A3	
<b>Kiến thức bổ trợ</b>																			
51	7DUC037	Mỹ phẩm và thực								K3 K4						S3	A3	A3	

STT	Mã học phần	Tên học phần	K									S				A		
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12				
		phẩm bảo vệ sức khỏe																
52	7DUC038	Dược cộng đồng							K3 K4				S4	S3		A3		A3
53	7DUC039	Quản lý dược bệnh viện							K3 K4				S4	S3		A3		A3
54	7DUC042	Dược xã hội học							K3 K4							A3		A3
55	7DUC043	Cảnh giác dược							K3 K4							A3		A3
56	7DUC044	Thử thuốc trên lâm sàng và đánh giá tương đương sinh học thuốc							K3 K4							A3		A3

STT	Mã học phần	Tên học phần	K								S				A		
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12			
57	7DUC045	Bao bì dược phẩm								K3 K4						A3	A3
58	7DUC047	Phương pháp nghiên cứu dược liệu và thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu làm thuốc (GACP)								K3 K4	S4					A3	A3
<b>6.3.3. Thực tập, khóa luận TN, học thay thế KLTN</b>																	
59	7DUC048	Thực tập tốt nghiệp									S4			S3			A3
60	7DUC049	Khoá luận tốt nghiệp												S4			A3

STT	Mã học phần	Tên học phần	K								S				A			
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12				
61	7DUC040	Hồ sơ đăng ký thuốc										S4		S3				A3
62	7DUC041	Quản lý chất lượng thuốc trong phân phối, tồn trữ, bán lẻ.						K4					S4					A3
63	7DUC046	Quản lý nhà thuốc và kỹ năng bán hàng						K4					S4					A3

**6.4. Kế hoạch dạy học**

Học kỳ	Tổng số TC	STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ			Học phần		
						Lý thuyết	Thực hành/ thí nghiệm/ thảo luận	Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự KT	Tiên quyết	Học trước	Song hành
<b>I</b>	<b>9</b>	1	7GDC001	Triết học Mác-Lênin	3	30	15			x	
		2	7GDC007	Ngôn ngữ Anh 1	4	30	15		x		
		3	7DUC035	Vật lý được	2	30	0		x		
		4	7GTC002	Giáo dục thể chất	4				x		
		5	7GAQ001	Giáo dục Quốc phòng-An ninh	8						x
<b>II</b>	<b>15</b>	1	7GDC002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	30	0			x	
		2	7GDC008	Ngôn ngữ Anh 2	3	60	0			x	
		3	7DUC002	Sinh học đại cương	2	30	30			x	
		4	7DUC008	Giải phẫu	2	30	0				
		5	7GDC019	Tin học đại cương	2	15	30			x	
		6	7GDC035	Hóa đại cương	2	30	30			x	

Học kỳ	Tổng số TC	STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ				Học phần			
						Lý thuyết	Thực hành/ thí nghiệm/ thảo luận	Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự KT	Tiên quyết	Học trước	Song hành		
III	16	7	7GDC029	Xác suất - Thống kê y học	2	30	0			x			
		1	7GDC003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0		x				
		2	7DUC009	Sinh lý	3	30	30				x		
		3	7DUC013	Thực vật dược	3	30	30			x			
		4	7DUC004	Hóa hữu cơ	3	30	30					x	
		5	7DUC020	Thực hành Dược khoa	3	0	135				x		
		6	7DUC003	Hóa sinh	2	30	0						x
IV	16	1	7GDC004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0					x	
		2	7DUC029	Sức khỏe môi trường	2	30	0					x	
		3	7GDC006	Pháp luật đại cương	2	30	0					x	
		4	7DUC005	Hóa phân tích 1	2	15	30					x	

Học kỳ	Tổng số TC	STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ			Học phần		
						Lý thuyết	Thực hành/ thí nghiệm/ thảo luận	Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự KT	Tiền quyết	Học trước	Song hành
V	17	5	7DUC006	Hóa lý dược	3	30	30				X
		6	7DUC011	Vị sinh- Ký sinh trùng	3	30	30				X
		7	7DUC012	Sinh lý bệnh và miễn dịch	2	30	0				X
		1	7GDC005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	0				X
		2	7DUC007	Hóa phân tích 2	3	30	30				X
		3	7DUC014	Dược liệu 1	3	30	30		X		
		4	7GDC0217	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	0		X		
VI	16	5	DUC026	Dược động học	2	30	0				X
		6	DUC028	Độc chất học	2	30	0				X
		7	DUC024	Pháp chế dược	3	30	30				X
		1	7DUC010	Bệnh học	3	45	0				X

Học kỳ	Tổng số TC	STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ			Học phần			
						Lý thuyết	Thực hành/ thí nghiệm/ thảo luận	Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự KT	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
VII	17	2	7DUC017	Dược liệu 2	3	30	30				x	
		3	7DUC033	Tin học dược	2	0	60					x
		4	7DUC018	Bào chế và sinh dược học 1	3	30	30					x
		5	7DUC015	Hóa dược 1	3	30	30					x
		6	7DUC019	Dược lý 1	2	30	0					x
		1	7DUC025	Quản lý và kinh tế dược	3	30	30					x
VIII	13	2	7DUC021	Dược học cổ truyền	3	30	30					x
		3	7DUC016	Hóa dược 2	3	30	30					x
		4	7DUC001	Đạo đức hành nghề dược	2	30	0					x
		5	7DUC023	Dược lý 2	3	30	30					x
		6	7DUC022	Bào chế và sinh dược học 2	3	30	30					x
		1	7DUC031	Kiểm nghiệm dược phẩm	3	30	30					x

Học kỳ	Tổng số TC	STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ			Học phần		
						Lý thuyết	Thực hành/ thí nghiệm/ thảo luận	Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự KT	Tiền quyết	Học trước	Song hành
		2	7DUC027	Dược lâm sàng 1	3	45	0				x
		3	7DUC032	Sản xuất thuốc	2	30	0				x
		4	7DUC050	Anh văn chuyên ngành	3	40	15				x
		5	7DUC034	Sản xuất thuốc từ dược liệu	2	15	30				x
IX		1	7DUC030	Dược lâm sàng 2	3	30	30				x
		2	7DUC035	Marketing và thị trường dược phẩm	3	30	30				x
		3	7DUC036	Thực hành sản xuất thuốc tại các xí nghiệp dược phẩm	3	0	180				x
		4		Kiến thức bổ trợ (Sinh viên chọn 3 trong số các học phần tự chọn dưới đây): - Mỹ phẩm-thực phẩm bảo vệ sức khỏe.	6	75	30				



Học kỳ	Tổng số TC	STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ			Học phần			
						Lý thuyết	Thực hành/ thí nghiệm/ thảo luận	Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự KT	Tiền quyết	Học trước	Song hành	
		2	7DUC048	Thực tập tốt nghiệp	4	0	60		x			
		3	7DUC049	Khóa luận	6	0	90				x	
		4	7DUC040	- Hồ sơ đăng ký thuốc.	2	20	10				x	
		5	7DUC041	Quản lý chất lượng trong phân phối, bảo quản tồn trữ và bán lẻ thuốc.	2	20	10				x	
		6	7DUC046	Quản lý nhà thuốc và kỹ năng bán hàng	2	20	10				x	

### 6.5. Chiến lược giảng dạy – học tập

**Bảng 6. Mối quan hệ giữa CDR của CTĐT và phương pháp dạy học**

STT	Chiến lược và phương pháp dạy học	PLOs														
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PL	PLO 1	PLO 1	PL			
		1										09	0	11	01	2



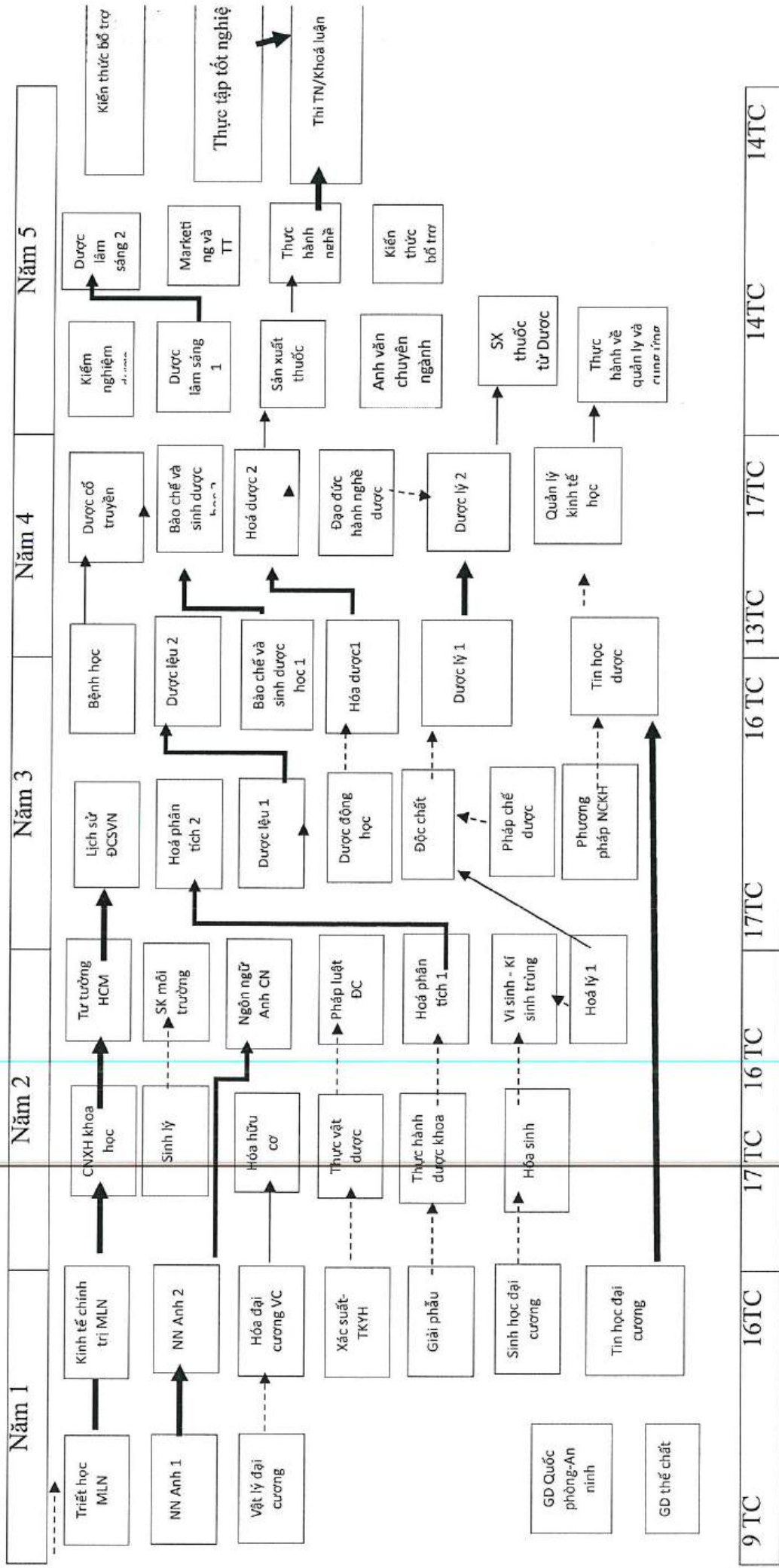
### 6.6. Chiến lược và phương pháp đánh giá

**Bảng 7. Quan hệ giữa phương pháp đánh giá và CĐR của CTĐT**

Phương pháp đánh giá	CĐR của CTĐT (PLOs)											
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
Hxxxx oạt động nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Trắc nghiệ m khác h quan		x		x	x	x	x			x	x	
Thi tự luận	x	x	x	x	x	x		x	x	x		
Thi vấn đáp	x	x	x	x	x		x					
Tiểu luận	x	x	x	x		x		x	x	x	x	x

### 6.7. Sơ đồ tiến trình đào tạo Lộ trình học

Trong đó: Học phần tiên quyết: → Học phần học trước: → Học phần song hành: - - - - -



## 7. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

### 1. HỌC PHẦN TRIẾT HỌC MÁC – LÊ NIN

1. Tên học phần (tiếng Việt): Triết học Mác - Lênin	Tên tiếng Anh: Marx - Lenin Philosophy
2. Mã học phần:	7GDC001
3. Số tín chỉ:	03
4. Thuộc khối kiến thức	Đại cương
5. Loại học phần	Bắt buộc
6. Phân bố thời gian	
- Tổng số giờ chuẩn	150 giờ
- Lý thuyết	44 giờ
- Kiểm tra điều kiện	1 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	105 giờ
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Nguyễn Văn Trường ThS. Nguyễn Thị Linh và GV nhóm soạn thảo
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	(Không)
- Học phần học trước:	(Không)
- Học phần song hành:	(Không)

### 9. Mô tả tóm tắt học phần

Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác – Lê nin, về vai trò của triết học Mác – Lê nin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

### 10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Giải thích được các phạm trù, quy luật cơ bản của triết học Mác – Lênin và vai trò phương pháp luận của triết học đối với nhận thức và hoạt động thực tiễn.
CLO2	K3	Vận dụng nguyên lý, quy luật triết học để lý giải hiện tượng tự nhiên, xã hội và thực tiễn nghề nghiệp chuyên ngành.
CLO3	S3	Sử dụng luận điểm khoa học để xây dựng quan điểm cá nhân phù hợp với nền tảng triết học Mác – Lênin.
CLO4	A2	Thảo luận nghiêm túc, trung thực, trách nhiệm trong học tập và

		nghiên cứu các vấn đề lý luận chính trị.
CLO5	A3	Phê phán các quan điểm sai trái với triết học Mác - Lênin.

## 2. HỌC PHẦN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊ NIN

<b>1. Tên học phần (tiếng Việt):</b> Kinh tế chính trị Mác – Lênin	<b>Tên tiếng Anh:</b> Political Economics of Marxism and Leninism
<b>2. Mã học phần:</b>	7GDC002
<b>3. Số tín chỉ:</b>	02
<b>4. Thuộc khối kiến thức:</b>	Giáo dục đại cương
<b>5. Loại học phần:</b>	Bắt buộc
<b>6. Phân bổ thời gian:</b>	
- Tổng giờ chuẩn:	100
- Lý thuyết:	29 giờ
- Đánh giá giữa học phần:	01 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm:	70 giờ
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần</b>	ThS. Nguyễn Văn Trường ThS. Nguyễn Thị Linh và GV nhóm soạn thảo
<b>8. Điều kiện tham gia học phần</b>	
- Học phần tiên quyết	Triết học Mác – Lê nin
- Học phần học trước	Triết học Mác – Lê nin
- Học phần song hành	(Không)

### 9. Mô tả tóm tắt học phần

Nội dung môn học gồm 6 chương: Chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Kinh tế chính trị Mác - Lênin như đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin; từ chương 2 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản về: Hàng hóa thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN, Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

### 10. Chuẩn đầu ra học phần

<b>CDR học phần</b>	<b>TĐNL</b>	<b>Mô tả CDR học phần</b>
CLO1	K2	Giải thích được các phạm trù, quy luật, nguyên lý cơ bản và vai trò phương pháp luận của kinh tế chính trị Mác – Lênin đối với nhận thức và hoạt động thực tiễn.
CLO2	K3	Vận dụng kiến thức, phương pháp luận kinh tế chính trị Mác - Lênin để lý giải hiện tượng tự nhiên, xã hội và thực tiễn nghề nghiệp chuyên ngành.

CLO3	S3	Sử dụng luận điểm khoa học để xây dựng quan điểm cá nhân phù hợp với nền tảng lý luận Kinh tế chính trị Mác - Lênin.
CLO4	A2	Thảo luận nghiêm túc, trung thực, trách nhiệm trong học tập và nghiên cứu các vấn đề lý luận chính trị.
CLO5	A3	Phê phán các quan điểm sai trái với kinh tế chính trị Mác - Lênin.

### 3. HỌC PHẦN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

(Scientific Socialism)

<b>1. Tên học phần (tiếng Việt):</b> Chủ nghĩa xã hội khoa học	<b>Tên tiếng Anh:</b> Scientific Socialism
<b>2. Mã học phần:</b>	7GDC003
<b>3. Số tín chỉ:</b>	02
<b>4. Thuộc khối kiến thức:</b>	Giáo dục đại cương
<b>5. Loại học phần:</b>	Bắt buộc
<b>6. Phân bố thời gian:</b>	
- Tổng giờ chuẩn:	100 giờ
- Lý thuyết:	29 giờ
- Đánh giá giữa học phần:	01 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm:	70 giờ
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần</b>	ThS. Nguyễn Văn Trường ThS. Nguyễn Thị Linh và nhóm soạn thảo
<b>8. Điều kiện tham gia học phần</b>	
- Học phần tiên quyết	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin
- Học phần học trước	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin
- Học phần song hành	(Không)

#### 9. Mô tả tóm tắt học phần

Nội dung học phần gồm 7 chương: Chương 1, trình bày những quan điểm cơ bản về: quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; từ Chương 2 đến Chương 7 trình bày về: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo và Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

#### 10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐN L	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Giải thích được các nguyên lý, quan điểm, quy luật cơ bản và vai trò phương pháp luận của chủ nghĩa xã hội khoa học đối với nhận thức và hoạt động thực tiễn.

CLO2	K3	Vận dụng nguyên lý, quy luật của chủ nghĩa xã hội khoa học để phân tích các vấn đề chính trị – xã hội, liên hệ ngành nghề đang học
CLO3	S3	Sử dụng luận điểm khoa học để xây dựng quan điểm cá nhân phù hợp với nền tảng chủ nghĩa xã hội khoa học.
CLO4	A2	Thảo luận nghiêm túc, trung thực, trách nhiệm trong học tập và nghiên cứu các vấn đề lý luận chính trị.
CLO5	A3	Phê phán các quan điểm sai trái với chủ nghĩa xã hội khoa học.

#### 4. HỌC PHẦN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

<b>1. Tên học phần (tiếng Việt):</b> Tư tưởng Hồ Chí Minh	<b>Tên tiếng Anh:</b> Ho Chi Minh Thought
<b>2. Mã học phần:</b>	7GDC004
<b>3. Số tín chỉ:</b>	02
<b>4. Thuộc khối kiến thức:</b>	Giáo dục đại cương
<b>5. Loại học phần:</b>	Bắt buộc
<b>6. Phân bổ thời gian:</b>	
- Tổng số giờ chuẩn	100 giờ
- Lý thuyết:	29 giờ
- Đánh giá giữa học phần:	01 giờ
- Tự học, tự nghiên cứu, trải nghiệm	70 giờ
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần</b>	ThS. Nguyễn Thị Linh ThS. Nguyễn Văn Trường và nhóm GV soạn thảo
<b>8. Điều kiện tham gia học phần</b>	
- Học phần tiên quyết	Chủ nghĩa xã hội khoa học
- Học phần học trước	Chủ nghĩa xã hội khoa học
- Học phần song hành	(Không)

#### 9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh được kết cấu làm 6 chương. Chương 1 trình bày về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh. Chương 2 giới thiệu về cơ sở và quá trình hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ chương 3 đến chương 6 bao gồm các quan điểm về: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người của Hồ Chí Minh

#### 10. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần

CLO1	K2	Giải thích được các quan điểm cơ bản và vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với nhận thức và hoạt động thực tiễn.
CLO2	K3	Vận dụng các quan điểm và phương pháp luận tư tưởng Hồ Chí Minh để lý giải hiện tượng tự nhiên, xã hội và thực tiễn nghề nghiệp chuyên ngành.
CLO3	S3	Sử dụng luận điểm khoa học để xây dựng quan điểm cá nhân phù hợp với nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh.
CLO4	A2	Thảo luận nghiêm túc, trung thực, trách nhiệm trong học tập và nghiên cứu các vấn đề lý luận chính trị.
CLO5	A3	Phê phán các quan điểm sai trái với tư tưởng Hồ Chí Minh.

## 5. HỌC PHẦN LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

(History of the Vietnamese Communist Party)

<b>1. Tên học phần (tiếng Việt):</b> Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	<b>Tên tiếng Anh:</b> History of the Vietnamese Communist Party
<b>2. Mã học phần:</b>	7GDC005
<b>3. Số tín chỉ:</b>	02
<b>4. Thuộc khối kiến thức:</b>	Giáo dục đại cương
<b>5. Loại học phần:</b>	Bắt buộc
<b>6. Phân bổ thời gian:</b>	
- Tổng số giờ chuẩn	100 giờ
- Lý thuyết:	29 giờ
- Đánh giá giữa học phần:	01 giờ
- Tự học, tự nghiên cứu, trải nghiệm	70 giờ
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần</b>	ThS. Nguyễn Thị Linh ThS. Nguyễn Văn Trường và GV nhóm soạn thảo
<b>8. Điều kiện tham gia học phần</b>	
- Học phần tiên quyết	Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Học phần học trước	Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Học phần song hành	(Không)

### 9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam bao gồm hệ thống các quan điểm về: đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay) và Kết luận.

### 10. Chuẩn đầu ra học phần

<b>CĐR học phần</b>	<b>TĐNL</b>	<b>Mô tả CĐR học phần</b>
CLO1	K2	Giải thích được nội dung, tính đúng đắn, sáng tạo các quan điểm cơ bản, đường lối cách mạng và ý nghĩa, bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng.
CLO2	K3	Vận dụng phương pháp luận khoa học và các bài học kinh nghiệm của Đảng để phân tích các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, liên hệ ngành nghề đang học
CLO3	S3	Sử dụng thành thạo kiến thức và phương pháp luận lịch sử Đảng để xây dựng quan điểm khoa học của cá nhân
CLO4	A2	Thảo luận nghiêm túc, trung thực, trách nhiệm trong học tập và nghiên cứu các vấn đề lý luận chính trị.
CLO5	A3	Phê phán các quan điểm sai trái với Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

## 6. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: NGÔN NGỮ ANH 1

<b>1. Tên học phần (tiếng Việt): Tiếng Anh 1</b>	<b>Tên tiếng Anh: General English 1</b>
<b>2. Mã học phần:</b>	<b>7GDC007</b>
<b>3. Số tín chỉ:</b>	<b>03</b>
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Giáo dục đại cương
<b>5. Loại học phần:</b>	Bắt buộc
<b>6. Phân bổ thời gian:</b>	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	14
- Đánh giá giữa học phần	1 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần:</b>	ThS. Lê Thị Mai ThS.Nhữ Kim Huế
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

### 9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Ngôn ngữ Anh 1 sinh viên lĩnh hội được các kiến thức về ngữ âm, chữ viết, từ vựng, ngữ pháp và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cơ bản tương đương trình độ A1 theo Khung tham chiếu châu Âu tức Bậc 1 theo Khung năng lực Việt Nam.

### 10. Chuẩn đầu ra học phần

<b>CĐR học phần</b>	<b>TĐ NL</b>	<b>Mô tả CĐR học phần</b>
CLO1	K2	Giải thích được những kiến thức cơ bản về hệ thống chữ cái, hệ thống nguyên âm, phụ âm, kí hiệu phiên âm quốc tế, trọng âm từ, trọng âm câu, ngữ điệu trong câu trần thuật, và trong câu hỏi có - không.
CLO2	K3	Vận dụng triển khai những kiến thức cơ bản về hệ thống chữ cái, hệ thống nguyên âm, phụ âm, ngữ pháp ... vào các chủ đề gần gũi quen thuộc như: bản thân, gia đình, bạn bè, nghề nghiệp, nơi ở, đất nước, quốc tịch, các hoạt động thường ngày, hoạt động giải trí, v.v.
CLO3	S2	Thực hiện tốt ngữ pháp cơ bản như: cách sử dụng mạo từ (a/an), động từ tobe ở thì hiện tại đơn, đại từ chỉ định this, that, động từ khuyết thiếu can/ can't, động từ have/has, like +ving, thì hiện tại đơn và một số cấu trúc câu thông dụng, viết và trả lời lại được các tình huống cơ bản trong đời sống hằng ngày v.v.
CLO4	A2	Thảo luận nghiêm túc, trung thực, trách nhiệm trong học tập và nghiên cứu

## **7. HỌC PHẦN: NGÔN NGỮ ANH 2**

### **(General English 2)**

<b>1. Tên học phần (tiếng Việt): Tiếng Anh 2</b>	<b>Tên tiếng Anh: General English 2</b>
<b>2. Mã học phần:</b>	<b>7GDC008</b>
<b>3. Số tín chỉ:</b>	<b>03</b>
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Giáo dục đại cương
<b>5. Loại học phần:</b>	Bắt buộc
<b>6. Phân bổ thời gian:</b>	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	14
- Đánh giá giữa học phần	1 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần:</b>	ThS. Lê Thị Mai ThS.Nhữ Kim Huế
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Ngôn ngữ Anh 1
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	

### **9. Mô tả tóm tắt học phần:**

Học phần Tiếng Anh cơ sở 2 trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Anh cao hơn ở bậc 1, làm nền tảng để tiếp tục nâng cao khả năng sử

dụng tiếng Anh nhằm tiến tới đạt được trình độ tương đương A2 theo Khung tham chiếu châu Âu (CEFR), tức Bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành ngày 24 tháng 1 năm 2014 (Khung năng lực) về cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

#### 10. Chuẩn đầu ra học phần

<b>CDR học phần</b>	<b>TĐNL</b>	<b>Mô tả CDR học phần</b>
CLO1	K2	Giải thích được những câu và những cụm từ được sử dụng thường xuyên liên quan tới nhu cầu thiết yếu hàng ngày, (ví dụ như những thông tin rất cơ bản về cá nhân và gia đình, nơi cư trú, học hành, công việc, v.v.)
CLO2	K3	Vận dụng những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp để thực hiện được những cuộc trò chuyện ngắn, đơn giản về những chủ đề quen thuộc.
CLO3	S3	Thực hiện thành thạo giao tiếp đơn giản hàng ngày, trao đổi những thông tin trực tiếp về những vấn đề quen thuộc thông thường ở dạng nói và dạng viết, những từ ngữ đơn giản, dễ hiểu để mô tả về cuộc sống cá nhân, môi trường sống và làm việc thân thuộc cũng như có thể trao đổi về nhu cầu thiết yếu của cá nhân; có thể đưa ra các yêu cầu hay các chỉ dẫn ngắn gọn và bước đầu sử dụng phục vụ cho dịch tài liệu chuyên ngành công nghệ thông tin
CLO5	A2	Thảo luận nghiêm túc, trung thực, trách nhiệm trong học tập và nghiên cứu

#### 8. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: NGÔN NGỮ ANH 3

(General English 3)

<b>1. Tên học phần (tiếng Việt): Tiếng Anh 3</b>	<b>Tên tiếng Anh: General English 3</b>
<b>2. Mã học phần:</b>	<b>7GDC009</b>
<b>3. Số tín chỉ:</b>	<b>03</b>
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Giáo dục đại cương
<b>5. Loại học phần:</b>	Bắt buộc
<b>6. Phân bổ thời gian:</b>	
- Lý thuyết	30
- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	14
- Đánh giá giữa học phần	1 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần:</b>	TS. Lê Thị Mai ThS.Nhữ Kim Huế
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Ngôn ngữ Anh 1

	Ngôn ngữ Anh 2
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	

### 9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Ngôn ngữ Anh 3 trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Anh tương đương trình độ B1 theo Khung tham chiếu châu Âu (CEFR), tức Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 24 tháng 1 năm 2014 (Khung năng lực) về cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

### 10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐ NL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K3	Vận dụng được những kiến thức cơ bản để nghe, nói, đọc, viết được những cuộc trò chuyện ngắn, đơn giản về những chủ điểm quen thuộc.
CLO2	S3	Thực hiện thành thạo giao tiếp đơn giản hàng ngày, trao đổi những thông tin trực tiếp về những vấn đề quen thuộc thông thường ở dạng nói và dạng viết để có thể mô tả về cuộc sống cá nhân, môi trường sống và làm việc thân thuộc, có thể đưa ra các yêu cầu hay các chỉ dẫn ngắn gọn và bước đầu phục vụ dịch tài liệu cho công tác chuyên môn về công nghệ thông tin
CLO3	A3	Chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm trong học tập và công tác sau này

### 9. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

1. Tên học phần (tiếng Việt): Pháp luật đại cương	Tên tiếng Anh: Fundamentals of Law
2. Mã học phần:	7GDC006
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Khối kiến thức giáo dục đại cương
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	29
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0
- Đánh giá giữa học phần	1
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	TS. Đặng Thúy Quỳnh và nhóm GV soạn thảo
8. Điều kiện tham gia học phần:	

- Học phần tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	Triết học Mác- Lênin
- Học phần song hành:	Theo tiến trình của CTĐT

### 9. Mô tả tóm tắt học phần:

Là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức đại cương, giảng dạy cho sinh viên các trường đại học không chuyên ngành luật. Học phần gồm các kiến thức khái quát chung về Nhà nước và pháp luật; hệ thống pháp luật; luật hiến pháp; luật hành chính; luật dân sự; luật hình sự; giúp sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về pháp luật Việt Nam, áp dụng vào thực tiễn, nâng cao ý thức pháp luật, đánh giá, định hướng hành vi của mình và người khác theo chuẩn mực pháp lý, tôn trọng và thực hiện pháp luật.

### 10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Giải thích được các nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật, như: nguồn gốc ra đời, bản chất, đặc điểm, chức năng, kiểu Nhà nước, hình thức Nhà nước; cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; đặc điểm của pháp luật; khái niệm quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.
CLO2	K3	Vận dụng được các quy định cơ bản của pháp luật Việt Nam trong các ngành luật: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Hôn nhân và Gia đình vào phân tích các vấn đề liên quan
CLO3	S3	Sử dụng thành thạo hệ thống văn bản quy phạm pháp luật vào từng tình huống cụ thể phát sinh trong thực tiễn
CLO4	A3	Chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm trong học tập, nghiên cứu và công tác liên quan đến học phần

## 8. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC NGÔN NGỮ ANH CHUYÊN NGÀNH

<b>1. Tên học phần (tiếng Việt):</b> Ngôn ngữ Anh – Chuyên ngành Dược	<b>Tên tiếng Anh:</b> English for pharmacy students
<b>2. Mã học phần:</b>	7DUC050
<b>3. Số tín chỉ: 02</b>	

<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Các môn chung
<b>5. Loại học phần:</b>	Bắt buộc
<b>6. Phân bổ thời gian:</b>	
- Lý thuyết	28
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ kiểm tra, 1 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	70
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần:</b>	ThS. Trịnh Lương Nga ThS. Vũ Thị Bình
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	Toán xác suất thống kê y học

#### 9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành Dược tập trung vào kiến thức cơ bản bằng Tiếng Anh chuyên ngành Dược. Học phần cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, thuật ngữ chung về chuyên ngành sức khỏe và ngành Dược. Từ đó giúp sinh viên có khả năng đọc, hiểu và phân tích các tài liệu chuyên môn có liên quan đến chuyên ngành, có khả năng tự học, tự nghiên cứu tài liệu nâng cao chuyên môn trong công việc sau này.

#### 10. Chuẩn đầu ra học phần

<b>CĐR học phần</b>	<b>TĐNL</b> (Thang đo năng lực)	<b>Mô tả CĐR học phần</b>
CLO1	K2 (Nhớ kiến thức)	Ghi nhớ các khái niệm, thuật ngữ chuyên ngành bằng Tiếng Anh, các loại thuốc, kháng sinh, vitamin, ..., phân loại, nguồn gốc, .....
CLO 2	K2 (Nhớ kiến thức)	Nhớ từ vựng về bộ phận cơ thể, nhóm máu, triệu chứng, chứng bệnh, v.v ... bằng Tiếng Anh qua các bài đọc trong tài liệu.
CLO3	S2 (Hiểu kiến thức)	Hiểu những kiến thức về y học, về ngành Dược ở mức tổng quan, kiến thức về thuốc và dạng thuốc, công dụng và cách sử dụng một số loại thuốc....

CLO4	S3 (Áp dụng)	Áp dụng các kiến thức vào tình huống giao tiếp đơn giản bằng Tiếng Anh để chăm sóc sức khỏe qua hoạt động thể chất, tinh thần, ăn uống, lối sống, phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc.
CLO5	A2 (Tự chủ tiếp nhận)	Nhận thức tầm quan trọng của việc học và ứng dụng Tiếng Anh chuyên ngành để chủ động nghiên cứu và nâng cao khả năng tự học, tham khảo các tài liệu chuyên môn.
CLO6	A3 (Hồi đáp, phản ứng)	Có thái độ thân thiện, sẵn sàng phục vụ bệnh nhân, cộng đồng. Nghiêm túc, cẩn thận, tích cực, trong công việc, phối hợp tốt với đồng nghiệp.

### 9. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG

<b>1. Tên học phần (tiếng Việt):</b> Tin học đại cương	<b>Tên tiếng Anh:</b> General Informatics
<b>2. Mã học phần:</b>	7DGC019
<b>3. Số tín chỉ:</b>	3
<b>4. Thuộc khối kiến thức:</b>	Khối kiến thức giáo dục đại cương
<b>5. Loại học phần:</b>	Bắt buộc
<b>6. Phân bổ thời gian:</b>	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận:	14 tiết
- Đánh giá giữa học phần:	1 tiết
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm:	90 giờ
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần:</b>	- TS. Phạm Thế Quế - TS. Nguyễn Duy Bảo - ThS. Lê Kim Thanh
<b>8. Điều kiện tham gia học phần</b>	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

### 9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần gồm 2 nội dung:

- Phần 1: Các khái niệm cơ sở về thông tin, phần cứng và phần mềm máy tính, các ứng dụng và đạo đức nghề nghiệp.

- Phần 2: Kiến thức kỹ năng sử dụng: hệ điều hành, MS office (hoặc Open office) và khai thác một số dịch vụ trên Internet.

### 10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K3	<i>Vận dụng</i> triển khai các kiến thức cơ bản về dữ liệu, đơn vị đo thông tin, phân loại thông tin, khái niệm xử lý thông tin, các kiến thức hệ điều hành, một số phần mềm thông dụng như phần mềm hỗ trợ công tác văn phòng và khai thác Internet...
CLO2	S3	<i>Sử dụng</i> thành thạo các phần mềm của Microsoft Office, cụ thể để: soạn thảo văn bản trong Word; tính toán trong bảng tính Excel; biên soạn và trình chiếu các thuyết trình trong PowerPoint, khai thác các dịch vụ cơ bản trên Internet, một số phần mềm tiện ích, phần mềm văn phòng thông dụng một số sự cố thông thường về phần mềm khi gặp phải
CLO5	A3	<i>Chia sẻ</i> kiến thức và kinh nghiệm cho tập thể trong quá trình học tập, nghiên cứu và làm việc liên quan đến chuyên môn

#### 10. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN XÁC SUẤT THỐNG KÊ Y HỌC

<b>1. Tên học phần (tiếng Việt):</b> Xác suất thống kê y học	<b>Tên tiếng Anh:</b> Probability and Medical statistics
<b>2. Mã học phần:</b>	7GDC029
<b>3. Số tín chỉ:</b>	02
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Cơ sở khối ngành
<b>5. Loại học phần:</b>	Chọn
<b>6. Phân bổ thời gian: 100 giờ</b>	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	65
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần:</b>	ThS. Nguyễn Thùy Dương
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	Vật lý – Lý sinh

#### 9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê, từ đó giúp sinh viên giải quyết một số vấn đề chuyên môn thông qua điều tra và xử lý số liệu thống kê, cũng như làm công cụ hỗ trợ cho các học phần Y Dược.

## 10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Hiểu được ĐN xác suất, xác suất có điều kiện, công thức cộng và nhân, các hệ quả như công thức Becnuli, xác suất đầy đủ, Bayes.
CLO2	K3 (Áp dụng)	Xác định được mẫu ngẫu nhiên và các đặc trưng mẫu
CLO3	S2 (Vận dụng)	Tính được xác suất của biến cố bằng cách kết hợp các công thức công thức Becnuli, xác suất đầy đủ, Bayes.
COL4	S3 (Vận dụng thành thạo)	Vận dụng được các qui luật của XSTK vào thống kê y học
CLO5	A2 (Tự chủ tiếp nhận)	Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động trên lớp, nghiên cứu và làm bài tập tại nhà.
CLO6	A2 (Hỏi đáp, phản ứng)	Có ý thức tự học, tự nghiên cứu đam mê tìm tòi phát triển ứng dụng trong ngành xét nghiệm y học

## 6. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ĐẠO ĐỨC HÀNH NGHỀ DƯỢC

<b>1. Tên học phần (Tiếng Việt): đạo đức hành nghề dược</b>	<b>Tên tiếng Anh:</b> Ethics for pharmacy practice
<b>2. Mã học phần:</b>	7DUC001
<b>3. Số tín chỉ:</b>	2
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Kiến thức cơ sở ngành
<b>5. Loại học phần:</b>	Bắt buộc
<b>6. Phân bổ thời gian: 100 giờ</b>	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	
- Đánh giá giữa học phần	5 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	65 giờ
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần</b>	ThS. Hoàng Thị Chung DSCKII: Hoàng Duy Hiền
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Pháp chế, kinh tế dược
- Học phần học trước:	Marketing và thị trường Dược phẩm

- Học phần song hành:	Pháp chế
-----------------------	----------

### 9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về đạo đức và các quy định chung trong hành nghề dược, các chuẩn mực đạo đức trong kinh doanh, sản xuất, tư vấn sử dụng thuốc và đặc biệt là những nghiên cứu về thử thuốc trên lâm sàng.

### 10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Mô tả được các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của ngành Dược
CLO2	K3 (Áp dụng)	Hiểu được các khái niệm trong Luật Dược
CLO3	S2 (Vận dụng)	Hiểu được những quy định về hoạt động kinh doanh dược
COL4	S3 (Vận dụng thành thạo)	Hiểu được các qui định trong quản lý chất lượng thuốc
CLO5	A2 (Tự chủ tiếp nhận)	Hiểu được các quy định liên quan đến quản lý thuốc phải kiểm soát đặc biệt
CLO6	A2 (Hỏi đáp, phản ứng)	Trình bày được cấu trúc, ý nghĩa hệ thống phân loại thuốc ATC/DDD/VEN;

### 12. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG

1. Tên học phần (tiếng Việt): Vật lý đại cương	Tên tiếng Anh: General Physics
2. Mã học phần:	7DUC052
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Cơ sở khối ngành
5. Loại học phần:	Chọn
6. Phân bổ thời gian: 100 giờ	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	65

<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần:</b>	TS. Vũ Thị Trang
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Hóa Hữu cơ

### 9. Mô tả tóm tắt học phần

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về vật lý đại cương đối với sức khỏe con người. Hiểu được vai trò của vật lý đối với Dược học và khoa học sự sống, ghi nhớ được phương pháp đo lường và đơn vị đo, một số đặc điểm của nhóm mẫu lớn

### 10. Chuẩn đầu ra học phần

<b>CĐR học phần</b>	<b>TĐNL</b> (Thang đo năng lực)	<b>Mô tả CĐR học phần</b>
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Vận dụng được các kiến thức đã học về Vật lý đại cương vào việc tiếp thu các kiến thức có liên quan đến lĩnh vực trong ngành dược.
CLO2	K3 (Áp dụng)	Vận dụng được các kiến thức nền tảng kỹ thuật nâng cao, về các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực công nghệ bảo vệ thuốc chữa bệnh, đáp ứng được công việc nghiên cứu công nghệ, cải tiến công nghệ và phát triển sản phẩm mới
COL3	S2 (Vận dụng)	Có kỹ năng thực nghiệm về Vật lý đại cương trong kiểm nghiệm dược như: tách chất, định tính các chất vô cơ trong các sản phẩm thuốc và liên quan đến thuốc.
CLO4	S3 (Vận dụng thành thạo)	Có kỹ năng thực nghiệm và đánh giá kết quả thực nghiệm trong qui trình công nghệ sản xuất thuốc trong ngành dược.
CLO5	A2 (Tự chủ tiếp nhận)	Nhận thức được rằng môn Vật lý đại cương là kiến thức nền tảng của ngành dược.
CLO6	A3 (Hồi đáp, phản ứng)	Có ý thức tự học, tự nghiên cứu đam mê tìm tòi phát triển ứng dụng trong công nghệ dược phẩm.

### 12. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HÓA ĐẠI CƯƠNG

<b>1. Tên học phần (tiếng Việt):</b> Hóa Đại cương vô cơ	<b>Tên tiếng Anh:</b> Inorganic diamond chemistry
<b>2. Mã học phần:</b>	7GDC036

<b>3. Số tín chỉ:</b>	<b>02</b>
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Cơ sở ngành
<b>5. Loại học phần:</b>	Bắt buộc
<b>6. Phân bổ thời gian: 100 giờ</b>	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	5
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	65
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần:</b>	<b>ThS. Hoàng Thị Tĩnh</b>
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Hóa vô cơ THPT
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	Vật lý đại cương/ Tin học Đại cương

### 9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về cấu tạo nguyên tử, cân bằng hóa học, tính chất của dung dịch không điện ly, dung dịch điện ly, dung dịch phức chất, dung dịch chất điện ly ít tan, phản ứng oxy hóa khử và dòng điện. Đặc điểm, trạng thái, tinh chất lý hóa, và phân loại các nguyên tố như Hydrogen, các nguyên tố thuộc nhóm I đến VIII.

### 10. Chuẩn đầu ra học phần

<b>CĐR học phần</b>	<b>TĐNL</b> (Thang đo năng lực)	<b>Mô tả CĐR học phần</b>
CLO1	K2	Hiểu được tính chất vật lý, hóa học, nguyên tắc điều chế và những ứng dụng quan trọng trong y và dược học của những đơn chất, hợp chất điển hình của các nguyên tố điển hình từ nhóm I đến nhóm VIII
CLO2	K2	Hiểu được bản chất của liên kết hóa học, nhiệt động lực học, khái niệm về tốc độ phản ứng, cân bằng hóa học, các loại điện cực, và các tính chất cùng ứng dụng của các nguyên tố họ s,p,d, hợp chất của nó trong y dược
CLO3	S2	Nêu được nguyên lý 1,2 của nhiệt động lực học và viết được biểu thức của hai nguyên lý
CLO4	S3	Đánh giá chiều phản ứng có lợi để có hướng đưa phản ứng hóa học điều chế các chất theo hướng có lợi đó

CLO5	A2	Thái độ học tập: có thái độ nghiêm túc trong học tập chấp hành nội qui lớp học và nhà trường – thực hiện yêu cầu của giảng viên khi được giao nhiệm vụ.
CLO6	A2	Biết đặt câu hỏi tìm kiếm kiến thức khai thác nguồn tài liệu, chủ động lập KH học tập, nghiên cứu.

### 15. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

<b>1. Tên học phần (tiếng Việt):</b> Pháp luật đại cương	<b>Tên tiếng Anh:</b> Fundamentals of Law
<b>2. Mã học phần:</b>	7GDC006
<b>3. Số tín chỉ:</b>	02
<b>4. Thuộc khối kiến thức:</b>	Giáo dục đại cương
<b>5. Loại học phần:</b>	Bắt buộc
<b>6. Phân bổ thời gian:</b>	
- Tổng số giờ	100 giờ
- Lý thuyết:	30 giờ
- Kiểm tra điều kiện	05 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm:	65 giờ
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần</b>	<b>ThS. Đinh Thị Thủy</b>
<b>8. Điều kiện tham gia học phần</b>	
- Học phần tiên quyết	(Không)
- Học phần học trước	Triết học Mác - Lênin
- Học phần song hành	(Không)

### 9. Mô tả tóm tắt học phần

Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức đại cương, giảng dạy cho sinh viên các trường đại học không chuyên ngành luật. Học phần gồm các kiến thức khái quát chung về Nhà nước và pháp luật; hệ thống pháp luật; luật hiến pháp; luật hành chính; luật dân sự; luật hình sự; giúp sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về pháp luật Việt Nam, áp dụng vào thực tiễn, nâng cao ý thức pháp luật, đánh giá, định hướng hành vi của mình và người khác theo chuẩn mực pháp lý, tôn trọng và thực hiện pháp luật.

### 10. Chuẩn đầu ra học phần

<b>CĐR học phần</b>	<b>TĐNL (Thang đo năng lực)</b>	<b>Mô tả CĐR học phần</b>
---------------------	---------------------------------	---------------------------

CLO1 K	K2	- Giải thích được các nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật như: nguồn gốc ra đời, bản chất, đặc điểm, chức năng, kiểu Nhà nước, hình thức Nhà nước; cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; đặc điểm của pháp luật; khái niệm quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.
CLO2 K	K3	Áp dụng được các quy định cơ bản của pháp luật Việt Nam trong các ngành luật: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Hôn nhân và Gia đình vào phân tích các vấn đề liên quan
CLO3 S	S2	Giải thích được các quy định phù hợp đối với từng hành vi vi phạm pháp luật cụ thể
CLO4 S	S3	Sử dụng được hệ thống văn bản quy phạm pháp luật vào từng tình huống cụ thể phát sinh trong thực tiễn
CLO5 A	A2	Cẩn thận, trung thực và tuân thủ tốt các quy định của pháp luật

### 15. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN SINH HỌC ĐẠI CƯƠNG

<b>1. Tên học phần (tiếng Việt):</b> Sinh học đại cương	<b>Tên tiếng Anh:</b> General biology
<b>2. Mã học phần:</b>	7DUC002
<b>3. Số tín chỉ: 02</b>	
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Khối cơ sở ngành
<b>5. Loại học phần:</b>	Bắt buộc
<b>6. Phân bổ thời gian: 100 giờ</b>	
- Lý thuyết	30 tiết
- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0 tiết
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	65
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần:</b>	
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	Ký sinh trùng, Vi sinh y học
- Học phần song hành:	Hóa sinh y học

### 9. Mô tả tóm tắt học phần

Mô tả tóm tắt nội dung học phần: sinh học tế bào: cấu tạo, thành phần hóa học, sự vận chuyển các chất qua màng tế bào, sự quang hợp và hô hấp tế bào, cơ sở vật chất của di truyền, các quy luật di truyền, sự phân bào, đột biến gen, đột biến nhiễm sắc thể, sự tiến hóa của sinh giới.

### 10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Trình bày được cấu tạo của tinh trùng và các loại trứng, đặc điểm sự phân cắt và sự tạo thành phôi của các loại trứng. Nêu được các đặc điểm của giai đoạn sinh trưởng, trưởng thành, già và chết
CLO2	K3 (Áp dụng)	Trình bày được tổng hợp, thoái hóa của AND, ARN, điều hòa sinh tổng hợp Protein, ảnh hưởng của giới tính đến di truyền, cơ chế đột biến gen
CLO3	S2 (Vận dụng)	Trình bày được một số phương pháp nghiên cứu di truyền y học, ứng dụng trong chẩn đoán và điều trị
COL4	S3 (Vận dụng thành thạo)	Mô tả được triệu chứng, kiểu hình, kiểu gen của một số bệnh rối loạn vật chất di truyền, bệnh di truyền trên NST thường và NST giới tính
CLO5	A1 (Tự chủ tiếp nhận)	Nhận thức được tầm quan trọng của chẩn đoán trước sinh, xây dựng kế hoạch và đánh giá hoạt động trong công tác quản lý có hiệu quả
CLO6	A2 (Hồi đáp, phản ứng)	Có tinh thần trách nhiệm; tư vấn bệnh tật để người bệnh và người nhà của họ yên tâm chữa bệnh, Trung thực và khách quan. Nhận biết và khắc phục các sai lầm trong nghề nghiệp.

### 16. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Tên học phần (tiếng Việt): Phương pháp nghiên cứu khoa học	Tên tiếng Anh: Research Methods
2. Mã học phần:	7GDC021
3. Số tín chỉ: 03	
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Giáo dục đại cương

<b>5. Loại học phần:</b>	Bắt buộc
<b>6. Phân bổ thời gian:150</b>	
- Lý thuyết	35
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	40
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	70
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần:</b>	PGS,TS, BSCK2 : Lê Khắc Đức Th.S, BSCK2. Trần Hỗ
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Tin học, XSTK, Ngoại ngữ
- Học phần học trước:	Tin học, XSTK, Ngoại ngữ.
- Học phần song hành:	Theo tiến trình ĐT

### 9. Mô tả tóm tắt học phần:

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học, hoạt động khoa học và công nghệ, nghiên cứu khoa học, đề tài nghiên cứu khoa học, xây dựng luận điểm khoa học, vai trò của luận điểm khoa học trong nghiên cứu khoa học, trình tự xây dựng luận điểm khoa học, giả thuyết khoa học, chứng minh luận điểm khoa học, các phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu khoa học (như nghiên cứu tài liệu, phương pháp phi thực nghiệm, phương pháp thực nghiệm, phương pháp trắc nghiệm, hội nghị khoa học, xử lý thông tin khoa học, phân tích kết quả nghiên cứu...), trình bày luận điểm khoa học, luận văn khoa học. Hình thành Kỹ năng thao tác nghiên cứu khoa học, biết xây dựng luận điểm khoa học, chứng minh luận điểm khoa học và trình bày luận điểm khoa học, viết tài liệu khoa học, thuyết trình khoa học. Hình thành đạo đức khoa học trong sinh viên

### 10. Chuẩn đầu ra học phần

<b>CĐR học phần</b>	<b>TĐNL (Thang đo năng lực)</b>	<b>Mô tả CĐR học phần</b>
CLO 1	K2 (Hiểu kiến thức)	Trình bày được bản chất, vai trò và đặc điểm của nghiên cứu khoa học.
CLO 2	K3 (Hiểu kiến thức)	Phân loại được các phương pháp nghiên cứu (định tính, định lượng, hỗn hợp).
CLO 3	S2 (Áp dụng)	Xác định và phát biểu rõ ràng vấn đề, mục tiêu, câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu.

CLO 4	S2 (Áp dụng)	Thực hiện được tìm kiếm, tổng quan và đánh giá tài liệu khoa học.
CLO 5	A2 (Tự chủ và chịu trách nhiệm)	Thể hiện tính trung thực, khách quan, cẩn trọng trong nghiên cứu khoa học.
CLO 6	A2 (Tự chủ và chịu trách nhiệm)	Có thái độ chủ động, sáng tạo và trách nhiệm trong học tập và nghiên cứu.

### 17. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HÓA SINH

<b>1. Tên học phần (Tiếng Việt): Hóa sinh</b>	<b>Tên tiếng Anh: Biochemistry</b>
<b>2. Mã học phần:</b>	<b>7DUC003</b>
<b>3. Số tín chỉ:</b>	<b>03 (2,1)</b>
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Kiến thức cơ sở ngành
<b>5. Loại học phần:</b>	Bắt buộc
<b>6. Phân bổ thời gian: 150 giờ</b>	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30
- Đánh giá giữa học phần	5 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	85
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần</b>	ThS. Vũ Ngọc Ánh TS. Hoàng Quốc Chính
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Hóa hữu cơ 1- 2, Sinh học, Hóa lý được, Hóa phân tích 1-2.
- Học phần học trước:	Hóa hữu cơ
- Học phần song hành:	Sinh lý, Vi sinh – Ký sinh trùng

### 9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Hóa sinh là môn cơ sở ngành nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về cấu trúc, vai trò, thoái hóa và sinh tổng hợp của các nhóm hợp chất chủ yếu trong cơ thể, các cơ chế xúc tác sinh học, các cơ chế điều hòa chuyển hóa, liên quan giữa các chuyển hóa, rối loạn chuyển hóa và cơ chế bệnh sinh của một số bệnh do rối loạn chuyển hóa.

Các kiến thức về những quá trình hóa sinh trong cơ thể người là nền tảng cần thiết để có thể hiểu về đặc điểm hóa sinh và sinh lý bệnh của các bệnh thường gặp cũng như đặc tính dược lý và sử dụng của các thuốc trong điều trị. Do vậy, các kiến thức và kỹ

năng trong học phần này là cơ sở để sinh viên tiếp tục học các môn học chuyên ngành như bào chế, dược lý, dược lâm sàng, kiểm nghiệm thuốc, dược động học, độc chất học, dược liệu. Các kiến thức và kỹ năng này có thể được áp dụng trong các lĩnh vực sản xuất, đảm bảo chất lượng, kinh doanh, phân phối, hướng dẫn sử dụng thuốc, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm và chế phẩm có nguồn gốc dược liệu, chế phẩm có nguồn gốc sinh học.

#### 10. Chuẩn đầu ra học phần

<b>CĐR học phần</b>	<b>TĐNL</b> (Thang đo năng lực)	<b>Mô tả CĐR học phần</b>
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Hiểu biết và nắm vững vai trò của các cơ quan tổ chức trong cơ thể, hóa sinh hấp thu, chuyển hoá, thải trừ thuốc và các chất dinh dưỡng, sự liên quan giữa thay đổi các chỉ số sinh hoá các chất với bệnh lý mỗi cơ quan tổ chức.
CLO2	K3 (Áp dụng)	Áp dụng kiến thức về sự liên quan giữa thay đổi các chỉ số sinh hoá với bệnh lý mỗi cơ quan tổ chức, đưa ra lời khuyên và cảnh báo bệnh tật cho người bệnh có kết quả xét nghiệm bất thường, thứ tự từng bước thực hiện lời khuyên, bảo đảm an toàn cho người bệnh góp phần nâng cao chất lượng điều trị.
CLO3	S2 (Vận dụng)	Vận dụng nguyên lý hoạt động của các máy xét nghiệm hóa sinh, thực hiện được xét nghiệm trên máy phân tích hóa sinh bán tự động, tự động, máy phân tích nước tiểu
COL4	S3 (Vận dụng thành thạo)	Thao tác xét nghiệm đúng quy trình chuẩn, kết quả chính xác, thực hiện được kiểm tra chất lượng xét nghiệm
CLO5	A1 (Tự chủ tiếp nhận)	Nhận thức được môn học Sinh hoá liên quan đến nhiều vấn đề khác, xét nghiệm sinh hóa là cơ sở để giải thích các triệu chứng và chẩn đoán theo dõi trong điều trị các bệnh lý cụ thể.
CLO6	A2 (Hồi đáp, phản ứng)	Tôn trọng đồng nghiệp, cầu thị, hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp với đồng nghiệp Lắng nghe và xây dựng mối quan hệ tốt đẹp, giao tiếp với nhân viên y tế, người bệnh, với cộng đồng.

#### 18. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HÓA HỮU CƠ

<b>1. Tên học phần (tiếng Việt):</b>	<b>Tên tiếng Anh:</b>
--------------------------------------	-----------------------

Hóa Hữu cơ	Organic Chemistry
<b>2. Mã học phần:</b>	7DUC004
<b>3. Số tín chỉ:</b>	<b>03 (2:1)</b>
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Cơ sở ngành
<b>5. Loại học phần:</b>	Bắt buộc
<b>6. Phân bổ thời gian:150 giờ</b>	
- Lý thuyết	30 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30 tiết
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	1 giờ tthi+ 4 giờ ôn tập
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	85
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần:</b>	ThS. Hoàng Thị Tĩnh ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Hóa đại cương – Vô cơ
- Học phần học trước:	Hóa đại cương – Vô cơ
- Học phần song hành:	Hóa Hữu cơ

### 9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo ngành Dược học. Học phần này bao gồm các nội dung chủ yếu về Đại cương về hoá học hữu cơ, Hidrocacbon (no; không no; Hidrocacbon thơm). Những kiến thức cơ bản và hiện đại về các chất hữu cơ đơn chức và đa chức; về tính chất, ứng dụng và điều chế của các hợp chất hữu cơ; Dẫn xuất Halogen của các Hidrocacbon; Các hợp chất cơ kim loại và cơ phi kim; Alcol - phenol - ether. Aldehyd - ceton; Acid cacbocyclic; Dẫn xuất của acid, lipid; Hợp chất chứa nitơ; Glucid; Hợp chất dị vòng.

### 10. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Phân loại được các hợp chất hữu cơ, cấu trúc các hợp chất hữu cơ, danh pháp, phương pháp điều chế, tính chất
CLO2	K3 (Áp dụng)	Hiểu và áp dụng được môn Hóa học hữu cơ là kiến thức nền tảng của ngành dược
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Áp dụng được tính chất của các hợp chất hữu cơ để xác định định tính các nhóm chức có mặt trong thuốc, dược liệu....

COL4	S3 (Vận dụng thành thạo)	Tổng hợp được một số sản phẩm hữu cơ đơn giản
CLO5	A2 (Tự chủ tiếp nhận)	Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động trên lớp, nghiên cứu và làm bài tập tại nhà.
CLO6	A2 (Hồi đáp, phản ứng)	Suy nghĩ độc lập, chủ động có ý kiến hồi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh họa... trong thảo luận, nghiên cứu

### 19. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HÓA PHÂN TÍCH 1

<b>1. Tên học phần (tiếng Việt):</b> Hóa phân tích 1	<b>Tên tiếng Anh:</b> Analytical chemistry 1
<b>2. Mã học phần:</b>	7DUC005
<b>3. Số tín chỉ</b>	<b>02</b>
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Cơ sở ngành
<b>5. Loại học phần:</b>	Chọn
<b>6. Phân bổ thời gian: 100 giờ</b>	
- Lý thuyết	15
- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	1 giờ thi + 4 giờ ôn tập
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	50
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần:</b>	ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương ThS. Đỗ Văn Trân
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Hóa đại cương – Vô cơ; Hóa hữu cơ
- Học phần học trước:	Hóa hữu cơ
- Học phần song hành:	Hóa Hữu cơ

#### 9. Mô tả tóm tắt học phần

- Cung cấp hệ thống khái niệm cơ bản và các định luật được ứng dụng trong hóa học phân tích. Những đặc trưng cơ bản để xử lý số liệu với một tập số liệu kết quả phân tích.

- Các loại cân bằng trong dung dịch: axit - bazơ. Cân bằng tạo phức. Cân bằng kết tủa (tích số tan, độ tan, tích số tan điều kiện, các yếu tố ảnh hưởng đến độ tan, các hiện tượng nhiễm bẩn kết tủa). Cân bằng oxi hóa khử và các yếu tố ảnh hưởng đến phản ứng oxi hóa khử.

- Chuẩn độ axit - bazơ; chuẩn độ tạo phức; chuẩn độ kết tủa; chuẩn độ oxi hóa khử, phân tích trọng lượng, cách chọn chỉ thị trong chuẩn độ. Thực hành phương pháp thể tích và trọng lượng.

#### 10. Chuẩn đầu ra học phần

<b>CĐR học phần</b>	<b>TĐNL</b> (Thang đo năng lực)	<b>Mô tả CĐR học phần</b>
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Hiểu được các khái niệm cơ bản trong chuẩn độ thể tích: dung dịch chuẩn, dung dịch dịch gốc, điểm tương đương, điểm kết thúc chuẩn độ, chất chỉ thị
CLO2	K2 (Hiểu kiến thức)	Viết được phản ứng cho và nhận proton giữa acid và base, các phản ứng diễn ra trong quá trình chuẩn độ, chọn được chất chỉ thị thích hợp của phương pháp chuẩn độ acid - base
CLO3	S2 (Vận dụng)	Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng thực hành hóa học phân tích như: cân, pha được các dung dịch chuẩn độ, chuyển đổi được các loại nồng độ
CLO4	S2 (Vận dụng)	Thao tác đúng các kỹ thuật định lượng, xác định khối lượng.
CLO 5	A2 (Tự chủ tiếp nhận)	Xây dựng ý thức làm việc trong phòng thí nghiệm qua nội qui phòng thí nghiệm, qui định trong học tập, thực nghiệm, đảm bảo tính chính xác, khách quan theo đặc thù của học phần.
CLO 6	A2 (Hồi đáp, phản ứng)	Bước đầu xây dựng ý thức nghề nghiệp, đòi hỏi tính chính xác cao trong các phương pháp phân tích định tính, định lượng, kiểm nghiệm hóa học.

#### 20. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HÓA LÝ DƯỢC

<b>1. Tên học phần (tiếng Việt):</b>	<b>Tên tiếng Anh:</b>
Hóa lý dược	Physical Chemistry
<b>2. Mã học phần:</b>	7DUC006
<b>3. Số tín chỉ:</b>	03
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Cơ sở ngành
<b>5. Loại học phần:</b>	Chọn
<b>6. Phân bổ thời gian: 150 giờ</b>	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30

- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	1 + 4
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	85
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần:</b>	ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương ThS. Đỗ Văn Trân
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Hóa đại cương – Vô cơ, Hóa Hữu cơ, Hóa phân tích 1
- Học phần học trước:	Hóa phân tích 1
- Học phần song hành:	Hóa phân tích 1

### 9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo ngành Dược học. Học phần này bao gồm các nội dung chủ yếu về cho sinh viên những khái niệm cơ bản và những nguyên tắc hóa lý ứng dụng trong ngành dược, mối liên quan giữa các đại lượng cơ bản của nhiệt động học với cân bằng pha và các thuộc tính của dung dịch; các kiến thức về các hệ phân tán, điện hóa, động học các phản ứng hóa học, quá trình hòa tan, khuếch tán, các dạng bề mặt và hiện tượng bề mặt, hiện tượng hấp phụ, bản chất của các quá trình hấp phụ; khái niệm, tính chất và ứng dụng của polymer trong dược học.

### 10. Chuẩn đầu ra học phần

<b>CĐR học phần</b>	<b>TĐNL (Thang đo năng lực)</b>	<b>Mô tả CĐR học phần</b>
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Trình bày được các nguyên lý về nhiệt hóa học, hiệu ứng nhiệt, chiều hướng của các quá trình hóa học.
CLO2	K3	Trình bày được các qui luật về hấp phụ, ứng dụng trong đời sống và ngành dược
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Áp dụng giải được các bài toán xác định hiệu ứng nhiệt, chiều hướng của các quá trình hóa học, các bài toán về qui luật động học: bậc phản ứng, tính hằng số k, tính thời gian xảy ra phản ứng (hạn sử dụng thuốc)..., các bài toán về điện hóa học, các phản ứng xảy ra trên điện cực, hiệu điện thế, chiều hướng của pin điện hóa,
CLO4	S3 Vận dụng thành thạo	Thao tác được một số kỹ thuật thực hành về thiết lập được pin điện hóa để xác định pH của dung dịch acid, base.., biết điều chế keo, đông tụ, phân tán keo, biết được cách xác định phản ứng bậc 1, bậc 2.

CLO 5	A2 (Tự chủ tiếp nhận)	Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu tài liệu, kỹ năng làm việc nhóm. Kỹ năng tổng hợp hóa, khái quát hóa các kiến thức có liên quan.
CLO 6	A2 (Hồi đáp, phản ứng)	Hình thành các giá trị của môn Hóa lý dược là kiến thức nền tảng của ngành dược, biết ứng dụng các kiến thức đã học vào chuyên ngành Dược học – xét nghiệm

## 21. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HÓA PHÂN TÍCH 2

<b>1. Tên học phần (tiếng Việt):</b> Hóa Phân tích 2	<b>Tên tiếng Anh:</b> Organic Chemistry 2
<b>2. Mã học phần:</b>	7HPT221
<b>3. Số tín chỉ: 03</b>	
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Cơ sở ngành
<b>5. Loại học phần:</b>	Bắt buộc
<b>6. Phân bổ thời gian: 150</b>	
- Lý thuyết	30 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30 tiết
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	1 + 4
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	85
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần:</b>	ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương ThS. Đỗ Văn Trân
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
Học phần tiên quyết:	Hóa đại cương – Vô cơ, Hóa Hữu cơ, Hóa phân tích 1, Hóa lý dược
- Học phần học trước:	Hóa lý dược
- Học phần song hành:	

### 9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Hóa phân tích 2 trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về nguyên lý, ứng dụng các phương pháp quang phổ, sắc ký vào phân tích dược chất trong các đối tượng khác nhau: thuốc, nguyên liệu hóa dược, dược liệu, dịch sinh học... đồng thời cũng cung cấp cho sinh viên các phương pháp xử lý mẫu cho phân tích

### 10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CĐR học phần
--------------	-----------------------------	--------------------

CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Giải thích được nguyên lý hoạt động, nguyên tắc và ứng dụng của phương pháp quang phổ phân tử đặc biệt là quang phổ UV-VIS
CLO2	K2 (Hiểu kiến thức)	Giải thích được nguyên lý hoạt động, nguyên tắc và ứng dụng của phương pháp quang phổ huỳnh quang
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Thực hiện đúng qui trình kỹ thuật xử lý mẫu của nhóm hòa tan phân hủy mẫu và nhóm tách pha (lọc, cất, kết tủa, chiết xuất...).
COL4	S3 (Vận dụng thành thạo)	Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tiến hành sắc ký giấy, sắc ký bản mỏng một mẫu phân tích
CLO5	A2 (Hồi đáp, phản ứng)	Xây dựng ý thức nghiêm túc trong học tập, có tinh thần tự học, tự nghiên cứu.
CLO6	A2 (Hồi đáp, phản ứng)	Rèn tính cẩn thận tỉ mỉ trong từng thao tác kỹ thuật, có khả năng làm việc độc lập và tự tin trong công việc.

## 22. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN GIẢI PHẪU

<b>1. Tên học phần (tiếng Việt): GIẢI PHẪU</b>	<b>Tên tiếng Anh: Anatomy</b>
<b>2. Mã học phần:</b>	7DUC008
<b>3. Số tín chỉ: 02</b>	
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>
<b>5. Loại học phần:</b>	Chọn
<b>6. Phân bổ thời gian:100</b>	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	65
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần:</b>	<b>Ths, Nguyễn Thị Thanh Huyền BSCKI, Nguyễn Tiến Mạnh</b>
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	

- Học phần tiên quyết:	Sinh lý học
- Học phần học trước:	Kiến thức đại cương
- Học phần song hành:	Theo tiến trình ĐT

### 9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần giải phẫu nằm trong kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về hình thái và cấu trúc của các cơ quan, xác định được mốc giải phẫu, đường đi, nguyên ủy bám tận của các cơ, thần kinh, mạch máu giúp chẩn đoán và điều trị có hiệu quả.

### 10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Trình bày được tên, vị trí, hình thái và đặc điểm đại thể của các cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể người. Giải thích được mối liên quan giải phẫu giữa các cơ quan, các vùng trong cơ thể và ý nghĩa của chúng trong lâm sàng. Ứng dụng giải phẫu trong một số thủ thuật điều dưỡng/cận lâm sàng cơ bản (ví dụ: tiêm bắp, đo huyết áp, đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên).
CLO2	K3 (Áp dụng)	Xác định được vị trí và cấu trúc các cơ quan trên hình thể hoặc mô hình. Thực hành kỹ năng quan sát, mô tả, nhận diện các cấu trúc giải phẫu trên xác ướp, mẫu vật, hoặc hình ảnh y học.
CLO3	S2 (Vận dụng)	Có thái độ tôn trọng và tuân thủ quy định khi học tập trên xác người, mẫu vật. Thể hiện tinh thần hợp tác trong nhóm học, thảo luận và thực hành.
CLO4	S3 (Vận dụng thành thạo)	Thể hiện tinh thần hợp tác trong nhóm học, thảo luận và thực hành.
CLO5	A2 (Tự chủ tiếp nhận)	Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động ngoại khóa.

CLO6	A2 (Hồi đáp, phản ứng)	Suy nghĩ độc lập, chủ động có ý kiến hồi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh họa... trong thảo luận, nghiên cứu
------	------------------------------	--

### 23. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN: SINH LÝ

<b>1. Tên học phần (tiếng Việt): SINH LÝ</b>	<b>Tên tiếng Anh: Physiology</b>
<b>2. Mã học phần:</b>	<b>7DUC009</b>
<b>3. Số tín chỉ:</b>	02
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Kiến thức cơ sở ngành
<b>5. Loại học phần:</b>	Chọn
<b>6. Phân bổ thời gian: 100 giờ</b>	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	65
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần:</b>	<b>BCKI, Nguyễn Tiến Mạnh BCKI, Nguyễn Đăng Sơn</b>
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	HP: giải phẫu, Sinh học tế bào
- Học phần học trước:	HP: GP, Sinh lý, SLB-MD
- Học phần song hành:	Theo tiến trình ĐT

#### 9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần sinh lý nằm trong khối kiến thức ngành nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động của cơ quan và chức năng điều hòa trong mối liên hệ thống nhất giữa các cơ quan trong cơ thể, giữa cơ thể với môi trường bên ngoài. Mô tả cấu tạo hình thái vi thể, siêu vi thể và hóa học của các mô và các bộ phận chủ yếu của những cơ quan trong cơ thể người bình thường, giải thích mối liên quan giữa cấu tạo và chức năng của các mô và các cơ quan.

#### 10. Chuẩn đầu ra học phần

<b>CĐR học phần</b>	<b>TĐNL (Thang đo năng lực)</b>	<b>Mô tả CĐR học phần</b>
---------------------	---------------------------------	---------------------------

CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Trình bày được kiến thức cơ bản về sinh lý tế bào, máu – miễn dịch, thần kinh, nội tiết, tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, sinh sản.
CLO2	K3 (Áp dụng)	Vận dụng kiến thức sinh lý để giải thích được các hiện tượng thường gặp trong đời sống và thực hành y học (ví dụ: tăng nhịp tim khi gắng sức, cơ chế sốt, phản xạ ho...).
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Sử dụng kiến thức sinh lý để phân tích, nhận xét các chỉ số sinh lý cơ bản (huyết áp, nhịp tim, thông khí, đường huyết...)
COL4	S3 (Vận dụng thành thạo)	Nhận thức đúng, Vận dụng, áp dụng trên người bệnh, đặc biệt là tư vấn cho người bệnh dùng thuốc hiệu quả và đúng cách
CLO5	A2 (Tự chủ tiếp nhận)	Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động ngoại khóa.
CLO6	A2 (Hồi đáp, phản ứng)	Xây dựng tính độc lập, chủ động có ý kiến hồi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh họa... trong thảo luận, học tập, nghiên cứu

#### 24. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN: BỆNH HỌC

<b>1. Tên học phần (tiếng Việt): BỆNH HỌC</b>	<b>Tên tiếng Anh: Pathology</b>
<b>2. Mã học phần:</b>	7DUC010
<b>3. Số tín chỉ:</b>	03
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>
<b>5. Loại học phần:</b>	Chọn
<b>6. Phân bổ thời gian: 150 giờ</b>	
- Lý thuyết	45
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	100
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần:</b>	<b>BSCKI, Nguyễn Đặng Sơn BSCKI, Nguyễn Tiến Mạnh</b>
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	GP, Sinh lý - Mô, SLB – MD,

	GPB
- Học phần học trước:	HP: giải phẫu, SLB-MD Dược lý
- Học phần song hành:	Theo tiến trình ĐT

### 9. Mô tả tóm tắt học phần:

Môn bệnh học nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho người học những kiến thức về: định nghĩa, nguyên nhân, điều kiện thuận lợi, đường lây truyền, yếu tố nguy cơ, triệu chứng, biện pháp điều trị và dự phòng một số bệnh thường gặp của các hệ cơ quan: tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, nội tiết, tiết niệu, thần kinh; bệnh về máu và cơ quan tạo máu, bệnh cơ xương khớp. Biết tư vấn cho người bệnh dùng thuốc hợp lý, hiệu quả.

### 10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Liệt kê được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, biến chứng của các bệnh lý nội khoa thường gặp. Trình bày và giải thích được mối liên hệ giữa triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và tiến triển bệnh.
CLO2	K3 (Áp dụng)	Vận dụng kiến thức để nhận biết triệu chứng, đọc và phân tích các xét nghiệm cận lâm sàng cơ bản.
CLO3	S2 (Vận dụng)	Đánh giá mức độ nặng nhẹ, đưa ra quyết định xử trí ban đầu và chỉ định chuyển tuyến hợp lý.
CLO4	S3 (Vận dụng thành thạo)	Vận dụng áp dụng trên người bệnh, đặc biệt là tư vấn cho người bệnh dùng thuốc hiệu quả và đúng cách
CLO5	A2 (Tự chủ tiếp nhận)	Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động ngoại khóa.
CLO6	A2 (Hồi đáp, phản ứng)	Suy nghĩ độc lập, chủ động có ý kiến hồi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh họa... trong thảo luận, nghiên cứu

### 25. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN VI SINH – KỸ SINH TRÙNG

1. Tên học phần (tiếng Việt): Vi sinh – ký sinh trùng	Tên tiếng Anh: Microbiology – Parasitology
2. Mã học phần:	7DUC011
3. Số tín chỉ:	03
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Khối kiến thức cơ sở ngành

<b>5. Loại học phần:</b>	Bắt buộc
<b>6. Phân bổ thời gian: 150 giờ</b>	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	85
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần:</b>	TS. Đặng Tự ThS. Nguyễn Văn Hoan
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Sinh hóa, huyết học
- Học phần học trước:	Sinh hóa, huyết học
- Học phần song hành:	Vi sinh - Ký sinh trùng

### 9. Mô tả tóm tắt học phần:

- Cung cấp những kiến thức cơ bản về đặc điểm của vi sinh vật, ký sinh trùng y học (hình thể, cấu trúc, nuôi trồng/ môi trường nuôi cấy, kháng nguyên và miễn dịch.
- Nắm mối quan hệ của vi sinh vật, ký sinh trùng y học với môi trường và cơ thể con người để biết khả năng gây bệnh của vi sinh vật và ký sinh trùng y học thường gặp..
- Vận dụng những kiến thức đã học tập ở học phần và các học phần liên quan của ngành xét nghiệm y học để nắm được nguyên tắc cơ bản về các phương pháp chẩn đoán và phòng bệnh do vi sinh vật và ký sinh trùng gây nên.
- Nắm được kiến thức, kỹ năng học phần đã học để giúp sinh viên hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành, hình thành kỹ năng sử dụng công nghệ y học và tin học hiệu quả, thích hợp.

### 10. Chuẩn đầu ra học phần

<b>CDR học phần</b>	<b>TĐNL</b> (Thang đo năng lực)	<b>Mô tả CDR học phần</b>

CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	<p><b>1. Phần vi sinh y học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thái và cấu tạo tế bào vi sinh vật</li> <li>- Đại cương virus</li> <li>- Nhiễm trùng và độc lực của vi sinh vật</li> <li>- Các kỹ thuật miễn dịch sử dụng trong chẩn đoán vi sinh vật</li> <li>- Các cầu khuẩn gây bệnh</li> <li>- Họ vi khuẩn đường ruột: <i>Enterobacteriaceae</i>; <i>Hemophilus influenzae</i>, <i>Bordetella pertussis</i>; <i>Pseudomonas aeruginosa</i>; <i>Corynebacterium diphtheria</i>; <i>Mycobacteriaceae</i></li> <li>- Các xoắn khuẩn gây bệnh: <i>Rickettsia</i>, <i>Mycoplasma</i>, <i>Chlamydia</i></li> </ul> <p><b>2. Phần ký sinh trùng y học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại cương ký sinh trùng y học:</li> <li>- Đại cương ký sinh trùng đường ruột</li> <li>- Đại cương đơn bào y học</li> <li>- Ký sinh trùng sốt rét và bệnh học sốt rét</li> <li>- Đại cương vi nấm ký sinh y học</li> <li>- Bệnh vi nấm ngoại biên – bệnh nấm da</li> <li>- Bệnh vi nấm nội tạng – bệnh vi nấm cơ hội</li> <li>- Đại cương tiết túc y học</li> </ul> <p><b>3. Phần thực hành:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cách lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển bệnh phẩm</li> <li>- Kỹ thuật tiêu bản vi sinh vật – Các phương pháp nhuộm vi khuẩn</li> <li>- Phản ứng sinh hóa định danh vi khuẩn</li> <li>- Kháng sinh đồ</li> <li>- Các kỹ thuật tiêu bản ký sinh trùng y học</li> <li>- Các kỹ thuật tìm ký sinh trùng sốt rét, Hình thể ký sinh trùng sốt rét</li> <li>- Xem hình thể con giun - sán và trứng giun – sán</li> <li>- Xét nghiệm nấm trực tiếp</li> <li>- Xem một số hình thể tiết túc</li> </ul>
CLO2	K3 (Áp dụng)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả được tế bào vi khuẩn, virus gây bệnh</li> <li>- Trình bày được đặc điểm sinh lý, sinh hóa và di truyền tế bào vi sinh vật.</li> </ul>

		- Mô tả được đặc điểm cấu tạo về hình thể, chu kỳ và tác hại một số ký sinh trùng, vi nấm y học - Nắm được các phương pháp xét nghiệm, chẩn đoán và bệnh pháp phòng một số bệnh do nhiễm vi khuẩn, virus và ký sinh trùng y học thường gặp.
CLO3	S2 (Vận dụng)	- Thực hiện được một số kỹ thuật vô khuẩn và khử khuẩn do vi khuẩn, virus và ký sinh trùng y học thông thường - Cách lấy mẫu, bảo quản, vận chuyển bệnh phẩm và kỹ thuật xét nghiệm cơ bản để chẩn đoán vi khuẩn, virus và ký sinh trùng học gây bệnh
COL4	S3 (Vận thành thạo)	Thành thạo các phương pháp kỹ thuật xét nghiệm chẩn đoán một số bệnh vi khuẩn, virus và ký sinh trùng y học thường gặp
CLO5	A2(Tự chủ tiếp nhận)	Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động ngoại khóa.
CLO6	A2 (Hồi đáp, phản ứng)	Suy nghĩ độc lập, chủ động có ý kiến hồi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh họa... trong thảo luận

## 26. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN: SINH LÝ BỆNH VÀ MIỄN DỊCH

<b>1. Tên học phần (tiếng Việt): Sinh lý bệnh và miễn dịch</b>	<b>Tên tiếng Anh:</b> <b>Pathophysiology and Immunology</b>
<b>2. Mã học phần:</b>	<b>7DUC012</b>
<b>3. Số tín chỉ:</b>	02
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>
<b>5. Loại học phần:</b>	Chọn
<b>6. Phân bổ thời gian: 100 giờ</b>	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	65
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần:</b>	<b>BSCKI, Nguyễn Tiến Mạnh</b> <b>BSCKI, Nguyễn Đăng Sơn</b>
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	HP: GP, Sinh lý, Mô học
- Học phần học trước:	HP: giải phẫu, SL, Mô

- Học phần song hành:	Theo tiến trình ĐT
-----------------------	--------------------

### 9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Sinh lý bệnh và Miễn dịch nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho sinh viên ngành xét nghiệm khái niệm cơ bản, nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh các rối loạn chức năng của cơ thể như: mất nước, rối loạn điện giải, phù, viêm, sốt, nhiễm acid-base, rối loạn chuyển hóa glucid - lipid – protein...

Cung cấp các kiến thức và kỹ năng để hiểu và phân tích được cơ chế sinh bệnh của các hệ thống trong cơ thể như tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, gan mật, nội tiết sinh dục. Ngoài ra, sinh viên còn được trang bị về chỉ định và đọc kết quả xét nghiệm về sinh hóa máu, xét nghiệm máu, xét nghiệm chức năng gan, chức năng thận, huyết đồ của một số bệnh lý cơ bản thường gặp. Cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống miễn dịch, các rối loạn các thành phần của hệ thống này và cơ chế sinh bệnh của một số bệnh lý miễn dịch hay gặp trong lâm sàng.

### 10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Trình bày được các khái niệm cơ bản của sinh lý bệnh và miễn dịch; liệt kê các cơ chế bệnh sinh chủ yếu (sốt, viêm, rối loạn nước – điện giải, toan kiềm, tuần hoàn, miễn dịch). Giải thích được cơ chế phát sinh triệu chứng, cơ chế phản ứng miễn dịch và các rối loạn liên quan. Áp dụng kiến thức để phân tích cơ chế sinh bệnh trong một số tình huống lâm sàng thường gặp (thiếu máu, sốc, phản ứng dị ứng, tự miễn).
CLO2	K3 (Áp dụng)	Sử dụng kiến thức sinh lý bệnh – miễn dịch để giải thích các kết quả cận lâm sàng cơ bản.
CLO3	S2 (Vận dụng)	So sánh và phân biệt các loại rối loạn miễn dịch (dị ứng, tự miễn, suy giảm miễn dịch, thải ghép).
COL4	S3 (Vận dụng thành thạo)	+ Thực hiện một số kỹ thuật để giải thích khi rối loạn một số hoạt động cơ quan. trên người bệnh, đặc biệt là tư vấn cho người bệnh khi đánh giá kết quả cận lâm sàng và dùng thuốc hiệu quả và đúng cách.
CLO5	A2 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	+ Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động ngoại khóa. + Chủ động tiếp nhận thông tin và tư vấn cho người bệnh

CLO6	A2 (Hồi đáp, phản ứng)	+ Xây dựng tính độc lập, chủ động có ý kiến hồi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh họa... trong thảo luận, học tập, nghiên cứu.
------	------------------------------	---

## 27. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC VẬT DƯỢC

<b>1. Tên học phần (tiếng Việt):</b> Thực vật dược	<b>Tên tiếng Anh:</b> Medicinal Plants
<b>2. Mã học phần:</b>	<b>7DUC013</b>
<b>3. Số tín chỉ:</b>	<b>03</b>
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Kiến thức cơ sở ngành
<b>5. Loại học phần:</b>	Bắt buộc
<b>6. Phân bổ thời gian: 150 giờ</b>	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30
- Đánh giá giữa học phần	5 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	85
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần</b>	TS. Nguyễn Minh Tuấn ThS. Hoàng Thị Hào TS. Nguyễn Văn Thanh
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	Hóa hữu cơ, hóa sinh
- Học phần song hành:	Hóa lý, Hóa phân tích 2

### 9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Thực vật dược cung cấp cho sinh viên kiến thức đại cương về mô tả các cơ quan sinh dưỡng, sinh sản của thực vật và phương pháp nhận biết được các đặc điểm đặc trưng ở bậc ngành, lớp, phân lớp, bộ, họ.

### 10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
<b>học phần</b>	<i>(Thang đo năng lực)</i>	
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Mô tả được các hình thái của các cơ quan rễ, thân, lá, hoa, quả và hạt; Nêu được đặc điểm của ngành Dương xỉ trần và Thủy dương xỉ, ngành Rêu, nhóm các ngành Quyết, ngành Thông, ngành Ngọc lan.
CLO2	K3 (Áp dụng)	Nhận biết và mô tả được các đặc điểm hình thái của rễ, thân, lá, hoa, quả và hạt; so sánh cấu tạo sơ cấp và cấu tạo thứ cấp của các cơ quan sinh dưỡng của cây.

CLO3	S2 (Vận dụng)	Nhận biết và mô tả được các đặc điểm hình thái các đại diện của các ngành thực vật.
COL4	S3 (Vận dụng thành thạo)	Có thái độ làm việc nghiêm túc, có trách nhiệm, có ý thức làm việc nhóm, có kỹ năng giao tiếp, trình bày thuyết trình, giải quyết vấn đề, chịu trách nhiệm trước xã hội với việc mình làm.
CLO5	A2 (Tự chủ tiếp nhận)	Luôn chủ động rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, không ngừng học tập nâng cao trình độ
CLO6	A2 (Hồi đáp, phản ứng)	Tôn trọng đồng nghiệp, cầu thị, hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp với đồng nghiệp. Lắng nghe và xây dựng mối quan hệ tốt đẹp, giao tiếp với nhân viên y tế, người bệnh, với cộng đồng.

## 28. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC LIỆU 1

<b>1. Tên học phần (tiếng Việt):</b> Dược liệu 1	<b>Tên tiếng Anh:</b> Pharmacognosy 1
<b>2. Mã học phần:</b>	<b>7DUC014</b>
<b>3. Số tín chỉ:</b>	<b>02</b>
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Kiến thức chuyên ngành
<b>5. Loại học phần:</b>	Bắt buộc
<b>6. Phân bổ thời gian:</b>	
- Lý thuyết	15
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30
- Đánh giá giữa học phần	1 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	45
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần</b>	TS. Nguyễn Minh Tuấn TS. Triệu Duy Diệt
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Thực vật dược
- Học phần học trước:	Hóa phân tích, hóa lý
- Học phần song hành:	Bào chế, hóa dược

### 9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Dược liệu 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức chung về nguồn gốc, đặc điểm, phân bố, thành phần hoá học chính, tác dụng sinh học của các nhóm hợp chất carbon hydrat, glycosid trợ tim, saponin, anthraglycosid, flavonoid, coumarin, tanin có trong dược liệu.

## 10. Chuẩn đầu ra học phần

<b>CĐR học phần</b>	<b>TĐNL</b> (Thang đo năng lực)	<b>Mô tả CĐR học phần</b>
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Nắm vững kiến thức về đại cương về các nhóm chất: tinh bột, gôm, chất nhày, pectin, glycosid, glycosid tim, anthralycosid, monoterpeneoid, diterpeneoid; Nắm vững kiến thức về tên KH, bộ phận dùng, thành phần hóa học, tác dụng, công dụng cách dùng và phương pháp kiểm nghiệm của 50 dược liệu.
CLO2	K3 (Áp dụng)	Nhận dạng được các cây dược liệu thông qua quan sát hình thái.
CLO3	S2 (Vận dụng)	Nhớ được các nhóm hoạt chất cơ bản trong cây dược liệu có ứng dụng trong y sinh học.
CLO4	S3 (Vận dụng thành thạo)	Nhận dạng được các bộ phận một số dược liệu được dùng trong y sinh học thông qua quan sát hình thái.
CLO5	A2 (Tự chủ tiếp nhận)	Luôn chủ động rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, không ngừng học tập nâng cao trình độ
CLO6	A2 (Hồi đáp, phản ứng)	Tôn trọng đồng nghiệp, cầu thị, hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp với đồng nghiệp Lắng nghe và xây dựng mối quan hệ tốt đẹp, giao tiếp với nhân viên y tế, người bệnh, với cộng đồng.

## 29. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HÓA DƯỢC 1

<b>1. Tên học phần (Tiếng Việt): Hóa dược 1</b>	<b>Tên tiếng Anh: Pharmaceutical Chemistry 1</b>
<b>2. Mã học phần:</b>	7DUC015
<b>3. Số tín chỉ:</b>	3
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Kiến thức ngành
<b>5. Loại học phần:</b>	Bắt buộc
<b>6. Phân bổ thời gian: 150 giờ</b>	
- Lý thuyết	30 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30 tiết
- Đánh giá giữa học phần	5 tiết
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	85 tiết

<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần</b>	TS. Nguyễn Anh Hưng DSCKI. Hoàng Thị Ngọc
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Hóa Đại cương-vô cơ, Hóa Hữu cơ, Hóa Lý dược
- Học phần học trước:	Hóa phân tích 1
- Học phần song hành:	Hóa phân tích 2

### 9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần giúp sinh viên thấy được những phương hướng cơ bản và triển vọng phát triển của hóa dược trong tương lai. Đồng thời cung cấp các kiến thức về nguồn gốc; nguyên tắc điều chế; phân loại; cấu tạo hóa học; liên quan giữa cấu trúc-tác dụng; tính chất vật lý, hóa lý cơ bản để ứng dụng trong kiểm nghiệm, bào chế, bảo quản; tác dụng, chỉ định của các nhóm thuốc hóa dược tác động lên hệ thần kinh, tim mạch, máu, nhóm vitamin và nhóm thuốc cân quang.

Bên cạnh đó giúp sinh viên có kỹ năng thực hành tổng hợp hoặc bán tổng hợp được một số mẫu thuốc đạt tiêu chuẩn dược dụng, kiểm nghiệm được các mẫu thuốc đã tổng hợp và phẩm dược dụng khác theo tiêu chuẩn Dược điển.

### 10. Chuẩn đầu ra học phần

<b>CĐR học phần</b>	<b>TĐNL</b> (Thang đo năng lực)	<b>Mô tả CĐR học phần</b>
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Nhận biết được về nguồn gốc, phương pháp điều chế, đặc điểm công thức cấu tạo của các thuốc điển hình của mỗi nhóm. Từ đó dự đoán về tính chất vật lý, hóa lý của các nhóm thuốc dựa vào công thức cấu tạo chung.
CLO2	K3 (Áp dụng)	Phân tích được mối liên quan giữa cấu trúc-tác dụng của các nhóm thuốc trên
CLO3	S2 (Vận dụng)	Giải thích được quy trình kiểm nghiệm, bào chế, bảo quản, và hướng dẫn sử dụng các thuốc điển hình dựa trên tính chất vật lý, hóa học của chúng
COL4	S3 (Vận dụng thành thạo)	Thực hiện thành thạo được việc tổng hợp hoặc bán tổng hợp một số mẫu thuốc đạt tiêu chuẩn dược dụng.
CLO5	A2 (Tự chủ tiếp nhận)	Tích cực nghe giảng trên lớp

CLO6	A2 (Hỏi đáp, phản ứng)	Chủ động trả lời các nhiệm vụ giảng viên giao trước khi lên lớp.
------	------------------------------	--

### 30. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HOÁ DƯỢC 2

<b>1. Tên học phần (Tiếng Việt): Hóa dược 2</b>	<b>Tên tiếng Anh: Pharmaceutical Chemistry 2</b>
<b>2. Mã học phần:</b>	7DUC016
<b>3. Số tín chỉ:</b>	3
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Kiến thức ngành
<b>5. Loại học phần:</b>	Bắt buộc
<b>6. Phân bổ thời gian: 150 giờ</b>	
- Lý thuyết	30 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30 tiết
- Đánh giá giữa học phần	5 tiết
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	85 tiết
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần</b>	TS. Nguyễn Anh Hưng DSCK1. Hoàng Thị Ngọc
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Hóa dược 1
- Học phần học trước:	Bào chế và sinh dược học
- Học phần song hành:	Kiểm nghiệm thuốc

#### 9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần giúp sinh viên thấy được những phương hướng cơ bản và triển vọng phát triển của hóa dược trong tương lai. Đồng thời cung cấp các kiến thức về nguồn gốc; nguyên tắc điều chế; phân loại; cấu tạo hóa học; liên quan giữa cấu trúc-tác dụng; tính chất vật lý, hóa lý cơ bản để ứng dụng trong kiểm nghiệm, bào chế, bảo quản; tác dụng, chỉ định của các nhóm thuốc hóa dược tác động lên hệ tiêu hóa, nội tiết, nhóm thuốc chống bệnh truyền nhiễm, ung thư. Bên cạnh đó giúp sinh viên có kỹ năng thực hành tổng hợp hoặc bán tổng hợp được một số mẫu thuốc đạt tiêu chuẩn dược dụng, kiểm nghiệm được các mẫu thuốc đã tổng hợp và phẩm dược dụng khác theo tiêu chuẩn Dược điển.

#### 10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CĐR học phần
--------------	-----------------------------	--------------------

CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Nhận biết được về nguồn gốc, phương pháp điều chế, đặc điểm công thức cấu tạo của các thuốc điển hình của mỗi nhóm. Từ đó dự đoán về tính chất vật lý, hóa lý của các nhóm thuốc dựa vào công thức cấu tạo chung.
CLO2	K3 (Áp dụng)	Phân tích được mối liên quan giữa cấu trúc-tác dụng của các nhóm thuốc trên
CLO3	S2 (Vận dụng)	Giải thích được quy trình kiểm nghiệm, bào chế, bảo quản, và hướng dẫn sử dụng các thuốc điển hình dựa trên tính chất vật lý, hóa học của chúng
COL4	S3 (Vận dụng thành thạo)	Thực hiện thành thạo được việc tổng hợp hoặc bán tổng hợp một số mẫu thuốc đạt tiêu chuẩn dược dụng.
CLO5	A2 (Tự chủ tiếp nhận)	Tích cực nghe giảng trên lớp
CLO6	A2 (Hồi đáp, phản ứng)	Chủ động trả lời các nhiệm vụ giảng viên giao trước khi lên lớp.

### 31. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC LIỆU 2

<b>1. Tên học phần (tiếng Việt):</b> Dược liệu 2	<b>Tên tiếng Anh:</b> Pharmacognosy 2
<b>2. Mã học phần:</b>	7DUC017
<b>3. Số tín chỉ:</b>	02
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Kiến thức chuyên ngành
<b>5. Loại học phần:</b>	Bắt buộc
<b>6. Phân bổ thời gian: 100 GIỜ</b>	
- Lý thuyết	15
- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30
- Đánh giá giữa học phần	5 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	50
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần</b>	TS. Nguyễn Minh Tuấn TS. Triệu Duy Diệt
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Thực vật dược
- Học phần học trước:	Dược liệu 1
- Học phần song hành:	Bào chế 2, Công nghệ dược phẩm

### 9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Dược liệu 2 cung cấp cho sinh viên kiến thức về nguồn gốc, đặc điểm, phân bố, công thức cấu tạo, tác dụng sinh học của các dược liệu chứa các nhóm hợp chất tinh dầu, nhựa và alkaloid. Sinh viên cũng được trang bị kiến thức về thực hành vi phẫu, phương pháp chiết xuất dược liệu, định tính định lượng các nhóm hợp chất trên.

### 11. Chuẩn đầu ra học phần

<b>CĐR học phần</b>	<b>TĐNL (Thang đo năng lực)</b>	<b>Mô tả CĐR học phần</b>
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Trình bày được nguồn gốc, đặc điểm, phân bố của nhóm dược liệu chứa tinh dầu, chất béo và alkaloid.
CLO2	K3 (Áp dụng)	Tiến hành chiết xuất, định tính và định lượng các nhóm hợp chất tinh dầu, nhựa và alkaloid trong dược liệu.
CLO3	S2 (Vận dụng)	Tiến hành được kiểm nghiệm dược liệu theo tiêu chuẩn Dược Điển Việt Nam.
CLO4	S3 (Vận dụng thành thạo)	Vi phẫu, soi bột để nhận dạng đúng một số dược liệu có liên quan. Chiết xuất được một số hoạt chất từ dược liệu ở quy mô phòng thí nghiệm: Rutin trong hoa hòe, palmatin (hay berberrin) trong dược liệu hoàng liên, hoàng đằng, vàng đắng, tinh dầu trong dược liệu sả, hồi, quế.
CLO5	A2 (Tự chủ tiếp nhận)	Luôn chủ động rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, không ngừng học tập nâng cao trình độ
CLO6	A2 (Hồi đáp, phản ứng)	Tôn trọng đồng nghiệp, cầu thị, hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp với đồng nghiệp Lắng nghe và xây dựng mối quan hệ tốt đẹp, giao tiếp với nhân viên y tế, người bệnh, với cộng đồng.

### 32. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN BÀO CHẾ VÀ SINH DƯỢC HỌC 1

<b>1. Tên học phần (tiếng Việt):</b> <b>Bào chế và sinh dược học 1</b>	<b>Tên tiếng Anh:</b> Pharmaceutic and Biopharmaceuticals 1
<b>2. Mã học phần:</b>	7DUCO18

<b>3. Số tín chỉ:</b>	03
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Kiến thức ngành
<b>5. Loại học phần:</b>	Chọn
<b>6. Phân bổ thời gian:150 giờ</b>	
- Lý thuyết	30 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30 tiết
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	85
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần:</b>	<b>DSCKI. Nguyễn Văn Tiêu</b> Th.S Hoàng Thị Chung
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Hóa dược, Dược lý
- Học phần học trước:	Thực hành dược khoa
- Học phần song hành:	Dược liệu 1

### 9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Bào chế và sinh dược học 1 cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc: dung dịch thuốc uống và thuốc dùng ngoài, Thuốc tiêm, thuốc nhỏ mắt, cao thuốc, cồn thuốc.

### 10. Chuẩn đầu ra học phần

<b>CDR học phần</b>	<b>TĐNL</b> (Thang đo năng lực)	<b>Mô tả CDR học phần</b>
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Nắm vững và trình bày được các định nghĩa, đặc điểm, ưu nhược điểm của các dạng bào chế thông thường thuốc cấu trúc đồng thể
	K3 (Áp dụng)	Nắm vững và mô tả được thành phần cơ bản, nguyên tắc bào chế và các trang thiết bị sử dụng cho mỗi dạng bào chế khác nhau
CLO2		
CLO3	S2 (Vận dụng)	Nắm vững và trình bày được các yêu cầu, chỉ tiêu về chất lượng của mỗi dạng bào chế
COL4	S3 (Vận dụng thành thạo)	Có thể tiến hành điều chế được dung dịch Lugol (dung dịch iod 1%). Điều chế Cồn Iod 5%
CLO5	A2 (Tự chủ tiếp nhận)	Có thể tiến hành điều chế được 1 công thức thuốc cụ thể

CLO6	A2 (Hỏi đáp, phản ứng)	Nắm vững quy trình và thực hiện điều chế 1 dạng thuốc cụ thể
------	---------------------------	--

### 33. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC LÝ 1

<b>1. Tên học phần (tiếng Việt):</b> Dược lý 1	<b>Tiếng Anh:</b> Pharmacology 1
<b>2. Mã học phần:</b>	7DUC019
<b>3. Số tín chỉ:</b>	<b>02</b>
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Kiến thức ngành
<b>5. Loại học phần:</b>	Bắt buộc
<b>6. Phân bổ thời gian: 100 giờ</b>	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	70
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần:</b>	<b>DSCK I . Nguyễn Văn Quyền</b>
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Bệnh học, Vi sinh, Ký sinh, Hóa dược
- Học phần học trước:	Bệnh học, Vi sinh, Ký sinh, Hóa dược,
- Học phần song hành:	Pháp chế dược, Kiểm nghiệm thuốc...

#### 9. Mô tả tóm tắt học phần:

- Cung cấp cho sinh viên kiến thức: Khái niệm, phân loại các nhóm thuốc. Nắm được cơ chế tác dụng của thuốc. Nêu được tác dụng chính, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, liều lượng, và cách dùng. Trình bày được dược động học của thuốc, biết vận dụng kiến thức để hướng dẫn sử dụng thuốc cho người bệnh và cán bộ Y tế một cách an toàn hiệu quả và kinh tế.

- Sau khi học xong biết sử dụng thành thạo các nhóm thuốc: Hiểu được dược động học của thuốc, tác dụng của thuốc, thuốc tác dụng trên thần kinh trung ương (thuốc mê, thuốc tê, thuốc an thần gây ngủ, thuốc chống động kinh, thuốc điều trị rối loạn tâm thần, Thuốc tác dụng trên hệ thần kinh thực vật ...

#### 10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CĐR học phần
--------------	-----------------------------	--------------------

CLO1	K2 (Mức độ Hiểu)	-Giải thích được cơ chế tác dụng ở mức độ đơn giản. VD; Giải thích tại sao Morphin lại có thể gây nghiện .
CLO2	K3 (Vận dụng)	Phân tích được ảnh hưởng của thức ăn đến hấp thu thuốc. phân tích được tương tác thuốc-thuốc khi dùng đồng thời hai hay nhiều thuốc .
CLO3	S2 (Vận dụng và phân tích)	Phân tích mối quan hệ dược động học-tác dụng-chỉ định – vận dụng kiến thức để giải thích lựa chọn thuốc trong các ca lâm sàng đơn giản- nhận định tương tác thuốc nguy cơ ADR VD: Đánh giá hiệu quả sử dụng Methadon trong liệu pháp cai nghiện ma túy tại một đơn vị cấp phát Methadon.
CLO4	S3 (Vận dụng cao, tổng hợp đánh giá)	Đánh giá hiệu quả an toàn thuốc trong tình huống phức tạp – đề xuất/điều chỉnh phác đồ điều trị phù hợp cho từng bệnh nhân- xử trí ADR, tư vấn sử dụng thuốc dựa trên hướng dẫn điều trị và bằng chứng khoa học. VD: Đề xuất thay đổi cách quản lý và điều kiện mua bán thuốc Seduxen tại các nhà thuốc.
CLO5	A2 (Tự chủ tiếp nhận)	Thái độ học tập: có thái độ nghiêm túc trong học tập chấp hành nội quy lớp học và nhà trường – thực hiện yêu cầu của giảng viên khi được giao nhiệm vụ.
CLO6	A2 (Hỏi đáp, phản ứng)	Biết đặt câu hỏi tìm kiếm kiến thức khai thác nguồn tài liệu, chủ động lập KH học tập, nghiên cứu.

#### 34. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC HÀNH DƯỢC KHOA

<b>1. Tên học phần (tiếng Việt):</b> Thực hành dược khoa	<b>Tên tiếng Anh:</b> Pharmaceutical Practice
<b>2. Mã học phần:</b>	7DUC020
<b>3. Số tín chỉ:</b>	03
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Cơ sở khối ngành
<b>5. Loại học phần:</b>	Chọn
<b>6. Phân bổ thời gian: 150 giờ</b>	
- Lý thuyết	0 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	90 tiết

- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	55
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần:</b>	Th.S Nguyễn Trường Giang
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Khoa học cơ bản, cơ sở
- Học phần học trước:	Hóa phân tích, hóa hữu cơ, vật lý
- Học phần song hành:	Thực vật dược

### 9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần gồm 3 phần:

- Thực hành bào chế: Pha chế một số dạng bào chế đơn giản.
- Thực hành dược liệu: Nhận thức các dược liệu tươi và khô thông dụng.
- Thực hành tại nhà thuốc.

### 10. Chuẩn đầu ra học phần

<b>CĐR học phần</b>	<b>TĐNL</b> (Thang đo năng lực)	<b>Mô tả CĐR học phần</b>
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	<b>Phân loại</b> kỹ thuật cân, kỹ thuật lọc, đo lường thể tích và sử dụng dụng cụ pha chế trong phòng thí nghiệm; kỹ thuật hòa tan. Điều chế được dung dịch, kỹ thuật phân tán, rây. Xát cốm
CLO2	K3 (Áp dụng)	<b>Xây dựng</b> được quy trình pha dung dịch Daikin, pha chế được thuốc mỡ Benzosali, điều chế thuốc bột trị đau da dày đạt chuẩn
CLO3	S2 (Vận dụng)	<b>Thực hiện</b> kỹ thuật cân, kỹ thuật lọc, đo lường thể tích và sử dụng dụng cụ pha chế trong phòng thí nghiệm; kỹ thuật hòa tan. Điều chế được dung dịch, kỹ thuật phân tán, rây. Xát cốm
COL4	S3 (Vận dụng thành thạo)	<b>Hoàn thành</b> kỹ thuật cân, kỹ thuật lọc, đo lường thể tích và sử dụng dụng cụ pha chế trong phòng thí nghiệm; kỹ thuật hòa tan. Điều chế được dung dịch, kỹ thuật phân tán, rây. Xát cốm
CLO5	A2 (Tự chủ tiếp nhận)	<b>Nhận thức</b> và phân biệt được 100 dược liệu đã học ở dạng tươi và khô. Trình bày được tên VN, tên khoa học, thành phần hóa học, tác dụng, công dụng chính và cách dùng của các loại dược liệu này

CLO6	A2 (Hồi đáp, phản ứng)	<i>Trình bày</i> được quy hoạch 1 vườn dược liệu, xưởng sản xuất dược liệu đơn giản, các yêu cầu cơ bản của 1 nhà thuốc, các hoạt động chính của nhà thuốc.
------	---------------------------	---

### 35. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC CỔ TRUYỀN

<b>1. Tên học phần (tiếng Việt):</b> Dược học cổ truyền	<b>Tên tiếng Anh:</b> Traditional medicine
<b>2. Mã học phần:</b>	<b>7DUC021</b>
<b>3. Số tín chỉ:</b>	<b>2</b>
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Kiến thức chuyên ngành
<b>5. Loại học phần:</b>	Bắt buộc
<b>6. Phân bổ thời gian: 100 giờ</b>	
- Lý thuyết	15
- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30
- Đánh giá giữa học phần	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	50
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần</b>	DCKI. Nguyễn Văn Tiêu ThS. Nguyễn Thùy Hương
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Dược liệu 1,2
- Học phần học trước:	Dược liệu 1,2; Bào chế 1,2
- Học phần song hành:	Sản xuất thuốc từ dược liệu

#### 9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản của dược học cổ truyền gồm: cách sử dụng các vị thuốc, phương thuốc an toàn hiệu quả và hợp lý và các kỹ thuật bào chế, chế biến thuốc cổ truyền đạt yêu cầu quy định.

#### 10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
<b>học phần</b>	<i>(Thang đo năng lực)</i>	
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Trình bày được nguyên tắc bào chế, chế biến thuốc cổ truyền theo lý luận của y học cổ truyền.
CLO2	K3 (Áp dụng)	Nhận dạng đúng vị thuốc, công năng - chủ trị, kiêng kỵ của 100-120 vị thuốc chính.
CLO3	S2 (kỹ năng vận)	Trình bày được mục đích chế biến, các phương pháp chế biến và ý nghĩa của phụ liệu trong bào chế thuốc cổ truyền.

	dụng)	
COL4	S3 (Vận dụng thành thạo)	Thành thạo việc chế biến, bào chế thuốc các vị thuốc theo phương pháp chế biến cổ truyền
CLO5	A2 (Tự chủ tiếp nhận)	Luôn chủ động rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, không ngừng học tập nâng cao trình độ
CLO6	A2 (Hồi đáp, phản ứng)	Cầu thị, hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp với đồng nghiệp.

### 36. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN BÀO CHẾ VÀ SINH DƯỢC HỌC 2

<b>1. Tên học phần (tiếng Việt):</b> Bào chế và sinh dược học 2	<b>Tên tiếng Anh:</b> Formulation and Biopharmaceutics 2
<b>2. Mã học phần:</b>	7DUCO22
<b>3. Số tín chỉ:</b>	<b>3</b>
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Kiến thức chuyên ngành
<b>5. Loại học phần:</b>	Bắt buộc
<b>hân bổ thời gian: 150 giờ</b>	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30
- Đánh giá giữa học phần	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	85
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần</b>	<b>DSCKI. Nguyễn Văn Tiêu</b> Th.S Nguyễn Trường Giang
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	Thực hành dược khoa, thực vật
- Học phần song hành:	Dược liệu, Hóa dược

#### 9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Bào chế và sinh dược học 2 cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc: nhũ tương, hỗn dịch, thuốc mỡ, thuốc đạn, thuốc bột, thuốc viên và thuốc nang.

#### 10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học	TĐNL (Thang đo	Mô tả CĐR học phần
---------	-------------------	--------------------

<b>phần</b>	<i>năng lực</i> )	
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Trình bày được định nghĩa, đặc điểm, ưu nhược điểm của các dạng bào chế thông thường thuộc cấu trúc dị thể;
CLO2	(Hiểu kiến thức)	Mô tả được thành phần cơ bản (hoạt chất, tá dược), nguyên tắc bào chế và các trang thiết bị sử dụng cho mỗi dạng bào chế thuộc cấu trúc dị thể.
CLO2	K3 (Áp dụng)	Bào chế được các dạng bào chế thông thường thuộc nhũ tương, hỗn dịch, thuốc mỡ, thuốc đạn, thuốc bột, thuốc viên và thuốc nang.
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Đánh giá được một số chỉ tiêu kỹ thuật chính của các dạng bào chế nhũ tương, hỗn dịch, thuốc mỡ, thuốc đạn, thuốc bột, thuốc viên và thuốc nang.
COL4	S3 (Vận dụng thành thạo)	Có thái độ làm việc nghiêm túc, có trách nhiệm, có ý thức làm việc nhóm, có kỹ năng giao tiếp, trình bày thuyết trình, giải quyết vấn đề, chịu trách nhiệm trước xã hội với việc mình làm.
CLO5	A2 (Tự chủ tiếp nhận)	Luôn chủ động rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn.
CLO6	A2 (Hồi đáp, phản ứng)	Cầu thị, hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp với đồng nghiệp.

### 37. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC LÝ 2

<b>1. Tên học phần (tiếng Việt):</b> Dược lý 2	<b>Tiếng Anh:</b>
	Pharmacology 2
<b>2. Mã học phần:</b>	7DUC023
<b>3. Số tín chỉ:</b>	<b>03 ( 2LT+ 1 TH)</b>
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Kiến thức ngành
<b>5. Loại học phần:</b>	Bắt buộc
<b>6. Phân bổ thời gian: 150 giờ</b>	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)

- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	85
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần:</b>	<b>ThS. Ngô Văn nghiệp</b>
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Bệnh học, Vi sinh, Ký sinh, Hóa dược
- Học phần học trước:	Bệnh học, Vi sinh, Ký sinh, Hóa dược, Dược lý 1
- Học phần song hành:	Pháp chế dược, Kiểm nghiệm thuốc, D.lâm sàng

### 9. Mô tả tóm tắt học phần:

- Cung cấp cho sinh viên kiến thức: Khái niệm, phân loại các nhóm thuốc. Lắm được cơ chế tác dụng của thuốc. Nêu được tác dụng chính, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, liều lượng, và cách dùng. Trình bày được dược động học của thuốc, biết vận dụng kiến thức để hướng dẫn sử dụng thuốc cho người bệnh và cán bộ Y tế một cách an toàn hiệu quả và kinh tế.
- Sau khi học xong biết sử dụng thành thạo các nhóm thuốc: Nhóm thuốc tim mạch, thuốc lợi tiểu, thuốc điều trị dạ dày, thuốc chống đông máu, thuốc kháng sinh, thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm, nhóm thuốc corticoid, thuốc kháng histamin, thuốc chống ung thư, hormon, vitamin...

### 10. Chuẩn đầu ra học phần

<b>CDR học phần</b>	<b>TĐNL (Thang đo năng lực)</b>	<b>Mô tả CDR học phần</b>
CLO1	K2 (Mức độ Hiểu)	-Giải thích được cơ chế tác dụng ở mức độ đơn giản. VD; Giải thích tại sao nhóm NSAIDs gây viêm loét dạ dày - tá tràng.
CLO2	K3 (Vận dụng)	Áp dụng đọc hiểu toa thuốc, đối chiếu với hướng dẫn điều trị. VD: Phân tích đơn thuốc có aspirin và clopidogrel...
CLO3	S2 (Vận dụng và phân tích)	Phân tích mối quan hệ dược động học-tác dụng-chỉ định – vận dụng kiến thức để giải thích lựa chọn thuốc trong các ca lâm sàng đơn giản- nhận định tương tác thuốc nguy cơ ADR. VD: tại sao không dùng thuốc propranolon cho bệnh nhân hen. Chọn thuốc hạ huyết áp phù hợp cho bệnh nhân cao huyết áp và đái tháo đường.

CLO4	S3 (Vận dụng cao, tổng hợp đánh giá)	Đánh giá hiệu quả an toàn thuốc trong tình huống phức tạp – đề xuất/điều chỉnh phác đồ điều trị phù hợp cho từng bệnh nhân- xử trí ADR, tư vấn sử dụng thuốc dựa trên hướng dẫn điều trị và bằng chứng khoa học. VD: Đề xuất thay đổi phác đồ điều trị khi bệnh nhân đang dùng warfarin có INR cao, đánh giá lợi ích và nguy cơ khi phối hợp nhiều thuốc tim mạch cho bệnh nhân cao tuổi có nhiều bệnh nền.
CLO5	A2 (Tự chủ tiếp nhận)	Thái độ học tập: có thái độ nghiêm túc trong học tập chấp hành nội qui lớp học và nhà trường – thực hiện yêu cầu của giảng viên khi được giao nhiệm vụ.
CLO6	A2 (Hồi đáp, phản ứng)	Tích cực tham gia, thảo luận, trao đổi học thuật, có trách nhiệm trong nhóm học tập và nghiên cứu. Thể hiện tinh thần cao cầu tiến, trung thực trong NCKH

### 38. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN PHÁP CHẾ DƯỢC

<b>1. Tên học phần (Tiếng Việt):</b> <b>PHÁP CHẾ DƯỢC</b>	<b>Tên tiếng Anh: Pharmaceutical Legislation</b>
<b>2. Mã học phần:</b>	<b>7DUC024</b>
<b>3. Số tín chỉ:</b>	<b>03 (02:01)</b>
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Kiến thức ngành
<b>5. Loại học phần:</b>	Bắt buộc
<b>6. Phân bổ thời gian: 150 giờ</b>	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30
- Đánh giá giữa học phần	5 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	85 giờ
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần</b>	DSCCKII: Hoàng Duy Hiến ThS: Hoàng Thị Chung
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Hóa dược, Dược lý, Dược Lâm sàng
- Học phần học trước:	Hóa dược, Dược lý.
- Học phần song hành:	Dược lâm sàng, Kỹ năng giao tiếp bán hàng.

### 9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống các văn bản pháp quy của Nhà nước có liên quan đến lĩnh vực Dược như Luật Dược số 105(2016)

Luật Dược sửa đổi số 44(2024) và hướng dẫn thi hành Luật Dược; các quy định mang tính pháp lý về hành nghề dược như Điều kiện kinh doanh dược, quản lý chất lượng thuốc và các thuốc phải kiểm soát đặc biệt, ghi nhãn thuốc, bán thuốc cho người điều trị ngoại trú, hoạt động thông tin, quảng cáo, hoạt động thanh tra dược; quy định về phân loại thuốc ATC/DDD/VEN và quy định sử dụng danh pháp cho thuốc.

### 11. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

<b>CĐR học phần</b>	<b>TĐNL</b> <i>(Thang đo năng lực)</i>	<b>Mô tả CĐR học phần</b>
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Mô tả được các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của ngành Dược
CLO2	K3 (Áp dụng)	Hiểu được các khái niệm trong Luật Dược
CLO3	S2 (Vận dụng)	Thực hành quy định về hoạt động kinh doanh dược
CLO4	S3 (Vận dụng thành thạo)	Thực hành qui định trong kê đơn thuốc ngoại trú, phân tích đơn.
CLO5	A2 (Tự chủ tiếp nhận)	Gương mẫu chấp hành luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp.
CLO6	A2 (Hồi đáp, phản ứng)	Có khả năng đưa ra các kiến nghị để thực hiện tốt hơn các hoạt động quản lý nhà nước về dược

### 39. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN LÝ VÀ KINH TẾ DƯỢC

<b>1. Tên học phần (Tiếng Việt):</b>	<b>Tên tiếng Anh:</b>
Quản lý và kinh tế dược	Pharmaceutical economics and management
<b>2. Mã học phần:</b>	7DUC025
<b>3. Số tín chỉ:</b>	03 (02:1)
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Kiến thức ngành
<b>5. Loại học phần:</b>	Bắt buộc
<b>6. Phân bổ thời gian: 150 giờ</b>	
- Lý thuyết	30 giờ

-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30 giờ
- Đánh giá giữa học phần	5 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	85 giờ
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần</b>	DSCKII: Hoàng Duy Hiền Ths: Phạm Thị Loan Phương
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Đạo đức hành nghề dược; Dược cộng đồng.
- Học phần học trước:	Dược cộng đồng, Marketing, hóa dược, dược liệu, bào chế
- Học phần song hành:	Marketing, Pháp chế Dược

### 9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Quản lý và kinh tế dược. Học phần quản lý và kinh tế dược cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về doanh nghiệp và doanh nghiệp dược, về quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và nghĩa vụ tài chính trong doanh nghiệp dược phẩm.

Những kiến thức thu được trong quá trình học tập sẽ góp phần bổ sung hoàn thiện chương trình đào tạo và giúp cho người học có thể đáp ứng nhiệm vụ chuyên môn tại các cơ sở sản xuất, phân phối, xuất nhập khẩu dược phẩm.

### 10. Chuẩn đầu ra học phần

<b>CĐR học phần</b>	<b>TĐNL</b> (Thang đo năng lực)	<b>Mô tả CĐR học phần</b>
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	<b>Phân loại</b> được các kiến thức cơ bản về phân loại, cấu trúc, nghĩa vụ và quyền hạn của doanh nghiệp, các nguyên tắc cơ bản trong công tác quản lý kinh tế thông qua các chỉ tiêu tài chính và hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh dược phẩm
CLO2	K3 (Áp dụng)	<b>Thực hiện</b> được những qui định về Thuế thu nhập doanh nghiệp và Thuế giá trị gia tăng. Nắm vững những qui định về một hợp đồng kinh tế.
CLO3	S2 (Vận dụng)	<b>Triển khai</b> được các phương pháp quản trị doanh nghiệp, giá thành của một sản phẩm thuốc, để từ đó xác định được điểm hòa vốn về sản phẩm và tiền trong các ví dụ cụ thể
COL4	S3 (Vận dụng thành thạo)	<b>Xây dựng</b> được các chỉ tiêu tài chính và hiệu quả kinh tế trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp dược trong các ví dụ cụ thể

CLO5	A2 (Tự chủ tiếp nhận)	<b>Thấu hiểu</b> được một hợp đồng kinh tế theo đúng nội dung và thể thức
CLO6	A2 (Hồi đáp, phản ứng)	<b>Thực hiện</b> phương pháp phân tích SWOT, 3C, SMART để hoạch định chiến lược kinh doanh cho một doanh nghiệp được

#### 40. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC ĐỘNG HỌC

<b>1. Tên học phần (tiếng Việt):</b> Dược động học	<b>Tiếng Anh:</b> Pharmacokinetics
<b>2. Mã học phần:</b>	7DUC026
<b>3. Số tín chỉ:</b>	02
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Kiến thức ngành
<b>5. Loại học phần:</b>	Bắt buộc
<b>6. Phân bổ thời gian: 100 giờ</b>	
- Lý thuyết	30 giờ
- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	5 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	65 giờ
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần:</b>	<b>ThS.Đỗ Thị Hoàng Hải</b>
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Hóa Lý, Hóa sinh
- Học phần học trước:	Bệnh học, Vi sinh, Ký sinh, Hóa dược
- Học phần song hành:	Dược lý 1,2, Bào chế và sinh dược học

#### 9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về các quá trình dược động học của thuốc gồm hấp thu, phân bố, chuyển hóa và thải trừ, cùng với các thông số liên quan. Nội dung cũng đề cập đến mô hình hóa dược động học, phương pháp tính toán thông số từ dữ liệu nồng độ thuốc, cũng như đặc điểm dược động học theo đường dùng và chế độ dùng thuốc.

#### 11. Chuẩn đầu ra học phần

<b>CĐR học phần</b>	<b>TĐNL</b> (Thang đo năng lực)	<b>Mô tả CĐR học phần</b>
---------------------	------------------------------------	---------------------------

CLO1	K2	Phân biệt được các quá trình vận chuyển thuốc qua màng. Trình bày được đặc điểm của các quá trình dược động học, định nghĩa và ý nghĩa của các thông số dược động học.
CLO2	K3	Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến bốn quá trình dược động học: hấp thu, phân bố, chuyển hóa, thải trừ của thuốc, các thông số dược động học và mối liên hệ giữa các thông số dược động học, các yếu tố sinh lý, bệnh lý ảnh hưởng tới quá trình dược động học và quá trình theo dõi nồng độ thuốc trong điều trị
CLO3	S2	Tra cứu và phân tích được các thông tin về dược động học của thuốc trong các tài liệu chuyên môn từ đó tư vấn được cho bệnh nhân các lưu ý về quá trình dược động học khi sử dụng thuốc.
COL4	S2	Tính toán được các thông số dược động học đặc trưng dựa trên dữ liệu có sẵn với giải định thuốc tuân theo dược động học 1 ngăn, thải trừ bậc 1 của thuốc dùng đường tiêm tĩnh mạch, đường uống, hiệu chỉnh liều trong quá trình điều trị
CLO5	A1	Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động ngoại khóa...
CLO6	A2	Chủ động tra cứu các thông tin dược động học, nâng cao khả năng tự học, tự cập nhật kiến thức, thái độ nghiêm túc

#### 41. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC LÂM SÀNG 1

<b>1. Tên học phần (Tiếng Việt):</b> Dược lâm sàng 1	<b>Tên tiếng Anh:</b> Clinical Pharmacology 1
<b>2. Mã học phần:</b>	7DUC027
<b>3. Số tín chỉ:</b>	03 (02:01)
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Kiến thức ngành
<b>5. Loại học phần:</b>	Bắt buộc
<b>6. Phân bổ thời gian: 150 giờ</b>	
- Lý thuyết	30 giờ
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30 giờ
- Đánh giá giữa học phần	5 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	85 giờ

<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần</b>	ThS. Đỗ Thị Hoàng Hải
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Hóa sinh, giải phẫu, sinh lý, vi sinh- kí sinh trùng, sinh lý bệnh và miễn dịch
- Học phần học trước:	Hóa dược 1,2, bào chế và sinh dược học 1,2, Dược động học, Dược lý 1,2
- Học phần song hành:	Pháp chế dược, kiểm nghiệm dược

### 9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về nội dung và cách tiếp cận của dược sĩ lâm sàng với mục tiêu sử dụng thuốc hợp lý, an toàn và hiệu quả.

Nội dung bao gồm: xét nghiệm cận lâm sàng và nhận định kết quả, tương tác thuốc, phản ứng bất lợi của thuốc, dị ứng thuốc, thông tin thuốc, các đường đưa thuốc và cách sử dụng. Thêm vào đó, học phần còn cung cấp nguyên tắc sử dụng một số nhóm thuốc thông dụng (kháng sinh – kháng khuẩn, vitamin và khoáng chất, glucocorticoid, thuốc giảm đau) và nguyên tắc sử dụng thuốc ở một số nhóm bệnh nhân đặc biệt (người cao tuổi, trẻ em, phụ nữ có thai và cho con bú).

Học phần rèn luyện kỹ năng tra cứu, khai thác và phân tích thông tin thuốc phục vụ việc tư vấn sử dụng thuốc hợp lý, an toàn và hiệu quả

### 10. Chuẩn đầu ra học phần

<b>CĐR học phần</b>	<b>TĐNL (Thang đo năng lực)</b>	<b>Mô tả CĐR học phần</b>
CLO1	K2	Trình bày được khái niệm, hoạt động trong lĩnh vực dược lâm sàng, giải thích vai trò và cách tiếp cận của dược sĩ lâm sàng trong việc sử dụng thuốc hợp lý.
CLO2	K3	Biện giải được một số xét nghiệm lâm sàng cơ bản. Quản lý thông tin thuốc, tương tác thuốc, an toàn thuốc. Phân tích nguyên tắc sử dụng một số nhóm thuốc cơ bản kháng sinh, vitamin và khoáng chất, nhóm thuốc giảm đau, chống viêm và nguyên tắc sử dụng thuốc trên một số đối tượng người già, trẻ em, phụ nữ có thai và cho con bú
CLO3	S2	Thực hiện tra cứu và tổng hợp thông tin thuốc từ các nguồn tin cậy. Vận dụng được thông tin tra cứu để nhận định kết quả xét nghiệm và các yếu tố liên quan đến sử dụng thuốc

CLO4	S2	Phân tích được tình huống lâm sàng và đề xuất lựa chọn thuốc/đường dùng phù hợp
CLO5	A2	Chủ động tra cứu và cập nhật kiến thức thông tin thuốc Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và hợp tác hiệu quả thảo luận, xử lý ca lâm sàng
CLO6	A2	Rèn luyện khả năng tra cứu nhanh, chính xác thông tin thuốc trong học tập và thực hành

#### 42. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ĐỘC CHẤT HỌC

<b>1. Tên học phần (tiếng Việt):</b> Kiểm nghiệm dược phẩm	<b>Tên tiếng Anh:</b> Pharmaceutical quality control
<b>2. Mã học phần:</b>	7DUC028
<b>3. Số tín chỉ:</b>	<b>02</b>
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Kiến thức ngành (Chuyên ngành)
<b>5. Loại học phần:</b>	Bắt buộc
<b>6. Phân bổ thời gian: 100 giờ</b>	
- Lý thuyết	35
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần:</b>	ThS. Đỗ Văn Trân ThS. Lê Ngọc Dương
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Hóa dược
- Học phần học trước:	Dược lâm sàng
- Học phần song hành:	Kiểm nghiệm dược phẩm

#### 9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Độc chất học cung cấp cho sinh viên kiến thức về tính chất hóa học và độc tính của các chất độc thường gặp, phản ứng phát hiện chất độc trong mẫu phân tích và cách xử lý.

#### 10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CĐR học phần
CLO 1	K2 (Hiểu kiến thức)	Trình bày được các khái niệm cơ bản của độc chất học

CLO 2	K3 (Áp dụng)	<p>Trình bày được các phương pháp phân lập chất độc vô cơ và một số chất độc vô cơ điển hình.</p> <p>Trình bày được các phương pháp phân lập chất độc vô cơ và một số chất độc vô cơ điển hình.</p> <p>Trình bày được các phương pháp phân lập chất độc hữu cơ và một số chất độc hữu cơ điển hình.</p> <p>Trình bày được các phương pháp xác định các chất độc kim loại.</p> <p>Trình bày được các độc chất phân lập bằng phương pháp cất.</p> <p>Trình bày được các chất độc phân lập bằng chiết ở môi trường acid, môi trường kiềm</p> <p>Trình bày được độc tính của các chất trừ sâu, diệt cỏ.</p>
CLO 3	S2 (Vận dụng)	Trình bày các bước và tiến hành kiểm nghiệm được các chất độc vô cơ (Kim loại nặng: Pd, Hg, Cd, As...)
COL 4	S3 (Vận dụng thành thạo)	<p>Trình bày các bước và tiến hành kiểm nghiệm được các chất độc hữu cơ (HCN, Ethanol, Methanol, Benzen và hydro carbon thơm, Barbiturat, Digitoxin, Neriolin, alcaloid của lá ngón, Stricnin, Nicotin, Aconitin, Atropin, Tetrodotoxin, Aflatoxin, Aflatoxin, Ochratoxin ....)</p> <p>Trình bày các bước và tiến hành kiểm nghiệm được các chất ma túy (morphin, heroin, amphetamin, methamphetamine, MDMA, cocain....)</p> <p>Trình bày các bước và tiến hành kiểm nghiệm được hóa chất bảo vệ thực vật (nhóm lân hữu cơ, chlor hữu cơ, nitơ hữu cơ, lưu huỳnh hữu cơ...)</p>
CLO 5	A2 (Tự chủ tiếp nhận)	Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động ngoại khóa.
CLO 6	A2 (Hồi đáp, phản ứng)	Suy nghĩ độc lập, chủ động có ý kiến hồi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh họa... trong thảo luận, nghiên cứu

#### 43. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG

<b>1. Tên học phần (tiếng Việt):</b> Sức khỏe môi trường	<b>Tên tiếng Anh:</b> ( Enviromental health)
<b>2. Mã học phần:</b>	7DUC029
<b>3. Số tín chỉ:</b>	02

<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Cơ sở khối ngành Y học dự phòng
<b>5. Loại học phần:</b>	Bắt buộc
<b>6. Phân bổ thời gian:100 giờ</b>	
- Lý thuyết	30 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0 tiết
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	65 tiết
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần:</b>	ThS. Trần Thị Kim Ngân ThS, BSCK2. Trần Hồ
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Sinh học, Hoá sinh, GPSL, Dịch học đại cương
- Học phần học trước:	Các học phần Y học cơ sở
- Học phần song hành:	Dịch tễ học; Dinh dưỡng ATTP; Kiểm soát nhiễm khuẩn và Phương pháp nghiên cứu khoa học

#### 9. Mô tả tóm tắt học phần

Là học phần chủ yếu, cơ bản của khoa học y học dự phòng và có mối liên quan kiến thức, kỹ năng ứng dụng thực hành quan trọng đối với hầu hết các học phần khác của khối ngành về khoa học Y-Dược. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môi trường sạch của tự nhiên ảnh hưởng tới đời sống sinh vật và con người; và các kiến thức về ô nhiễm môi trường ảnh hưởng tới sức khỏe và bệnh tật con người. Nắm được kỹ năng và biết cách áp dụng vào thực hành bảo vệ môi trường bệnh viện và các cơ sở y tế để sức khỏe con người

#### 10. Chuẩn đầu ra học phần

<b>CĐR học phần</b>	<b>TĐNL (Thang đo năng lực)</b>	<b>Mô tả CĐR học phần</b>
CLO1	K1 (Hiểu kiến thức)	Trình bày được các khái niệm cơ bản về sức khỏe môi trường và các yếu tố môi trường tác động đến sức khỏe con người. (Bloom: Nhớ – Hiểu)
CLO2	K2 (Hiểu kiến thức)	Phân tích được mối quan hệ giữa môi trường – sức khỏe – phát triển bền vững. (Bloom: Hiểu – Phân tích)

CLO3	S2 (Hiểu kiến thức)	Mô tả được các tác nhân ô nhiễm (nước, không khí, đất, chất thải, tiếng ồn, hóa chất, bức xạ...) và các bệnh, rối loạn sức khỏe liên quan.
CLO4	S2 (Vận dụng)	Đánh giá được các nguy cơ sức khỏe từ môi trường sống, lao động, sản xuất. ( <i>Bloom: Phân tích – Đánh giá</i> )
CLO5	A2 (Vận dụng)	Vận dụng kiến thức sức khỏe môi trường trong công tác phòng ngừa, quản lý và bảo vệ sức khỏe cộng đồng. ( <i>Bloom: Vận dụng – Sáng tạo</i> )
CLO6	A2 (Tự chủ và chịu trách nhiệm)	ý thức trách nhiệm trong bảo vệ môi trường, phát triển bền vững và sức khỏe cộng đồng. ( <i>Bloom: Giá trị – Thái độ</i> )

#### 44. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC LÂM SÀNG 2

<b>1. Tên học phần (Tiếng Việt): Dược lâm sàng 2</b>	<b>Tên tiếng Anh: Clinical Pharmacology 2</b>
<b>2. Mã học phần:</b>	7DUC030
<b>3. Số tín chỉ:</b>	03
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Kiến thức ngành
<b>5. Loại học phần:</b>	Bắt buộc
<b>6. Phân bổ thời gian: 150 giờ</b>	
- Lý thuyết	30 giờ
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30 giờ
- Đánh giá giữa học phần	5 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	85 giờ
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần</b>	ThS. Đỗ Thị Hoàng Hải
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Bệnh học, vi sinh, ký sinh, dược lý 1,2, hóa dược, bào chế
- Học phần học trước:	Dược lâm sàng 1
- Học phần song hành:	Quản lý kinh tế dược, Sản xuất thuốc, Marketing và thị trường dược phẩm

#### 9. Mô tả tóm tắt học phần:

- Học phần dược lâm sàng 2 cung cấp kiến thức kỹ năng tra cứu thông tin thuốc về một số bệnh lý thường gặp tại bệnh viện và nhà thuốc. Sinh viên có cơ hội thực hành rèn luyện kỹ năng của Dược sĩ Lâm Sàng, phân tích và đánh giá ca lâm sàng cụ thể trên một số

bệnh lý cụ thể, từ đó đưa ra các tư vấn. Trong bệnh viện, dược sĩ lâm sàng cần nắm rõ kiến thức và kỹ năng tra cứu về hướng dẫn điều trị, sử dụng thuốc trên một số bệnh lý chuyên khoa tim mạch, nội tiết, tiêu hóa. Tại nhà thuốc, dược sĩ lâm sàng nắm rõ kiến thức, kỹ năng tư vấn một số bệnh lý thường gặp.

#### 10. Chuẩn đầu ra học phần

<b>CĐR học phần</b>	<b>TĐNL</b> (Thang đo năng lực)	<b>Mô tả CĐR học phần</b>
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Trình bày và giải thích được các hướng dẫn điều trị và nguyên tắc sử dụng thuốc trên một số bệnh lý chuyên khoa như tim mạch, nội tiết, tiêu hóa
CLO2	K3 (Áp dụng)	Áp dụng kiến thức để tư vấn và hỗ trợ bệnh nhân trong bệnh viện và nhà thuốc trong các ca lâm sàng giả định.
CLO3	S2 (Vận dụng)	Tra cứu, sử dụng các tài liệu tham khảo và hướng dẫn điều trị trong thực hành dược lâm sàng.
COL4	S3 (Vận dụng thành thạo)	Áp dụng kiến thức để tư vấn và hỗ trợ bệnh nhân trong bệnh viện và nhà thuốc trong các ca lâm sàng giả định.
CLO5	A2 (Tự chủ tiếp nhận)	Thận trọng, chính xác khi tư vấn sử dụng thuốc
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Chủ động tra cứu, cập nhật kiến thức về thông tin thuốc và các hướng dẫn điều trị để nâng cao năng lực chuyên môn.

#### 45. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KIỂM NGHIỆM DƯỢC PHẨM

<b>1. Tên học phần (tiếng Việt):</b> Kiểm nghiệm dược phẩm	<b>Tên tiếng Anh:</b> Pharmaceutical quality control
<b>2. Mã học phần:</b>	7DUC031
<b>3. Số tín chỉ:</b>	03
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Kiến thức ngành (Chuyên ngành)
<b>5. Loại học phần:</b>	Bắt buộc
<b>6. Phân bổ thời gian: 150 GIỜ</b>	

- Lý thuyết	25 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30 tiết
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần:</b>	ThS. Đỗ Văn Trân ThS. Lê ngọc Dương
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Hóa dược, Hóa phân tích
- Học phần học trước:	Hóa phân tích
- Học phần song hành:	Dược lâm sàng

### 9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Kiểm nghiệm dược phẩm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về chất lượng thuốc, phương pháp lấy mẫu và lưu mẫu, một số phương pháp kiểm nghiệm thuốc được ghi trong Dược điển Việt Nam. Sinh viên cũng thực hành kiểm nghiệm một số dạng bào chế thông dụng.

### 10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Trình bày được các khái niệm về các vấn đề trong kiểm nghiệm dược phẩm
CLO2	K3 (Áp dụng)	Trình bày được các bước kiểm nghiệm dược phẩm bằng phương pháp hóa học.
		Trình bày được các bước kiểm nghiệm dược phẩm bằng phương pháp hóa lý.
		Trình bày được các bước kiểm nghiệm dược phẩm bằng phương pháp sinh học.
		Trình bày được phương pháp kiểm nghiệm các dạng bào chế.
		Trình bày được phương pháp kiểm nghiệm độ ổn định và tuổi thọ của thuốc.
CLO3	S2 (Vận dụng)	Trình bày các bước và tiến hành kiểm nghiệm dược nguyên liệu Calci Chlorid dihydrat (Xác định tạp chất, độ trong và màu sắc của dung dịch)
COL4	S3 (Vận dụng)	Trình bày các bước và tiến hành kiểm nghiệm dược viên nén sulfaguanidin 500mg

	thành thạo)	Trình bày các bước và tiến hành kiểm nghiệm được thuốc tiêm vitamin B12 1000 $\gamma$ /mL Trình bày các bước và tiến hành kiểm nghiệm được thuốc bột sủi pha tiêm natri penicilin G 1.000.000 UI Trình bày các bước và tiến hành kiểm nghiệm được thuốc bột sủi bột Hapacol 150 Flu Trình bày các bước và tiến hành kiểm nghiệm được viên nang Paracetamol 500mg Trình bày các bước và tiến hành kiểm nghiệm được kem Cortibion và sirô Theralen
CLO5	A2 (Tự chủ tiếp nhận)	Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động ngoại khóa.
CLO6	A2 (Hồi đáp, phản ứng)	Suy nghĩ độc lập, chủ động có ý kiến hồi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh họa... trong thảo luận, nghiên cứu

#### 46. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN SẢN XUẤT THUỐC

<b>1. Tên học phần (tiếng Việt):</b> Sản xuất thuốc	<b>Tên tiếng Anh:</b> Drug Production
<b>2. Mã học phần:</b>	7DUC032
<b>3. Số tín chỉ:</b>	<b>02</b>
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Kiến thức chuyên ngành
<b>5. Loại học phần:</b>	Bắt buộc
<b>6. Phân bổ thời gian:100</b>	
- Lý thuyết	0
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	29 tiết
- Đánh giá giữa học phần	1 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	70
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần</b>	ThS. Nguyễn Trường Giang
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Bào chế và sinh dược học
- Học phần học trước:	Bào chế và sinh dược học
- Học phần song hành:	Sản xuất thuốc từ dược liệu

#### 9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần sản xuất thuốc giúp sinh viên có những kiến thức thực tiễn liên quan đến sản xuất, đảm bảo chất lượng thuốc và các nguyên tắc của GPs có liên quan. Mặc khác rèn luyện tác phong làm việc trong môi trường sản xuất thực tế.

#### 10. Chuẩn đầu ra học phần

<b>CĐR học phần</b>	<b>TĐNL</b> (Thang đo năng lực)	<b>Mô tả CĐR học phần</b>
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Phân biệt sự khác biệt kỹ thuật bào chế thuốc trong phòng thí nghiệm và sản xuất thuốc ở qui mô công nghiệp.
CLO2	K3 (Áp dụng)	Hiểu và trình bày được sơ đồ sản xuất thuốc theo hệ thống 1 chiều đạt tiêu chuẩn GMP.
CLO3	S2 (Vận dụng)	Thực hành được kỹ thuật chuyên môn tại các vị trí trong qui trình sản xuất thuốc.
COL4	S3 (Vận dụng thành thạo)	Làm thành thạo một số kỹ thuật về cân đong, hòa tan, trộn bột, dập viên, sửa viên, đóng gói trong qui trình sản xuất các thuốc cụ thể.
CLO5	A2 (Tự chủ tiếp nhận)	Luôn chủ động rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, không ngừng học tập nâng cao trình độ.
CLO6	A2 (Hồi đáp, phản ứng)	Tôn trọng đồng nghiệp, cầu thị, hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp với đồng nghiệp Lắng nghe và xây dựng mối quan hệ tốt đẹp, giao tiếp với nhân viên y tế, người bệnh, với cộng đồng.

#### 47. ĐỀ CƯƠNG CHI HỌC PHẦN TIN HỌC – DƯỢC

<b>1. Tên học phần (tiếng Việt): Tin học dược</b>	<b>Tên tiếng Anh:</b> Pharmaceutical Informatics
<b>2. Mã học phần:</b>	7DUC033
<b>3. Số tín chỉ:</b>	02
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Cơ sở khối ngành
<b>5. Loại học phần:</b>	Chọn
<b>6. Phân bổ thời gian: 100 giờ</b>	
- Lý thuyết	15
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	05
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	50
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần:</b>	ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Không

- Học phần học trước:	Ngôn ngữ Anh 1
- Học phần song hành:	

### 9. Mô tả tóm tắt học phần

Môn học gồm 3 phần:

- Phần 1: Các khái niệm cơ sở về thông tin, phần cứng và phần mềm máy tính, các ứng dụng và đạo đức nghề nghiệp.
- Phần 2: Kiến thức kỹ năng sử dụng: hệ điều hành, MS Office (hoặc Open Office) và khai thác một số dịch vụ trên Internet.
  - + MS Word: Dùng để soạn thảo văn bản
  - + MS Excel: Dùng để tính toán
  - + MS Power Point: Dùng để thiết kế các trang trình chiếu
- Phần 3: Soạn thảo công thức hóa học, viết phương trình phản ứng hóa học, Trình bày cấu trúc phân tử bằng phần mềm chuyên dụng ChemOffice 15.1

### 10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Hiểu được các kiến thức cơ bản về thông tin: khái niệm thông tin, dữ liệu, đơn vị đo thông tin, phân loại thông tin, khái niệm xử lý thông tin.
CLO2	K3 (Áp dụng)	Nắm được các kiến thức về phần cứng, phần mềm máy tính; Các kiến thức hệ điều hành, một số phần mềm thông dụng như phần mềm hỗ trợ công tác văn phòng và khai thác Internet.
CLO3	S3 (kỹ năng vận dụng)	Biết sử dụng hệ điều hành và cài đặt một số phần mềm tiện ích, phần mềm văn phòng thông dụng, biết cách gửi e-mail, biết cách giải quyết một số sự cố thông thường về phần mềm khi gặp phải.
COL4	S3 (Vận dụng thành thạo)	Biết khai thác các dịch vụ cơ bản trên Internet: tìm kiếm thông tin và liên lạc qua thư điện tử. Có ý thức ứng dụng CNTT nâng cao chất lượng sống và làm việc hàng ngày, có phong cách làm việc trong xã hội hiện đại, tin học hóa ngày một cao.
CLO5	A2 (Tự chủ tiếp nhận)	Suy nghĩ độc lập, chủ động có ý kiến hồi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh họa... trong thảo luận, nghiên cứu

CLO6	A2 (Hồi đáp, phản ứng)	Có ý thức tự học, tự nghiên cứu đam mê tìm tòi phát triển ứng dụng trong ngành dược học
------	------------------------------	---

#### 48. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN SẢN XUẤT THUỐC TỪ DƯỢC LIỆU

<b>1. Tên học phần (tiếng Việt):</b> Sản xuất thuốc từ dược liệu	<b>Tên tiếng Anh:</b> Drug Manufacturing from Medicinal Materials
<b>2. Mã học phần:</b>	7DUCO34
<b>3. Số tín chỉ:</b>	2
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Kiến thức chuyên ngành
<b>5. Loại học phần:</b>	Bắt buộc
<b>6. Phân bổ thời gian: 100 giờ</b>	
- Lý thuyết	0
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	60
- Đánh giá giữa học phần	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	35
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần</b>	DSCKI. Nguyễn Văn Tiêu
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Sản xuất thuốc
- Học phần học trước:	Bào chế và sinh dược học
- Học phần song hành:	Thực hành sản xuất thuốc

#### 9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần sản xuất thuốc dược liệu cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng liên quan đến chiết xuất dược liệu, xử lý tạp, cô sấy để thu được các sản phẩm trung gian phục vụ cho việc bào chế thuốc dược liệu.

#### 10. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Phân tích và hiểu được bản chất, qui trình kỹ thuật chiết xuất, xử lý tạp, cô sấy các sản phẩm trung gian từ dược liệu ở quy mô công nghiệp.
CLO2	K3 (Áp dụng)	Thực hành sản xuất một số thuốc dược liệu bằng nguồn nguyên liệu sẵn có.
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Thành thạo kỹ thuật bào chế thuốc còn thuốc, cao thuốc từ dược liệu

COL4	S3 (Vận dụng thành thạo)	Thực hành được kỹ thuật sơ chế, chế biến, bào chế dược liệu trong qui trình sản xuất thuốc được liệu.
CLO5	A2 (Hỏi đáp, phản ứng)	Cầu thị, hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp với đồng nghiệp
CLO6	A2 (Hỏi đáp, phản ứng)	Xây dựng mối quan hệ tốt đẹp, giao tiếp với nhân viên y tế, người bệnh, với cộng đồng.

#### 49. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

##### MARKETING VÀ THỊ TRƯỜNG DƯỢC PHẨM

<b>1. Tên học phần (Tiếng Việt): marketing và thị trường dược phẩm</b>	<b>Tên tiếng Anh: Marketing and Pharmaceutical Market</b>
<b>2. Mã học phần:</b>	7DUC035
<b>3. Số tín chỉ:</b>	<b>03 (03: 01)</b>
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Kiến thức cơ sở ngành
<b>5. Loại học phần:</b>	Bắt buộc
<b>6. Phân bổ thời gian:150 giờ</b>	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30
- Đánh giá giữa học phần	5 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	85
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần</b>	BSCKII. Hoàng Duy Hiền ThS. Phạm Thị Loan Phượng
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Kinh tế dược; đạo đức hành nghề dược
- Học phần học trước:	Kinh tế dược;
- Học phần song hành:	Đạo đức hành nghề dược; Dược cộng đồng.

#### 9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Marketing và thị trường dược phẩm.

#### 10. Chuẩn đầu ra học phần

<b>CĐR học phần</b>	<b>TĐNL</b> (Thang đo năng lực)	<b>Mô tả CĐR học phần</b>
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	<b>Phân loại</b> , Trình bày được các khái niệm cơ bản về Marketing, Marketing Mix (4P/7P). Mô tả đặc thù thị trường dược
CLO2	K3 (Áp dụng)	<b>Thực hiện</b> phân tích đặc thù thị trường dược phẩm, phân biệt OTC và ETC.
CLO3	S2 (Vận dụng)	<b>Triển khai</b> Vận dụng kiến thức để phân tích sản phẩm dược trên thị trường. Lập kế hoạch Marketing cơ bản cho sản phẩm OTC/TPBVSK.
COL4	S3 (Vận dụng thành thạo)	<b>Sử dụng kiến thức đã học</b> Phân tích hành vi người tiêu dùng trong dược phẩm.
CLO5	A2 (Tự chủ tiếp nhận)	<b>Thấu hiểu</b> được các quy định Pháp luật trong Marketing dược.
CLO6	A2 (Hồi đáp, phản ứng)	- Đề cao trách nhiệm xã hội và đạo đức trong Marketing dược.).

**50. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC HÀNH SẢN XUẤT THUỐC TẠI CÁC XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM**

<b>1. Tên học phần (tiếng Việt):</b> Thực hành sản xuất thuốc tại các xí nghiệp dược phẩm	<b>Tên tiếng Anh:</b> Practical Drug Manufacturing at Pharmaceutical Enterprises
<b>2. Mã học phần:</b>	7DUCO36
<b>3. Số tín chỉ:</b>	<b>03</b>
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Kiến thức chuyên ngành
<b>5. Loại học phần:</b>	Bắt buộc
<b>6. Phân bổ thời gian:150 giờ</b>	
- Lý thuyết	0
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	90
- Đánh giá giữa học phần	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)

- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	55
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần</b>	DSCKI. Nguyễn Văn Tiêu
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Bào chế và sinh dược học
- Học phần học trước:	Bào chế và sinh dược học
- Học phần song hành:	Sản xuất thuốc từ dược liệu

### 9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Thực hành sản xuất thuốc tại các xí nghiệp dược phẩm giúp sinh viên có những kiến thức thực tiễn liên quan đến sản xuất, đảm bảo chất lượng thuốc và các nguyên tắc của GPs có liên quan và rèn luyện tác phong làm việc trong môi trường sản xuất thực tế ở qui mô công nghiệp.

### 10. Chuẩn đầu ra học phần

<b>CDR học phần</b>	<b>TĐNL</b> (Thang đo năng lực)	<b>Mô tả CDR học phần</b>
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Thấy rõ những kiến thức đã được học vào thực tiễn liên quan đến sản xuất, kiểm tra chất lượng, bảo quản tồn trữ thuốc và nguyên liệu làm thuốc tại các nhà máy sản xuất thuốc theo tiêu chuẩn GMP.
CLO2	K3 (Áp dụng)	Thực hiện được chức trách nhiệm vụ được phân công trong qui trình kỹ thuật sản xuất thuốc tại nhà máy dược phẩm.
CLO3	S2 (Vận dụng)	Áp dụng các kiến thức bào chế, kiểm nghiệm, bảo quản tồn trữ thuốc vào công việc thực tế tại các nhà máy dược phẩm.
CLO4	S3 (Vận dụng thành thạo)	Thực hành được kỹ thuật chuyên môn tại các vị trí trong qui trình sản xuất thuốc.
CLO5	A2 (Tự chủ tiếp nhận)	Luôn chủ động rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, không ngừng học tập nâng cao trình độ.
CLO6	A2 (Hồi đáp, phản ứng)	Tôn trọng đồng nghiệp, cầu thị, hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp với đồng nghiệp.

## 51. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC MỸ PHẨM VÀ THỰC PHẨM CHỨC NĂNG

<b>1. Tên học phần (Tiếng Việt):</b> Mỹ phẩm và thực phẩm	<b>Tên tiếng Anh:</b> Cosmetics & Functional Foods
<b>2. Mã học phần:</b>	7DUC037
<b>3. Số tín chỉ:</b>	02
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Kiến thức ngành
<b>5. Loại học phần:</b>	Tự chọn
<b>6. Phân bổ thời gian: 100 giờ</b>	
- Lý thuyết	30 phút
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	
- Đánh giá giữa học phần	5 tiết
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	65
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần</b>	ThS. Hoàng Thị Chung ThS. Phạm Thị Loan Phương
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Bào chế, Thực vật dược, Hóa hữu cơ, Hóa vô cơ, Hóa phân tích, Dược lý
- Học phần học trước:	Bào chế, Thực vật dược, Hóa hữu cơ, Hóa vô cơ,
- Học phần song hành:	Pháp chế

#### 9. Mô tả tóm tắt học phần:

- Học phần cung cấp kiến thức chung về mỹ phẩm: Định nghĩa, phân loại mỹ phẩm. So sánh phân biệt mỹ phẩm và thuốc. Các thông tin cần thiết về mỹ phẩm. Các thuật ngữ và khái niệm cơ bản trong mỹ phẩm.

- Học phần cung cấp khái niệm về TPCN và các ứng dụng của các nhóm thực phẩm CN trong hỗ trợ bảo vệ sức khỏe và nhận biết được các hướng nghiên cứu phát triển SP TPCN.

#### 10. Chuẩn đầu ra học phần

<b>CĐR học phần</b>	<b>TĐNL</b> (Thang đo năng lực)	<b>Mô tả CĐR học phần</b>
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	<b>Giải thích</b> được về đại cương mỹ phẩm, thành phần của các loại mỹ phẩm
CLO2	K3 (Áp dụng)	<b>Xây dựng</b> được các tiêu chuẩn chất lượng của mỹ phẩm, các chỉ tiêu đánh giá chất lượng mỹ phẩm

CLO3	S2 (Vận dụng)	<i>Thực hiện</i> được các đặc điểm tiêu dùng TPCN và vấn đề sức khỏe
COL4	S3 (Vận dụng thành thạo)	<i>Sử dụng</i> được định nghĩa, phân biệt, lịch sử phát triển TPCN
CLO5	A2 (Tự chủ tiếp nhận)	<i>Xây dựng</i> được công thức chống lão hóa, kéo dài tuổi thọ của TPCN
CLO6	A2 (Hồi đáp, phản ứng)	<i>Thảo luận</i> Các TPCN có tác dụng tạo sức khỏe sung mãn, các TPCN tăng sức đề kháng, giảm nguy cơ bệnh tật

## 52. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC CỘNG ĐỒNG

<b>1. Tên học phần (Tiếng Việt): Dược cộng đồng</b>	<b>Tên tiếng Anh: Communication Pharmacy</b>
<b>2. Mã học phần:</b>	7DUC038
<b>3. Số tín chỉ:</b>	<b>02</b>
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Kiến thức ngành
<b>5. Loại học phần:</b>	Bắt buộc
<b>6. Phân bổ thời gian: 100 giờ</b>	
- Lý thuyết	30 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	
- Đánh giá giữa học phần	5 tiết
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	65 tiết
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần</b>	BSCCKII: Hoàng Duy Hiến ThS: Hoàng Thi Chung
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Hóa dược, Dược lý, Quản lý kinh tế dược
- Học phần học trước:	Hóa dược, Dược lý, đạo đức hành nghề
- Học phần song hành:	Dược lâm sàng, Pháp chế dược

### 9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về thuốc thiết yếu; tác dụng không mong muốn của thuốc; phòng chống kháng thuốc; sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả; sử dụng kháng sinh đúng nguyên tắc; không lạm dụng mỹ phẩm và thực phẩm bảo vệ sức khỏe trong cộng đồng.

### 10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học	TĐNL (Thang đo)	Mô tả CĐR học phần
---------	--------------------	--------------------

<b>phần</b>	<i>năng lực</i> )	
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	<b>Giải thích</b> các biểu hiện, tác hại và các biện pháp phòng tránh các tác dụng không mong muốn của thuốc, Tác hại của sự kháng thuốc đối với môi trường và sức khỏe con người, các biện pháp phòng chống kháng thuốc.
CLO2	K3 (Áp dụng)	<b>Thực hiện</b> sử dụng thuốc hợp lý an toàn, hiệu quả, hững kiến thức về sử dụng kháng sinh, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, mỹ phẩm, Nhận biết được những biểu hiện trên da của tác dụng không mong muốn do thuốc gây ra; hướng dẫn nhân viên y tế sử dụng mẫu báo cáo ADR do Bộ Y tế ban hành
CLO3	S2 (Vận dụng)	<b>Triển khai</b> kiến thức đã học để nhận biết được những biểu hiện trên da của tác dụng không mong muốn do thuốc gây ra;
COL4	S3 (Vận dụng thành thạo)	Hướng dẫn nhân viên y tế sử dụng mẫu báo cáo ADR do Bộ Y tế ban hành
CLO5	A2 (Tự chủ tiếp nhận)	Nhận thức đúng về vai trò của người dược sĩ trong hướng dẫn sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả Hiểu được các quy định liên quan đến quản lý thuốc phải kiểm soát đặc biệt
CLO6	A2 (Hỏi đáp, phản ứng)	Thực hiện tốt kế hoạch học tập của học phần đề đề ra.

### 53. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN LÝ DƯỢC BỆNH VIỆN

<b>1. Tên học phần (Tiếng Việt):</b> Quản lý dược bệnh viện	<b>Tên tiếng Anh:</b> Hospital Pharmaceutical Management
<b>2. Mã học phần:</b>	7ĐUC039
<b>3. Số tín chỉ:</b>	02
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Kiến thức bổ trợ ngành
<b>5. Loại học phần:</b>	Tự chọn
<b>6. Phân bổ thời gian:</b>	<b>Tổng thời gian 100 giờ</b>
- Lý thuyết	30 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	
- Đánh giá giữa học phần	1 giờ

- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	69
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần</b>	DSCKI: Vương Thị Việt Hồng DSCKII: Hoàng Duy Hiền
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Hóa dược, Dược lý, Dược Lâm sàng
- Học phần học trước:	Hóa dược, Dược lý.Đảm bảo chất lượng thuốc và tồn trữ.
- Học phần song hành:	Dược lâm sàng, Kỹ năng giao tiếp bán hàng.

### 9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần quản lý dược bệnh viện cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về chức năng, nhiệm vụ, các hoạt động chuyên môn và cơ cấu tổ chức của bệnh viện và khoa dược tại các cơ sở y tế có giường bệnh; những kiến thức nghiệp vụ về xây dựng danh mục thuốc bệnh viện, sử dụng thuốc, hoạt động của Hội đồng thuốc & Điều trị và đấu thầu mua thuốc cho bệnh viện đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh.

### 10. Chuẩn đầu ra học phần

<b>CDR học phần</b>	<b>TĐNL (Thang đo năng lực)</b>	<b>Mô tả CDR học phần</b>
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Hiểu được chức năng, nhiệm vụ của bệnh viện, khoa dược bệnh viện và tổ chức, biên chế khoa dược bệnh viện
CLO2	K2 (Hiểu kiến thức)	Hiểu được những nhiệm vụ chuyên môn được thực hiện tại khoa dược bệnh viện
CLO34	S2 (Vận dụng)	Trình bày được chức năng, nhiệm vụ, những hoạt động chuyên môn của Hội đồng thuốc - Điều trị bệnh viện và những vấn đề đang tồn tại khi triển khai Hội đồng
CLO4	S2 (kỹ năng vận dụng)	Vận dụng được những quy định trong quy trình đấu thầu mua thuốc phục vụ hoạt động khám, chữa bệnh bằng nguồn kinh phí từ BHYT tại bệnh viện Thực hành tốt nhiệm vụ duyệt cấp phát thuốc tại khoa dược bệnh viện Thực hành được nhiệm vụ bảo quản, tồn trữ thuốc tại khoa dược bệnh viện

		Thực hành được nhiệm vụ thống kê số liệu xuất nhập thuốc tại khoa dược bệnh viện Thực hành được nhiệm vụ pha chế thuốc tại khoa dược bệnh viện
CLO5	A2 (Tự chủ tiếp nhận)	Thấy được vai trò của khoa dược trong cung ứng và theo dõi hướng dẫn sử dụng thuốc hợp lý, an toàn tại bệnh viện
CLO6	A2 (Hồi đáp, phản ứng)	Thái độ nghiêm túc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được phân công Thật thà đoàn kết với nhân viên trong bệnh viện trong quá trình làm việc

#### 54. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC XÃ HỘI HỌC

<b>1. Tên học phần (Tiếng Việt):</b> Dược xã hội học	<b>Tên tiếng Anh:</b> Sociopharmacology
<b>2. Mã học phần:</b>	7DUC042
<b>3. Số tín chỉ:</b>	02
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Kiến thức ngành
<b>5. Loại học phần:</b>	Bắt buộc
<b>6. Phân bổ thời gian:</b>	
- Lý thuyết	30 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30 tiết
- Đánh giá giữa học phần	1 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	70 tiết
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần</b>	DSCCKII: Hoàng Duy Hiền ThS: Hoàng Thị Chung
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Hóa dược, Dược lý, Dược Lâm sàng
- Học phần học trước:	Hóa dược, Dược lý, Dược cộng đồng
- Học phần song hành:	Dược lâm sàng, pháp chế dược

#### 9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về lịch sử, tổ chức ngành dược Việt Nam, nội dung của Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân, Luật BHXH, các chương trình y tế quốc gia, chính sách quốc gia về thuốc của Việt Nam; những kiến thức về dân số, thống kê y tế và vai trò của dược sĩ trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

#### 10. Chuẩn đầu ra học phần

<b>CĐR học phần</b>	<b>TĐNL</b> (Thang đo năng lực)	<b>Mô tả CĐR học phần</b>
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Hiểu được các khái niệm về xã hội học y tế. Hiểu được được tổ chức ngành Dược Việt Nam
CLO2	K3 (Áp dụng)	Hiểu và vận dụng được các nội dung chủ yếu của Luật Bảo hiểm y tế, chính sách quốc gia về thuốc của Việt Nam
CLO3	S2 (Vận dụng)	Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến các chỉ số thống kê y tế Phân tích được vai trò của dược sĩ trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng
COL4	S3 (Vận dụng thành thạo)	Vận dụng thành thạo những nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật, thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của người cán bộ y tế trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân
CLO5	A2 (Tiếp nhận)	Làm việc độc lập và làm việc nhóm, phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn
CLO6	A2 (Hỏi đáp, phản ứng)	Có khả năng học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời

### 55. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CẢNH GIÁC DƯỢC

<b>1. Tên học phần (Tiếng Việt):</b> <i>Cảnh giác dược</i>	<b>Tên tiếng Anh:</b> <b>Pharmacovigilance</b>
<b>2. Mã học phần:</b>	7DUC043
<b>3. Số tín chỉ:</b>	02
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Kiến thức ngành (Bổ trợ)
<b>5. Loại học phần:</b>	Tự chọn
<b>6. Phân bổ thời gian:</b>	<b>Tổng thời gian 100 giờ</b>
- Lý thuyết	30 giờ
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	
- Đánh giá giữa học phần	5 giờ

- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	65
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần</b>	DSCKI. Vương Thị Việt Hồng DSCKII. Hoàng Duy Hiền
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Hóa dược, Dược lý, Dược Lâm sàng
- Học phần học trước:	Dược lý, Dược Lâm sàng
- Học phần song hành:	Dược lâm sàng.

### 9. Mô tả tóm tắt học phần:

Cung cấp cho sinh viên kiến thức về Cảnh giác dược, các hoạt động liên quan đến việc phát hiện, đánh giá, hiểu và phòng tránh tác dụng có hại hoặc bất kỳ 1 vấn đề nào khác liên quan đến thuốc trong sử dụng thuốc hóa dược, thuốc cổ truyền, tiêm chủng, dịch bệnh.

### 10. Chuẩn đầu ra học phần

<b>CDR học phần</b>	<b>TĐNL</b> (Thang đo năng lực)	<b>Mô tả CDR học phần</b>
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	<b>Giải thích</b> khái niệm liên quan đến cảnh giác dược, phân loại phản ứng có hại (ADR), Hệ thống Cảnh giác dược tại Việt Nam
CLO2	K3 (Áp dụng)	<b>Xây dựng</b> các triệu chứng và nội dung cần xem xét khi nghi ngờ có ADR
CLO3	S2 (Vận dụng)	<b>Xây dựng</b> phương án phòng ngừa, và nhiệm vụ của thầy thuốc trong tiếp nhận, xử lý, báo cáo ADR
COL4	S3 (Vận dụng thành thạo)	<b>Kiểm soát</b> được cảnh giác dược trong sử dụng thuốc tại Bệnh viện, cảnh giác dược trong sử dụng thuốc cổ truyền
CLO5	A2 (Tiếp nhận)	<b>Lựa chọn</b> được cảnh giác dược trong các chương trình y tế
CLO6	A2 (Hồi đáp, phản ứng)	Cảnh giác dược trong đại dịch

## 56. THỬ THUỐC TRÊN LÂM SÀNG VÀ ĐÁNH GIÁ TƯƠNG ĐƯƠNG SINH HỌC THUỐC

<b>1. Tên học phần (tiếng Việt):</b> Thử thuốc trên lâm sàng và đánh giá tương đương sinh học thuốc	<b>Tiếng Anh:</b> Clinical trial of drugs and assessment of drug bioequivalence
<b>2. Mã học phần:</b>	<b>7DUC044</b>
<b>3. Số tín chỉ:</b>	<b>02</b>
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Kiến thức ngành
<b>5. Loại học phần:</b>	Bắt buộc
<b>6. Phân bổ thời gian: 100 GIỜ</b>	
- Lý thuyết	30 phút
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	65
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần:</b>	<b>ThS. Ngô Văn nghiệp</b>
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Bệnh học, Vi sinh, Ký sinh, Hóa dược, dược lý,
- Học phần học trước:	Bệnh học, Vi sinh, Ký sinh, Hóa dược, Dược lý 1,2. Dược động học...
- Học phần song hành:	Pháp chế dược, Kiểm nghiệm thuốc...

### 9. Mô tả tóm tắt học phần:

Thử thuốc trên lâm sàng gồm các quá trình nghiên cứu, đánh giá hiệu quả điều trị và tính an toàn của thuốc trên người trước khi được cấp phép lưu hành. Nội dung bao gồm:

1- Các văn bản pháp lý liên quan thử thuốc trên lâm sàng TT 29/2018 của Bộ Y tế. Thông tư 08/2008/TT-BYT Quy định nghiên cứu đánh giá tương đương sinh (BE).

2- Nguyên tắc thử nghiệm lâm sàng

3-Các giai đoạn thử nghiệm

4-Thiết kế nghiên cứu

5-Phân tích và báo cáo kết quả

-Đánh giá tương đương sinh học gồm: Cung cấp kiến thức và phương pháp so sánh hai thuốc cùng hoạt chất xem chúng có tương đương hiệu quả điều trị không bằng cách đo nồng độ thuốc trong máu rồi so sánh 2 kết quả

Nội dung chính:

1- Khái niệm và nguyên tắc

2- Thiết kế nghiên cứu tương đương sinh học

3- Qui trình thử nghiệm

4- Ứng dụng trong ngành dược: đảm bảo chất lượng thuốc generic trước khi đưa vào thị trường.

### 10. Chuẩn đầu ra học phần

<b>CDR học phần</b>	<b>TĐNL</b> (Thang đo năng lực)	<b>Mô tả CDR học phần</b>
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	-Nắm được các văn bản qui định về thử nghiệm lâm sàng -Trình bày được các bước thử nghiệm lâm sàng - Trình bày được qui trình thử nghiệm lâm sàng -Lắm chắc các văn bản và thông tư về đánh giá tương đương sinh học BE -Qui trình đánh giá tương đương sinh học
CLO2	K3 (Áp dụng)	-Biết được thủ tục đăng ký thử nghiệm lâm sàng để đăng ký thuốc mới -Biết được các bước và qui trình đánh giá tương đương sinh học phục vụ đăng ký thuốc và ứng dụng trong điều trị
CLO3	S2 (Vận dụng)	-Nghiên cứu sản xuất thuốc mới, đăng ký thuốc -Đánh giá hiệu quả điều trị của thuốc -Đánh giá chất lượng thuốc -Tìm ra các tác dụng mới và tác dụng phụ mới của thuốc
CLO4	S3 (Vận dụng thành thạo)	- Thành thạo trong nghiên cứu thuốc mới, - Thành thạo đánh giá hiệu quả điều trị của thuốc - Thành thạo đánh giá chất lượng thuốc Thành thạo tìm ra các tác dụng mới và tác dụng phụ mới của thuốc
CLO5	A2 (Tự chủ tiếp nhận)	Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động ngoại khóa...
CLO6	A2 (Hỏi đáp, phản ứng)	Suy nghĩ độc lập, chủ động có ý kiến hỏi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh họa... trong thảo luận, nghiên cứu

### 57. ĐỀ CƯƠNG CHI HỌC PHẦN BAO BÌ DƯỢC PHẨM

<b>1. Tên học phần (tiếng Việt):</b> Bao bì dược phẩm	<b>Tên tiếng Anh:</b>
<b>2. Mã học phần:</b>	7DUC045
<b>3. Số tín chỉ:</b>	02

<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	kiến thức ngành
<b>5. Loại học phần:</b>	Tự chọn
<b>6. Phân bổ thời gian:100 GIỜ</b>	
- Lý thuyết	30 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0 tiết
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	65
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần:</b>	DSCK1. Nguyễn Văn Tiêu Th.S Nguyễn Trường Giang
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Hóa dược, Dược lý
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	

#### 9. Mô tả tóm tắt học phần

Cung cấp cho sinh viên kiến thức về bao bì dược phẩm, nguyên tắc xây dựng công thức thuốc và quy trình sản xuất, nội dung thẩm định quy trình sản xuất thuốc.

#### 10. Chuẩn đầu ra học phần

<b>CĐR học phần</b>	<b>TĐNL</b> (Thang đo năng lực)	<b>Mô tả CĐR học phần</b>
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Trình bày đầy đủ về các đặc điểm, phân loại và chức năng của từng loại bao bì dược phẩm
CLO2	K3 (Áp dụng)	Trình bày được về các loại nguyên liệu dùng làm bao bì (thủy tinh, chất dẻo, kim loại, cao su...)
CLO3	S2 (Vận dụng)	Nắm vững được các tương tác giữa thuốc và bao bì trong dược phẩm
COL4	S3 (Vận dụng thành thạo)	Xây dựng được công thức thuốc và quy trình sản xuất thuốc
CLO5	A2 (Tự chủ tiếp nhận)	Nắm vững các quy định về các bước thẩm định quy trình sản xuất thuốc

#### 58. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU DƯỢC LIỆU VÀ THỰC HÀNH TÓT NUÔI TRỒNG, THU HÁI DƯỢC LIỆU LÀM THUỐC (GACP)

<b>1. Tên học phần (tiếng Việt):</b> Phương pháp	<b>Tên tiếng Anh:</b> Methods of research
--	---

nghiên cứu dược liệu và thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu làm thuốc (GACP)	on medicinal herbs and good practices for growing and collecting medicinal herbs (GACP)
<b>2. Mã học phần:</b>	<b>7DUC047</b>
<b>3. Số tín chỉ:</b>	<b>2</b>
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Kiến thức chuyên ngành
<b>5. Loại học phần:</b>	Tự chọn
<b>6. Phân bổ thời gian: 100 giờ</b>	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0
- Đánh giá giữa học phần	5 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	65
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần</b>	TS. Nguyễn Văn Thanh TS. Triệu Duy Diệt
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Dược liệu 1, 2; Công nghệ dược phẩm
- Học phần học trước:	Dược liệu 1, 2; Dược học cổ truyền
- Học phần song hành:	Quản lý dược bệnh viện; Dược cộng đồng; dược xã hội; đảm bảo chất lượng thuốc

### 9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Phương pháp nghiên cứu dược liệu và thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu làm thuốc (GACP) cung cấp cho sinh viên kiến thức chung về các phương pháp nghiên cứu các hoạt chất có nguồn gốc dược liệu; các yếu tố ảnh hưởng đến trồng cây thuốc; nội dung chính của GACP – WHO; tổ chức nghiên cứu GACP – WHO, các công bố và công nhận; làm thế nào để công bố GAP cho 1 dược liệu cụ thể.

### 10. Chuẩn đầu ra học phần

<b>CĐR học phần</b>	<b>TĐNL (Thang đo năng lực)</b>	<b>Mô tả CĐR học phần</b>
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến trồng cây thuốc; các khái niệm cơ bản và nội dung GACP, gồm GAP và GCP.

CLO2	K3 (Áp dụng)	Trình bày được các nội dung và xây dựng được kế hoạch nghiên cứu GACP cho một dược liệu cụ thể.
CLO3	S2 (Vận dụng)	Xây dựng được lộ trình thực hiện đề công bố GAP cho một dược liệu cụ thể.
COL4	S3 (Vận dụng thành thạo)	Nghiên cứu được một dược liệu hoàn chỉnh; triển khai có hiệu quả GACP phù hợp điều kiện Việt Nam.
CLO5	A2 (Tự chủ tiếp nhận)	Luôn chủ động rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, không ngừng học tập nâng cao trình độ
CLO6	A2 (Hồi đáp, phản ứng)	Tôn trọng đồng nghiệp, cầu thị, hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp với đồng nghiệp. Lắng nghe và xây dựng mối quan hệ tốt đẹp, giao tiếp với nhân viên y tế, người bệnh, với cộng đồng.

#### 59. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

1. Tên học phần (tiếng Việt): Thực tập tốt nghiệp	Tên tiếng Anh: Internship
2. Mã học phần:	7DUC048
3. Số tín chỉ:	06
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Giáo dục chuyên nghiệp
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian: 300 giờ	
- Lý thuyết	0
- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	180
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	20
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	100
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	DSCKII. Hoàng Duy Hiền ThS. Ngô Văn Nghiệp TS. Triệu Duy Điệt DSCKI. Hoàng Thị Ngọc
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Các học phần chuyên ngành
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	Học phần thay thế thi tốt nghiệp (nếu có)

#### 9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần hướng dẫn sinh viên cách thức thực hiện tiến trình thực tập ngành Dược học từ chọn vấn đề đến viết các báo cáo khoa học về lĩnh vực dược dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Sinh viên sau khi được ôn lại, hướng dẫn về phương pháp nghiên cứu trên lớp, sẽ chủ động liên hệ các cơ sở thực tập, thiết lập mối quan hệ, đăng ký cơ sở thực tập và làm việc như một nhân viên của cơ sở thực tập trong vòng tối thiểu 01 tháng rưỡi (6TC = 8 tuần x 6 ngày / tuần). Trong quá trình làm việc, sinh viên chủ động tìm kiếm các vấn đề cụ thể mà bản thân quan tâm và được sự hướng dẫn của giảng viên khoa Dược – Xét nghiệm cũng như sự tham vấn của cán bộ tại cơ sở thực tập tốt nghiệp. Sau khi kết thúc thời gian thực tập, sinh viên hoàn thành báo cáo theo các mẫu báo cáo quy chuẩn.

### 11. Chuẩn đầu ra học phần

<b>CĐR học phần</b>	<b>TĐNL</b> (Thang đo năng lực)	<b>Mô tả CĐR học phần</b>
CLO1	K3 (Hiểu kiến thức)	Trình bày được cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị thực tập (bệnh viện, nhà thuốc, xí nghiệp, cơ quan quản lý)
CLO2	K3 (Áp dụng)	Vận dụng kiến thức Dược lý và Dược lâm sàng để phân tích đơn thuốc, phát hiện tương tác thuốc và tư vấn sử dụng thuốc an toàn, hợp lý.
CLO3	S3 (Vận dụng)	Phân tích và đánh giá quy trình sản xuất, bào chế, kiểm nghiệm thuốc theo tiêu chuẩn GMP và GSP tại cơ sở thực tập.
CLO4	S3 (Vận dụng thành thạo mức cao)	Thực hiện được các nghiệp vụ quản lý dược: tiếp nhận, bảo quản, cấp phát, quản lý hồ sơ thuốc và tuân thủ quy định pháp luật hiện hành (GDP, GPP, Luật Dược)
CLO5	A3 (Tự chủ tiếp nhận)	Đánh giá thực trạng công tác dược tại đơn vị thực tập, so sánh với kiến thức lý thuyết và đề xuất kiến nghị cải tiến
CLO6	A3 (Hồi đáp, phản ứng)	Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, tác phong chuyên nghiệp, ý thức trách nhiệm và tuân thủ quy định về an toàn trong hành nghề dược

### 60. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

<b>1. Tên học phần (tiếng Việt): Khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>Tên tiếng Anh:</b> Graduation Thesis
<b>2. Mã học phần:</b>	7DUC049
<b>3. Số tín chỉ:</b>	04
<b>4. Phân bố thời gian</b>	HỌC KỲ 10
- Lý thuyết	0 TC
- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	04 TC
<b>5. Loại học phần:</b>	Bắt buộc
<b>6. Phân bố thời gian: 200 GIỜ</b>	
- Lý thuyết	0
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	180
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	5
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	15
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần:</b>	<b>Giảng viên chuyên ngành</b>
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Thực tập tốt nghiệp
- Học phần học trước:	Các học phần chuyên ngành
- Học phần song hành:	Theo tiến trình ĐT

### 9. Mô tả học phần (course description)

Học phần Khóa luận tốt nghiệp nhằm: Giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên môn Dược đã học để giải quyết vấn đề thực tiễn hoặc nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Dược lý – Dược lâm sàng, Bào chế – Sản xuất, hoặc Quản lý Dược. Phát triển kỹ năng nghiên cứu khoa học, thu thập và xử lý số liệu, viết báo cáo khoa học, phân tích, đánh giá kết quả nghiên cứu. Rèn luyện thái độ nghiên cứu nghiêm túc, chủ động, đạo đức nghề nghiệp và tư duy phản biện.

Hoàn thiện báo cáo khóa luận có giá trị khoa học, bảo vệ trước hội đồng, chuẩn bị cho công việc sau tốt nghiệp.

### 10. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

<b>CĐR học phần</b>	<b>TĐNL</b> (Thang đo năng lực)	<b>Mô tả CĐR học phần</b>
CLO1 (K)	K2	Hiểu và trình bày được kiến thức chuyên môn liên quan đến đề tài khóa luận, tổng hợp các lý thuyết, phương pháp nghiên cứu trong Dược học.

CLO2 (K)	K4	Phân tích, đánh giá được vấn đề nghiên cứu, dữ liệu thực nghiệm hoặc dữ liệu thống kê, đánh giá hiệu quả của phương pháp nghiên cứu.
CLO3 (S)	K3; S3	Vận dụng các phương pháp nghiên cứu để thu thập dữ liệu, thực hiện thí nghiệm, mô phỏng hoặc khảo sát thực tế, rút ra kết quả nghiên cứu.
CLO4 (S)	S3	Viết báo cáo khoa học, tổng hợp kết quả và trình bày thuyết trình kết quả nghiên cứu, bảo vệ khóa luận trước hội đồng.
CLO5 (A)	A3	Thể hiện thái độ học tập tích cực, trách nhiệm, trung thực, chủ động và tuân thủ đạo đức nghiên cứu.
CLO6 (A)	A3	Đề xuất được giải pháp, kiến nghị hoặc phương pháp nghiên cứu mới dựa trên kết quả khóa luận (nếu có).

#### 61. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THUỐC

<b>1. Tên học phần (Tiếng Việt):</b> Hồ sơ đăng ký thuốc	<b>Tên tiếng Anh:</b> Drug register Documents
<b>2. Mã học phần:</b>	7DUC040
<b>3. Số tín chỉ:</b>	<b>02</b>
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Kiến thức bổ trợ ngành
<b>5. Loại học phần:</b>	Tự chọn
<b>6. Phân bổ thời gian: 100 giờ</b>	
- Lý thuyết	30 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	
- Đánh giá giữa học phần	5 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	65
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần</b>	BSCKII: Hoàng Duy Hiền ThS: Hoàng Thị Chung
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Hóa dược, Dược lý, Dược Lâm sàng
- Học phần học trước:	Hóa dược, Dược lý. Quản lý chất lượng thuốc và tồn trữ.
- Học phần song hành:	Kỹ năng giao tiếp bán hàng.

#### 9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần hồ sơ đăng ký thuốc cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quy định những loại giấy tờ về hành chính và kỹ thuật phải có khi đăng ký lưu hành một thuốc

với Cục quản lý dược VN và cách thức xây dựng một hồ sơ đăng ký thuốc đúng quy định hiện hành của Bộ Y tế.

### 10. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	<b>Phân loại</b> các quy định chung về hồ sơ đăng ký thuốc, quy định về hồ sơ đăng ký một thuốc hóa dược, vắc xin, sinh phẩm
CLO2	K3 (Áp dụng)	<b>Xây dựng</b> được quy định về hồ sơ đăng ký thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu và dược liệu làm thuốc
CLO3	S2 (Vận dụng)	<b>Thực hiện</b> được một hồ sơ đăng ký thuốc đúng về thủ tục hành chính và kỹ thuật
CLO4	S3 (Vận dụng thành thạo)	<b>Hoàn thành và sử dụng</b> được một hồ sơ đăng ký thuốc đúng về thủ tục hành chính và kỹ thuật
CLO5	A2 (Tự chủ tiếp nhận)	- <b>Tiếp nhận</b> được nội dung trong bài thuyết trình nhóm - Có thái độ nghiêm túc, trách nhiệm trong học tập và làm việc
CLO6	A2 (Hồi đáp, phản ứng)	- <b>Thực hiện</b> được kiến thức đã học vào thực tiễn công việc - Có đạo đức và văn hóa ứng xử trong nghề nghiệp

### 62. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THUỐC TRONG PHÂN PHỐI, BẢO QUẢN TỒN TRỮ, BÁN LẺ.

<b>1. Tên học phần (Tiếng Việt):</b> Quản lý chất lượng thuốc trong phân phối, bảo quản tồn trữ, bán lẻ.	<b>Tên tiếng Anh:</b> Ensuring drug quality distribution, storage and retail.
<b>2. Mã học phần:</b>	7DUC041
<b>3. Số tín chỉ:</b>	02
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Kiến thức bổ trợ ngành
<b>5. Loại học phần:</b>	Tự chọn
<b>6. Phân bổ thời gian: 100 giờ</b>	
- Lý thuyết	30 tiết

-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	
- Đánh giá giữa học phần	1 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	69 tiết
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần</b>	Ths: Đặng Xuân Bích ThS: Hoàng Thị Chung
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Hóa dược, Dược lý, Dược Lâm sàng
- Học phần học trước:	Hóa dược, Dược lý, pháp chế.
- Học phần song hành:	Kỹ năng giao tiếp bán hàng.

### 9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần giới thiệu các nguyên tắc, nội dung liên quan đến hoạt động của hệ thống GPs (GMP, GLP, GSP, GCP, GDP, GPP) các thực hành tốt: Thực hành tốt sản xuất (GMP); Thực hành tốt kiểm nghiệm (GLP); Thực hành tốt bảo quản (GSP); Thực hành tốt Phân phối (GDP), Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc (GPP). Theo qui định của Bộ Y tế và thông lệ quốc tế.

### 10. Chuẩn đầu ra học phần

<b>CĐR học phần</b>	<b>TĐNL</b> (Thang đo năng lực)	<b>Mô tả CĐR học phần</b>
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	<b>Phân loại</b> được các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý chất lượng trong hoạt động bán buôn, bán lẻ, bảo quản tồn trữ thuốc. <b>Giải thích</b> được quy định về nguyên tắc, tiêu chuẩn và nội dung trong thực hành tốt GPs: (GMP), (GLP), (GSP), (GDP), (GPP)..
CLO2	K3 (Áp dụng)	<b>Triển khai</b> được cách thức biên soạn quy trình thao tác chuẩn trong hoạt động phân phối, tồn trữ và bán lẻ thuốc
CLO3	S2 (Vận dụng)	<b>Xây dựng</b> được Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận thực hành tốt Bảo quản thuốc (GSP)
COL4	S3 (Vận dụng thành thạo)	<b>Sử dụng</b> được Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận thực tốt phân phối thuốc (GDP). Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận thực tốt cơ sở bán lẻ thuốc (GPP)
CLO5	A2 (Tự chủ tiếp nhận)	<b>Thấu hiểu</b> được các SOP trong hoạt động tồn trữ, bảo quản thuốc, các SOP trong hoạt động bán buôn, bán lẻ thuốc

		thấy được vai trò quan trọng của việc đảm bảo chất lượng thuốc trong bảo quản tồn trữ, bán buôn, bán lẻ.
CLO6	A2 (òì ðáp, phản ứng)	<b>Tham gia</b> nghiêm túc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được phân công <b>Tuân theo</b> mỗi quan hệ chi phí -hiệu quả kinh tế của việc bảo đảm chất lượng thuốc trong bảo quản tồn trữ, bán buôn, bán lẻ.

### 63. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN LÝ NHÀ THUỐC VÀ KỸ NĂNG BÁN HÀNG

<b>1. Tên học phần (Tiếng Việt):</b> <b>QUẢN LÝ NHÀ THUỐC VÀ KỸ NĂNG BÁN HÀNG</b>	<b>Tên tiếng Anh:</b> <b>Pharmaceutical Legislation</b>
<b>2. Mã học phần:</b>	7DUC046
<b>3. Số tín chỉ:</b>	<b>02 (1:1)</b>
<b>4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:</b>	Kiến thức ngành
<b>5. Loại học phần:</b>	Học thay thế khóa luận tốt nghiệp
<b>6. Phân bổ thời gian:</b>	<b>Tổng: 100 giờ</b>
- Lý thuyết	15
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30
- Đánh giá giữa học phần	5 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	50 giờ
<b>7. Các giảng viên phụ trách học phần</b>	ThS. Phạm Thị Loan Phượng DSCCKII. Hoàng Duy Hiên
<b>8. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Hóa dược, Dược lý, Dược Lâm sàng
- Học phần học trước:	Hóa dược, Dược lý.
- Học phần song hành:	Dược lâm sàng, Kỹ năng giao tiếp bán hàng.

#### 9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về kỹ năng giao tiếp để tiến hành các hoạt động chuyên môn trong tư vấn và bán thuốc tại các cơ sở bán lẻ thuốc theo thông tư 02/2018/TT-BYT ngày 18/01/2018 Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc (GPP).

#### 10. Chuẩn đầu ra học phần

<b>CĐR học phần</b>	<b>TĐNL (Thang đo năng lực)</b>	<b>Mô tả CĐR học phần</b>

CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	<b>Phân loại</b> được các kỹ năng giao tiếp cần phải có trong hành nghề, biết lắng nghe và đồng cảm với người bệnh, khách hàng thông qua hoạt động giao tiếp, các hoạt động quản trị mua hàng, bảo quản và tồn trữ, bán hàng và thông tin thuốc.
CLO2	K3 (Áp dụng)	<b>Thực hiện</b> được các cách giao tiếp với khách hàng, người bệnh trong những tình huống đặc biệt; Khai thác được thông tin liên quan đến sức khỏe và triệu chứng một số bệnh thông thường hay mắc trong cộng đồng.
CLO3	S2 (Vận dụng)	<b>Hướng dẫn</b> được cách sử dụng thuốc cho bệnh nhân an toàn, hiệu quả.
CLO4	S3 (Vận dụng thành thạo)	<b>Giao tiếp</b> có hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và khách hàng trong tư vấn sử dụng thuốc tại cộng đồng; Làm thành thạo quy trình bán một đơn thuốc tại nhà thuốc
CLO5	A2 (Tự chủ tiếp nhận)	<b>Tư vấn</b> có hiệu quả cách sử dụng một số thuốc không phải kê đơn trong điều trị các bệnh thường mắc tại cộng đồng Thấy được tầm quan trọng của kỹ năng giao tiếp trong hoạt động nghề nghiệp
CLO6	A2 (Hồi đáp, phản ứng)	<b>Thảo luận</b> , tôn trọng, cảm thông, chia sẻ và hết lòng phục vụ người bệnh và khách hàng. Khiêm tốn học hỏi đồng nghiệp, luôn giúp đỡ đồng nghiệp trong công việc

## 8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

### 8.1. Căn cứ pháp lý để xây dựng chương trình đào tạo

- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Kế hoạch số 494/KH-ĐHĐĐ 04 /12/2024 về việc rà soát, cập nhật, điều chỉnh và phát triển chương trình đào tạo của Trường Trường đại học Đông Đô;

### 8.2. Hướng dẫn sinh viên định hướng hoàn thành chương trình

Sinh viên vào trường sau khi ổn định tổ chức lớp học được hướng dẫn những nội dung cơ bản sau:

- Triết lý giáo dục của Trường Trường đại học Đông Đô.

- Tâm nhìn và sứ mạng của Khoa Dược – Xét nghiệm.
- Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Dược học
- Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.
- Vị trí việc làm và định hướng học phát triển lên trình độ cao hơn của chương trình đào tạo.
- Trách nhiệm của khoa và ngành trong việc hỗ trợ sinh viên thực hiện quá trình học tập.

- Trách nhiệm của sinh viên trong quá trình học tập.

### **8.3. Trách nhiệm của Trường, Khoa và Ngành**

#### **8.3.1. Trách nhiệm của Trường**

Phổ biến triết lý giáo dục của của Trường Trường đại học Đông Đô.

Mối quan hệ hữu cơ và tính độc lập giữa khoa với trường trong trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực.

#### **8.3.2. Trách nhiệm của Khoa**

Giới thiệu rõ cho sinh viên về:

- Tâm nhìn và sứ mạng của Khoa Dược – Xét nghiệm.
- Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Dược học.
- Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.
- Chương trình đào tạo, định hướng đào tạo và những khác biệt trong đào tạo ngành ngành Dược học của Trường Trường đại học Đông Đô so với các trường khác.
- Những thuận lợi và thách thức đối với sinh viên theo học ngành Dược học tại Trường đại học Đông Đô.
- Vị trí việc làm và định hướng học phát triển lên trình độ cao hơn của chương trình đào tạo.
- Trách nhiệm của khoa và ngành trong việc hỗ trợ sinh viên thực hiện quá trình học tập.
- Trách nhiệm của sinh viên trong quá trình học tập.

#### **8.3.3. Trách nhiệm của ngành Dược học**

Phải thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình;  
 Cung cấp đề cương chi tiết cho giảng viên giảng dạy từng học phần;  
 Cố vấn học tập phải hiểu nội dung, hình thức thực hiện chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần;  
 Chuẩn bị đầy đủ học liệu bắt buộc và học liệu tham khảo, cơ sở vật chất;  
 Cần chú ý tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mô đun kiến thức của học phần tiên quyết, học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

#### **8.4. Trách nhiệm của giảng viên ngành Dược học**

Phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp;

Phải cung cấp học liệu cho sinh viên trước khi lên lớp để sinh viên chuẩn bị bài trước khi nghe giảng;

Tổ chức cho sinh viên các buổi seminar, chú trọng hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án. Giảng viên xác định phương pháp truyền thụ, thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành, phòng thí nghiệm và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

#### **8.5. Trách nhiệm của sinh viên ngành Dược học**



Tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần phù hợp với tiến độ đào tạo.

Nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để tiếp thu bài giảng

Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp nghe hướng dẫn của giảng viên.

Tự giác trong việc tự học và nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.

Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện để phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp.

Thực hiện nghiêm túc quy chế thi, kiểm tra, đánh giá.

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2025

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
TS. Đào Hải